TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CỔ PHẦN
Digitally signed by TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CỔ PHẦN
DN: C=VN, S=TỈNH BÌNH DƯƠNG, CN=TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CỔ PHẦN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3700148166
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.06.30 19:30:05+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 11.2.1

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2026

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 ("Luật Doanh nghiệp");

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 ("Luật Chứng khoán");

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP được Chính phủ ban hành và chính thức có hiệu lực từ ngày 11 tháng 09 năm 2025;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP được thông qua ngày 29/04/2024.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (gọi tắt là "**Cuộc họp ĐHĐCĐ**") năm 2026 của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("**Tổng Công ty**").

1.2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham dự Đại hội; Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

1.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

Điều 2. Điều kiện tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ

Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Tổng Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

3.1. Quyền của cổ đông khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ:

a. Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ;

b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Tổng Công ty;

c. Được Ban Tổ chức thông báo nội dung, chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ và các tài liệu kèm theo;

d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được nhận Thẻ biểu quyết sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

e. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi cuộc họp ĐHĐCĐ chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng cuộc họp ĐHĐCĐ và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

3.2. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:

a. Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền hợp lệ (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

b. Giữ gìn an ninh trật tự và không gây rối loạn hay lộn xộn trong cuộc họp ĐHĐCĐ;

c. Việc ghi âm, ghi hình cuộc họp ĐHĐCĐ phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

d. Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban Tổ chức và tôn trọng sự điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ của Chủ tọa Đại hội;

e. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

f. Cung cấp thông tin về người có liên quan hay người có lợi ích liên quan đến cổ đông theo yêu cầu của Tổng Công ty.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

4.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 (*một*) Trưởng Ban và các thành viên do Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: Yêu cầu cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ xuất trình Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;

c. Báo cáo trước cuộc họp ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp cuộc họp ĐHĐCĐ tại các thời điểm sau:

+ Trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ;

+ Trước mỗi lần biểu quyết của cuộc họp ĐHĐCĐ nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp hoặc xin vắng mặt giữa cuộc họp).

d. Xác định các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết trên cơ sở thông tin mà Ban kiểm tra tư cách cổ đông có được hay thông tin do cổ đông cung cấp.

4.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

5.1. Ban Kiểm phiếu có 05 (*năm*) thành viên, gồm 01 (*một*) Trưởng ban và 04 (*bốn*) thành viên do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa Đại hội.

5.2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng Thẻ biểu quyết, thể thức biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết. Trong trường hợp Ban kiểm phiếu không thể xác định chính xác (các) cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (do thiếu thông tin hay do quy định của pháp luật chưa đầy đủ hoặc không rõ ràng), thì phiếu của cổ đông đó vẫn được tính, nhưng Ban kiểm phiếu phải lập biên bản ghi nhận việc này. Việc (các) cổ đông sau khi bỏ phiếu được xác định là cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của nghị quyết mà cổ đông đó đã tham gia bỏ phiếu, nếu như nghị quyết đó vẫn có đủ số phiếu cần thiết sau khi loại bỏ số phiếu của cổ đông liên quan đó.

5.3. Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo trước cuộc họp ĐHĐCĐ về kết quả kiểm phiếu.

5.4. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

5.5. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch và Thư ký

6.1. Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa Đại hội hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT làm chủ tọa cuộc họp do HĐQT triệu tập.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc mất khả năng điều khiển cuộc họp hoặc vì lý do bất khả kháng thì các thành viên HĐQT còn lại bầu ra một trong số họ làm Chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số. Trường hợp HĐQT không bầu được Chủ tọa cuộc họp thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

6.2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 6.1, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để Đại hội bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.

6.3. Chủ tọa cử một hoặc một số Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ.

6.4. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6.5. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh

được mong muốn của đa số người dự họp.

6.6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (*ba*) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

6.6. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến cuộc họp ĐHĐCĐ.

6.7. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

6.7. Đoàn Chủ tịch bao gồm một số thành viên HĐQT và cán bộ quản lý của Tổng Công ty do Chủ tọa chỉ định. Đoàn Chủ tịch thực hiện một số công việc nhằm hỗ trợ việc điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ của Chủ tọa.

6.8. Thư ký cuộc họp có chức năng lập Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ, thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch. Thư ký cuộc họp có thể có một hoặc một số người giúp việc.

Chương III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ

7.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

7.2. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Tiến hành Đại hội

8.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.

8.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình họp ĐHĐCĐ theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

8.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được thông qua.

Điều 9. Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

9.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 9.3 Điều này:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty.

9.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 9.1 và 9.3 Điều này.

9.3. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 10. Thẻ biểu quyết

10.1. Thẻ biểu quyết phát cho các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp có ghi mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết và các nội dung chính cần thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thẻ biểu quyết phải được đóng dấu của Tổng Công ty.

10.2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự họp Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 11. Thể thức biểu quyết thông qua các nghị quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

Việc biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ tùy trường hợp sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

11.1. Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu

a. Các nội dung biểu quyết được ghi trong Thẻ biểu quyết sẽ được cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến vào từng nội dung cần lấy ý kiến;

b. Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

+ Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong;

+ Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.

c. Các Thẻ biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:

+ Thẻ không theo mẫu do Ban Tổ chức phát ra và không có dấu của Tổng Công ty;

+ Thẻ bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;

+ Thẻ không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền;

+ Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu dẫn đến việc Ban kiểm phiếu không xác định được ý kiến của người bỏ phiếu;

+ Thẻ có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ.

Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Thẻ biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

d. Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Thẻ biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu xin đổi lại Thẻ biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

11.2. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS/HĐQT được thực hiện theo Quy chế riêng về bầu thành viên BKS/HĐQT được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

11.3. Biểu quyết trực tiếp

Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại Điều 11.1 và 11.2 trên đây.

Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa hoặc Đoàn Chủ tịch. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 12. Quy định về việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu

12.1. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:

a. Ban kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng/khu vực riêng;

b. Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu;

c. Kiểm tra tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết;

d. Kiểm tra lần lượt từng Thẻ biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;

e. Tính toán và loại bỏ số cổ phần không được quyền biểu quyết của cổ đông có liên quan (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết);

f. Niêm phong toàn bộ Thẻ biểu quyết, bàn giao lại cho Trưởng Ban kiểm phiếu.

12.2. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

a. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu;

b. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

+ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

+ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

+ Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng vấn đề;

+ Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và các thành viên Ban kiểm phiếu.

Điều 13. Phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải giơ Thẻ biểu quyết hoặc đăng ký phát biểu. Chủ tọa căn cứ vào thời gian chương trình cuộc họp để bố trí sắp xếp việc phát biểu của các cổ đông. Chủ tọa có thể dành ưu tiên phát biểu cho cổ đông đăng ký phát biểu trước và có ý kiến liên quan đến chương trình họp. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội.

Điều 14. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ

14.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện được ủy quyền dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

14.2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

14.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

14.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

14.5. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

14.6. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

Điều 15. Nghị quyết của ĐHĐCĐ

15.1. Căn cứ kết quả tại cuộc họp ĐHĐCĐ, Chủ tọa ra Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua.

15.2. Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết của ĐHĐCĐ phù hợp với quyđịnh của Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Hiệu lực thi hành của Quy chế

16.1. Quy chế này gồm 3 Chương, 16 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được cuộc họp ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

16.2. Quy chế này có thể sửa đổi tại từng thời điểm trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

M.S.D.N: 3700106-C.T.C.P * TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT-XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG CÔNG TY CỔ PHẦN * TP.THUẬN AN-T.BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN AN ĐỊNH

TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/BC-HĐQT	----------
	Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026.

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**
TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

*- Căn cứ vào Điều lệ sửa đổi lần 02 của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("**Tổng Công ty**") được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/04/2024;*

- Căn cứ vào Nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/04/2025.

- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 05/06/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

Hội đồng Quản trị ("**HĐQT**") Tổng Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") về Kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025.

Năm 2025, hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục tiềm ẩn nhiều bất ổn do xung đột địa chính trị, biến động thương mại và các yếu tố khó lường của thị trường. Tuy nhiên, xu hướng lạm phát hạ nhiệt, điều kiện tài chính dần cải thiện và làn sóng đầu tư vào công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, đã tạo ra những động lực tăng trưởng mới. Trong nước, kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, tăng trưởng GDP ước đạt khoảng 8,02%, hoạt động đầu tư, thương mại và xuất khẩu tiếp tục phục hồi tích cực, qua đó tạo nền tảng hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, Tổng Công ty vừa chịu tác động trực tiếp từ các yếu tố bất lợi của thị trường, vừa đứng trước yêu cầu phải nâng cao năng lực thích ứng và hiệu quả quản trị. Hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản được duy trì ổn định, tuy nhiên, cơ cấu nguồn thu còn phụ thuộc đáng kể vào lợi nhuận, cổ tức từ các đơn vị thành viên và công ty liên kết, trong khi áp lực về nghĩa vụ tài chính, chi phí và dòng tiền vẫn ở mức cao. Điều này đặt ra yêu cầu phải tiếp tục cơ cấu lại danh mục đầu tư, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Nhìn chung, năm 2025 là năm Tổng Công ty duy trì được sự ổn định cần thiết, song cũng bộc lộ rõ các thách thức về chất lượng tăng trưởng và tính bền vững. Tác động của các yếu tố nêu trên đã phản ánh trực tiếp vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, theo đó lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Tổng Công ty đạt 143% và lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán đạt 107% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra, làm cơ sở cho việc đánh giá, rà soát và định hướng các giải pháp điều hành trong giai đoạn tiếp theo

Chi tiết các hoạt động kinh doanh này đã được trình bày tại Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông.

II. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025.

HĐQT luôn xác định rõ trách nhiệm, vai trò của cơ quan quản lý công ty, có nghĩa vụ chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận, cá nhân quản lý khác trong hoạt động điều hành của Tổng Công ty. Đồng thời, HĐQT đảm bảo việc tuân thủ thực hiện các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, HĐQT tiếp tục nâng cao năng lực quản trị Tổng Công ty, hướng tới hiệu quả kinh doanh tối ưu trên tinh thần phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực quản trị hiện đại.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức thực hiện 05 phiên họp HĐQT, trong đó có 02 phiên họp tập trung và 03 phiên lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, cụ thể:

1. Các phiên họp HĐQT trong năm 2025.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn An Định	05/05	100%
2	Ông Lê Trọng Nghĩa	05/05	100%
3	Ông Mai Hữu Tín	05/05	100%
4	Ông Nguyễn Văn Thiền	05/05	100%
5	Ông Trần Việt Anh	04/05	80%
6	Ông Trần Hồng Khôi	05/05	100%
7	Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	05/05	100%

Mời họp: Các thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Tổng Công ty đều được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT trong năm 2025.

2. Chi tiết các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2024 như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tiến độ thực hiện
1	Nghị quyết	27/02/2025 (Họp HĐQT	(1)Thống nhất số liệu báo cáo tài chính ước thực hiện năm 2024.	100%	

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tiến độ thực hiện
	08/NQ-HĐQT	lần 01 - năm 2025)	**(2)**Thống nhất dự toán Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2025. **(3)**Thông qua việc ủy quyền Chủ tịch HĐQT quyết định ngày tổ chức ĐHĐCĐ, ngày chốt danh sách cổ đông vào thời gian phù hợp và các vấn đề khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. **(4)** Thông qua phương án cổ đông vay vốn của Công ty để bảo toàn vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc.		Đã hoàn thành Công ty cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc không thực hiện phương án cổ đông vay vốn của Công ty theo tỷ lệ sở hữu.
2	Nghị quyết 09/NQ-HĐQT	04/04/2025 (Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản lần 01 – năm 2025)	**(1)**Thống nhất thông qua các nội dung, tài liệu trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. **(2)** Thống nhất thông qua tờ trình quyết toán quỹ lương thực hiện của CB-CNV Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP năm 2024. **(3)**Thống nhất thông qua tờ trình phê duyệt quỹ lương kế hoạch của CB-CNV Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP năm 2025.	100%	Đã hoàn thành
3	Nghị quyết 11/NQ-HĐQT	27/05/2025 (Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản lần 02 – năm 2025)	**(1)** Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông Huỳnh Hữu Hùng – Giám đốc Phòng Phát triển dự án giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP theo nhiệm kỳ 2024-2029 của Hội đồng quản trị, kể từ ngày 01/6/2025.	100%	Đã hoàn thành
4	Nghị quyết	17/09/2025 (Lấy ý kiến	**(1)** Thống nhất thông qua ngày đăng ký cuối cùng	100%	Đã hoàn thành

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tiến độ thực hiện
	12/NQ-HĐQT	HĐQT bằng văn bản lần 03– năm 2025)	(ngày chốt danh sách cổ đông) và ngày chi trả cổ tức năm 2024.		
5	Nghị quyết 13/NQ-HĐQT	24/10/2025 (Họp HĐQT lần 02 - năm 2025)	**(1)** Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2025 và ước thực hiện năm 2025. **(2)** Thống nhất không thông qua báo cáo chiến lược sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng Công ty giai đoạn 2025 - 2029. **(3)** Thống nhất không thông qua đề án thoái vốn tại các công ty thành viên của Tổng Công ty. **(4)** Thống nhất sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Quốc tế Protrade và Công ty TNHH Sân Golf Palm - Sông Bé. **(5)** Thống nhất không thông qua quy chế quản lý nợ của Tổng Công ty.	100%	Đã hoàn thành Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục trình HĐQT thông qua Báo cáo chiến lược sau khi có ý kiến từ cổ đông lớn. Đã hoàn thành
6	Quyết định 02/QĐ-HĐQT	27/05/2025	**(1)** Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông Huỳnh Hữu Hùng – Giám đốc Phòng Phát triển dự án giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP theo nhiệm kỳ 2024-2029 của Hội đồng quản trị, kể từ ngày 01/6/2025.	100%	Đã hoàn thành

III. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT.

Trong năm 2025 ĐHĐCĐ đã thống nhất chi trả thù lao HĐQT cuả năm 2024 theo nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2025 với số tiền 1.900.800.000 đồng.

IV. CÁC GIAO DỊCH CÓ LIÊN QUAN:

Đã được báo cáo chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 lập ngày 26/01/2026.

V. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Hội đồng quản trị sẽ kiện toàn nhân sự các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị trong thời gian tới.

VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ vai trò chỉ đạo, giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc thông qua cơ chế họp định kỳ, báo cáo chuyên đề và các kênh giám sát thường xuyên, qua đó bảo đảm hoạt động quản lý, điều hành của Tổng Công ty được triển khai theo đúng định hướng, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Công tác giám sát được thực hiện trên cơ sở các báo cáo định kỳ, đột xuất và nội dung trình tại các phiên họp Hội đồng quản trị, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, thảo luận tập thể và quyết định theo đúng thẩm quyền. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kịp thời có ý kiến chỉ đạo, định hướng xử lý đối với các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành chung.

Ban Tổng Giám đốc cơ bản đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản lý và tinh thần trách nhiệm, chủ động tổ chức triển khai nhiệm vụ, duy trì chế độ điều hành linh hoạt, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc đã chú trọng cải tiến quy trình làm việc, từng bước ứng dụng công nghệ trong quản lý nhằm nâng cao hiệu quả vận hành.

Trên cơ sở phân cấp, ủy quyền theo Điều lệ và các quy chế nội bộ, Hội đồng quản trị đã giao Ban Tổng Giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời duy trì cơ chế kiểm tra, giám sát thông qua hệ thống báo cáo và việc tham gia trực tiếp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Nhìn chung, trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao, cơ bản triển khai đầy đủ và kịp thời các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, góp phần duy trì ổn định hoạt động của Tổng Công ty trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, trước yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng và hiệu quả hoạt động trong giai đoạn tới, Hội đồng quản trị đề nghị Ban Tổng Giám đốc tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, tăng cường kiểm soát chi phí, tối ưu hóa sử dụng nguồn lực và chủ động hơn trong công tác dự báo, điều hành.

VII. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026.

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trên BCTC riêng và hợp nhất năm 2026:

Chỉ tiêu	Kế hoạch BCTC hợp nhất 2026	Kế hoạch BCTC riêng 2026
Tổng doanh thu	1.202.265.657.949	299.907.009.160

+ Doanh thu thuần hoạt động sản xuất kinh doanh	*1.166.669.310.744*	*266.800.000*
+ Doanh thu hoạt động tài chính	*35.276.476.709*	*299.640.209.160*
+ Thu nhập khác	*319.870.496*	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	133.371.895.723	136.924.736.689

b. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LNST NĂM 2026	SỐ TIỀN (đồng)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế dự kiến còn lại (sau khi phân phối lợi nhuận năm 2025)		59.120.671.663
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2026 *(*)*		136.924.736.689
Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2026		**196.045.408.352**
Dự kiến trích lập các quỹ:		**15.756.473.669**
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	*5% LNST năm 2026*	6.846.236.834
- Quỹ đầu tư phát triển	*5% LNST năm 2026*	6.846.236.834
- Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Tổng Công ty		2.064.000.000
Chia cổ tức	**Dự kiến chi trả 6%/mệnh giá/cổ phiếu**	**180.000.000.000**
Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế còn lại		**288.934.683**

(*) Theo Nghị quyết số 77/NQ–ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thì hàng năm, Tổng Công ty phải trích lập chi phí dự phòng cho Bản án khoảng 70,7 tỷ đồng. Do đó, nếu không bao gồm chi phí dự phòng Bản án thì lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2026 theo báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty là 207,6 tỷ đồng.

2. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2026.

Dự báo năm 2026 sẽ có nhiều khó khăn thách thức lớn đối với nền kinh tế có độ mở lớn và định hướng xuất khẩu như Việt Nam. Tuy nhiên, HĐQT vẫn lạc quan một cách thận trọng về những cơ hội, thuận lợi đang xen. Trên cơ sở đó, HĐQT định hướng hoạt động năm 2026 và các năm tiếp theo với các mục tiêu sau:

- Tập trung xử lý các tồn đọng liên quan đến công tác cổ phần hóa của Tổng Công ty. Theo đó, Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền, kiến nghị sớm kiện toàn Ban Chỉ đạo cổ phần hóa làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo. Đồng thời khẩn trương rà soát, hệ thống hóa các nội dung tồn đọng, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu và phương án xử lý nhằm bảo đảm việc tổ chức thực hiện được triển khai kịp thời, đồng bộ và đúng quy định ngay sau khi Ban Chỉ đạo được kiện toàn.

- Tổ chức lại bộ máy của Tổng Công ty và các công ty con theo hướng tinh gọn, hiệu quả, gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số. Tập trung rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, thu hút và phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, đồng thời tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản trị, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra giám sát các công ty con, công ty liên kết thông qua việc đề cử bổ nhiệm các kiểm soát viên tại các đơn vị công ty con, công ty liên kết chưa tổ chức triển khai cơ cấu Ban Kiểm soát hoặc đã tổ chức nhưng Tổng Công ty chưa đề cử nhân sự để bầu thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị này.

- Tăng cường công tác kiểm soát hiệu quả hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn Tổng Công ty Sản xuất tại các đơn vị thông qua công tác báo cáo định kỳ của Người được Tổng Công ty cử tham gia Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên, Ban điều hành các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, tăng cường hoạt động kiểm soát để có phương án tối đa hóa lợi nhuận, tiết giảm chi phí, tăng doanh thu cho các đơn vị.

- Rà soát và đánh giá lại toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con trực thuộc và các khoản đầu tư tại công ty liên doanh/liên kết, xem xét tính hiệu quả của từng đơn vị để có phương án đầu tư phát triển tăng vốn, tăng tỷ lệ sở hữu hoặc thoái vốn tại các đơn vị không mang lại hiệu quả. Từ đó, tập trung phát triển các ngành nghề mang lại hiệu quả cho Tổng công ty, nhằm xây dựng lại hình ảnh cũng như uy tín của Tổng Công ty trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai Dự án Khu thương mại – dịch vụ – đô thị tại Sân Golf Sông Bé. Căn cứ Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 09/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) và Quyết định số 4640/QĐ-UBND ngày 16/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An (cũ) về điều chỉnh quy hoạch liên quan đến khu đất 30,69 ha, trong đó quy mô dân số hiện tại còn hạn chế (khoảng 3.000 người), Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong năm 2026 tập trung làm việc với các cơ quan chức năng để rà soát, đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch (quy mô dân số, hệ số sử dụng đất, cơ cấu sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật – xã hội) nhằm nâng cao hiệu quả khai thác khu đất; đồng thời triển khai các thủ tục pháp lý liên quan về đất đai, quy hoạch và đầu tư xây dựng, bao gồm cập nhật dự án vào kế

hoạch sử dụng đất, đề xuất đưa vào chương trình phát triển nhà ở của địa phương và hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để xin chủ trương đầu tư theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện việc di dời nhà máy Công ty cổ phần May mặc Bình Dương lên Khu Công nghiệp Quốc tế Protrade theo Đề án "Điều tra, đánh giá thực trạng hoạt động và đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở địa bàn phía Nam chuyển đổi công năng, di dời vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tỉnh Bình Dương" được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh Bình Dương.

- Tiếp tục triển khai trồng tái canh và mở rộng diện tích cao su tại Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt – Lào. Thực hiện trồng tái canh đối với diện tích 6.723 ha, đồng thời tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô vườn cao su lên khoảng 10.000 ha theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt tại tỉnh Champasak, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Nghiên cứu và phát triển thêm các lĩnh vực mới mang tính bền vững, bảo vệ môi trường và tối đa hóa lợi ích của các cổ đông trong thời gian 05 năm tới, cụ thể chiến lược phát triển trong tương lai là phát triển lĩnh vực bất động sản đô thị và dịch vụ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban TGĐ;
- Lưu: TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 3700148... C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT-XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TP. THUẬN AN-T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN AN ĐỊNH

TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/BC-TGĐ	----------
	Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**
TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP

Thay mặt Ban Tổng giám đốc, tôi xin được báo cáo cho toàn thể quý cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Tổng Công ty như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2025 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2026

1. Tình hình kinh tế thế giới năm 2025

Kinh tế – xã hội thế giới tiếp tục trải qua giai đoạn nhiều biến động với các yếu tố bất ổn và khó lường, khi xung đột vũ trang tại nhiều khu vực chưa chấm dứt, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc gia tăng và chủ nghĩa dân tộc có xu hướng quay trở lại, ảnh hưởng đến an ninh và hòa bình toàn cầu. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại, thiên tai và biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, gây áp lực lớn lên an ninh năng lượng và lương thực. Tuy nhiên, một số tín hiệu tích cực vẫn ghi nhận như mức thuế quan thực tế của Hoa Kỳ thấp hơn dự kiến ban đầu, lạm phát có xu hướng hạ nhiệt tại nhiều nền kinh tế, các chính sách vĩ mô tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng, và điều kiện tài chính được cải thiện. Đặc biệt, làn sóng đầu tư vào trí tuệ nhân tạo và công nghệ mới đang nổi lên như một động lực quan trọng giúp nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh của các quốc gia.

2. Triển vọng nền kinh tế thế giới năm 2026

Triển vọng tăng trưởng năm 2026 bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hoạt động thương mại giảm dần khi xu hướng "thúc đẩy nhập khẩu trước" vào đầu năm 2025 dần biến mất và tác động của thuế quan cao hơn ngày càng trở nên rõ rệt. Leo thang xung đột tại Trung Đông gây ra những tổn thất về con người và kinh tế cho các quốc gia trực tiếp liên quan, đồng thời sẽ thử thách khả năng phục hồi của nền kinh tế toàn cầu.

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2025 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2026

1. Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2025

Trong nước, năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm thực hiện cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy Chính phủ, sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; một số Nghị quyết nhanh chóng đưa vào cuộc sống như Nghị quyết về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế tư nhân. Năm 2025 cũng là năm kinh tế nước ta đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: mưa, bão gây ngập lụt nghiêm trọng, lũ

quét và sạt lở đất tại các địa phương đã ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của Nhân dân.

2. Triển vọng nền kinh tế Việt Nam năm 2026

Tăng trưởng GDP của kinh tế Việt Nam được Ngân hàng Phát triển châu Á dự báo đạt 7,2% trong năm 2026 và 7,0% trong năm 2027, thấp hơn mức 8,0% năm 2025. Kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục đối mặt với những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen.

Các yếu tố then chốt có khả năng thúc đẩy tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2026 sẽ xoay quanh hai trụ cột chính: đầu tư hạ tầng và tiêu dùng trong nước. Bên cạnh đó, đầu tư vào khoa học công nghệ và giáo dục đại học là yếu tố quan trọng trong trung – dài hạn, giúp Việt Nam vượt bẫy thu nhập trung bình và hướng tới mục tiêu phát triển vào năm 2045. Về yếu tố bên ngoài, triển vọng tích cực của kinh tế Mỹ và quan hệ thương mại song phương sẽ hỗ trợ xuất khẩu của Việt Nam. Đồng thời, chính sách thuế quan được kỳ vọng sẽ dần thuận lợi hơn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng trong thời gian tới.

Tuy nhiên, bên cạnh các động lực tăng trưởng, kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới vẫn phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Rủi ro từ môi trường kinh tế toàn cầu còn tiềm ẩn, đặc biệt là biến động lãi suất, lạm phát và căng thẳng địa chính trị. Trong nước, rủi ro từ thị trường bất động sản, tài chính cũng có thể tác động đến ổn định kinh tế vĩ mô.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 theo báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Năm 2025		Thực hiện 2025 so với kế hoạch 2025	
		Thực hiện	Kế hoạch	Biến động	Tỷ lệ
		VND	VND	VND	%
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**787.700.000**	**787.700.000**	**-**	**100%**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**787.700.000**	**787.700.000**	**-**	**100%**
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	-	-	-	-
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**787.700.000**	**787.700.000**	**-**	**100%**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	212.776.275.083	203.836.125.496	8.940.149.587	104%
7.	Chi phí tài chính	(1.401.634.003)	3.556.451.853	(4.958.085.856)	-39%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*12.502.328.768*	*12.670.000.000*	*(167.671.232)*	*99%*
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	158.178.549.322	148.443.274.895	9.735.274.427	107%

9.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**56.787.059.764**	**52.624.098.748**	**4.162.961.016**	**108%**
10.	Thu nhập khác	15.912.135	-	15.912.135	100%
11.	Chi phí khác	369.093.619	-	369.093.619	100%
12.	**Lợi nhuận khác**	**(353.181.484)**	**-**	**(353.181.484)**	**100%**
13.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**56.433.878.280**	**52.624.098.748**	**3.809.779.532**	**107%**
14	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**56.433.878.280**	**52.624.098.748**	**3.809.779.532**	**107%**

(*) Theo Nghị quyết số 77/NQ–ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thì hàng năm, Tổng Công ty phải trích lập chi phí dự phòng cho Bản án khoảng 70,7 tỷ đồng. Do đó, nếu không bao gồm chi phí dự phòng Bản án thì lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính riêng năm 2025 của Tổng Công ty là 127,1 tỷ đồng.

Năm 2025, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo báo cáo tài chính riêng đạt 56,4 tỷ đồng, tương đương 107% kế hoạch đề ra. Kết quả này chịu tác động bởi các yếu tố chủ yếu sau:

- Doanh thu (hoạt động tài chính và hoạt động sản xuất, kinh doanh): Trong năm 2025, Tổng Công ty ghi nhận 210,6 tỷ đồng cổ tức từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tăng 3% so với kế hoạch. Nguồn thu chủ yếu vẫn đến từ cổ tức của Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade. Đáng chú ý, trong năm nay, Tổng Công ty lần đầu tiên nhận được cổ tức từ Công ty TNHH YCH-Protrade kể từ thời điểm liên doanh được thành lập. Bên cạnh đó, Tổng Công ty tiếp tục nỗ lực tìm kiếm và mở rộng tệp khách hàng tiềm năng trong lĩnh vực kinh doanh cây cảnh. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, nhu cầu của thị trường đối với sản phẩm cây cảnh suy giảm so với các năm trước, dẫn đến hoạt động kinh doanh cây cảnh của Tổng Công ty gặp nhiều khó khăn.

- Chi phí (tài chính và quản lý doanh nghiệp): Tổng Công ty hoàn nhập dự phòng đầu tư 31,2 tỷ đồng, giảm 4,9 tỷ đồng so với kế hoạch năm. Tuy nhiên, dự phòng đầu tư phát sinh thêm giảm 12,4 tỷ đồng so với kế hoạch, chủ yếu do giảm trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành trong năm 2025. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 9,7 tỷ đồng so với kế hoạch năm, biến động chủ yếu do Tổng Công ty thực hiện dự phòng bổ sung khoản phải thu.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		**Năm 2025**		**Thực hiện 2025 so với kế hoạch 2025**	
		Thực hiện	**Kế hoạch**	**Biến động**	**Tỷ lệ**
		VND	**VND**	**VND**	**%**
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**1.047.932.361.430**	**1.045.672.611.009**	**2.259.750.421**	**100%**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.484.678.687	1.496.749.660	(12.070.973)	99%

3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**1.046.447.682.743**	**1.044.175.861.349**	**2.271.821.394**	**100%**
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	700.460.156.309	719.829.444.995	(19.369.288.686)	97%
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**345.987.526.434**	**324.346.416.354**	**21.641.110.080**	**107%**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	49.588.463.412	22.250.046.575	27.338.416.837	223%
7.	Chi phí tài chính	10.316.064.376	7.021.082.916	3.294.981.460	147%
8.	Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	74.503.370.067	82.119.339.832	(7.615.969.765)	91%
9.	Chi phí bán hàng	37.413.140.769	36.316.129.387	1.097.011.382	103%
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	254.446.822.381	244.627.534.570	9.819.287.811	104%
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**167.903.332.388**	**140.751.055.888**	**27.152.276.500**	**119%**
12.	Thu nhập khác	10.479.150.469	245.000.000	10.234.150.469	4277%
13.	Chi phí khác	9.636.769.113	30.000.000	9.606.769.113	32123%
14.	**Lợi nhuận/(lỗ) khác**	**842.381.356**	**215.000.000**	**627.381.356**	**392%**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**168.745.713.744**	**140.966.055.888**	**27.779.657.856**	**120%**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	48.597.431.455	47.790.301.149	807.130.306	102%
17.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(12.701.151.462)	521.481.412	(13.222.632.874)	-2436%
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**132.849.433.751**	**92.654.273.327**	**40.195.160.424**	**143%**
19.	**Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**	**91.103.089.510**	**66.121.607.113**	**24.981.482.397**	**138%**
20.	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**	**41.746.344.241**	**26.532.666.214**	**15.213.678.027**	**157%**
21.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**288**	**201**	**87**	**143%**

(*) Theo Nghị quyết số 77/NQ–ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thì hàng năm, Tổng Công ty phải trích lập chi phí dự phòng cho Bản án khoảng 70,7 tỷ đồng. Do đó, nếu không bao gồm chi phí dự phòng Bản án thì lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng Công ty là 203,5 tỷ đồng.

Năm 2025, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất đạt 132,8 tỷ đồng, tương đương 143% kế hoạch đề ra. Kết quả này phản ánh sự biến động từ nhiều mảng kinh doanh cụ thể như sau:

- Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh: Lợi nhuận gộp tăng thêm 21,6 tỷ đồng so với kế hoạch, tương ứng 7%. Điều này chủ yếu đến từ kết quả kinh doanh khả quan của Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade và Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào. Giá cao su trên thị trường Việt Nam và thế giới ghi nhận mức tăng trong giai đoạn 2024-2025 nhờ nhu cầu xuất khẩu mạnh và nguồn cung hạn chế.

- **Doanh thu hoạt động tài chính**: Doanh thu tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi của các công ty con sau khi đã tất toán phần lớn các khoản vay ngân hàng, tạo ra nguồn thu ổn định trong năm.

- **Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết**: Phần lãi/lỗ từ các công ty liên doanh, liên kết giảm 7,6 tỷ đồng so với kế hoạch, tương ứng khoảng 9%. Nguyên nhân chính là do kết quả kinh doanh của một số đơn vị chưa đạt kỳ vọng trong bối cảnh nền kinh tế chung còn nhiều khó khăn, đặc biệt là Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam - đơn vị hoạt động trong ngành sữa với thương hiệu Dutch Lady tại thị trường Việt Nam. Báo cáo toàn cầu của FrieslandCampina cũng cho thấy lợi nhuận cả tập đoàn chịu áp lực lớn từ bất ổn kinh tế toàn cầu và chi phí gia tăng trong năm 2025.

Nhìn chung, nhóm công ty con tiếp tục là động lực chính tạo lợi nhuận và dòng tiền, còn nhóm công ty liên doanh, liên kết chưa cải thiện tương xứng, làm giảm chất lượng tăng trưởng chung. Mặc dù Tổng Công ty duy trì được mức lợi nhuận vượt kế hoạch, nhưng cấu trúc lợi nhuận vẫn thiếu cân đối và phụ thuộc vào một số trụ cột chính. Đây là vấn đề mang tính cấu trúc, đặt ra yêu cầu tiếp tục tái cơ cấu danh mục đầu tư và nâng cao chất lượng lợi nhuận trong giai đoạn tới.

3. Đánh giá tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

CHỈ TIÊU	NĂM 2025	NĂM 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,58	0,54
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,47	0,43
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,26	0,26
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,36	0,35
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	0	0,002
+Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0,05	0,04
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	26,42%	31,87%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	1,75%	1,59%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,29%	1,17%

+ Hệ số khả năng thanh toán: Hệ số khả năng thanh toán của Tổng Công ty năm 2025 được cải thiện nhẹ so với năm 2024.

+ **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:** Năm 2025, qua các chỉ số về cơ cấu vốn đã thể hiện việc Tổng Công ty hoạt động đầu tư kinh doanh không phụ thuộc vào việc vay nợ, Tổng Công ty đã tự chủ được nguồn tài chính.

+ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** Trong năm 2025 việc kinh doanh cây cảnh của Tổng Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của sự suy thoái kinh tế, nhu cầu của khách hàng đối với cây cảnh không còn nhiều như trước đây nên việc bán cây cảnh của Tổng Công ty cũng không thuận lợi như kỳ vọng đã đề ra. Do đó, vòng quay hàng tồn kho tiếp tục giảm so với năm 2024.

+ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:** Các chỉ số về khả năng sinh lời của Tổng Công ty năm 2025 nhìn chung tăng so với năm 2024, chủ yếu được thúc đẩy bởi sự gia tăng nguồn thu cổ tức từ các khoản đầu tư dài hạn.

Tóm lại: Năm 2025 tiếp tục là một năm đầy khó khăn, thách thức đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và với Tổng Công ty. Bên cạnh đó, tình hình tài chính hiện nay của Tổng Công ty đang vô cùng khó khăn và áp lực khi Tổng Công ty đang phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đáng kể phát sinh từ việc vay vốn để thi hành Bản án hình sự phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022, với tổng dư nợ đến thời điểm 31/12/2025 là **264.573.875.977 đồng**, bao gồm nợ gốc vay ngắn hạn từ các công ty thành viên là 214.000.000.000 đồng và lãi vay là 50.573.875.977 đồng. Tuy nhiên, Ban Điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty vẫn luôn nỗ lực, quyết tâm cao độ để vượt qua giai đoạn khó khăn này.

IV. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC CỔ PHẦN HÓA

Công tác quyết toán cổ phần hóa vẫn chưa thể hoàn thành mặc dù Tổng Công ty đã cố gắng, chủ động phối hợp với Ban Chỉ đạo cổ phần hóa để khẩn trương thực hiện theo Kế hoạch số 01/KH-BCĐ. Thách thức lớn nhất tại thời điểm hiện nay chính là vấn đề kiện toàn Ban Chỉ đạo cổ phần hóa mới do UBND Thành phố Hồ Chí Minh quyết định ("Ban Chỉ đạo mới"). Trên cơ sở chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính trên phạm vi cả nước, tỉnh Bình Dương cùng với tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh đã được hợp nhất thành một đơn vị hành chính mới là Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sau khi hoàn tất việc sáp nhập, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa mới vẫn đang trong quá trình chờ UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định kiện toàn, nhằm bảo đảm đủ cơ sở pháp lý, xác định rõ chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ để tiếp tục triển khai công tác cổ phần hóa theo đúng quy định pháp luật và yêu cầu thực tiễn.

Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan để bảo vệ quyền và lợi ích tối đa cho các cổ đông liên quan đến tổng số tiền mà Tổng Công ty đã nộp và được cấn trừ theo Bản án hình sự phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 và kiến nghị của KTNN khu vực IV là: **1.060.224.751.454 đồng**.

V. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

1. Mục tiêu năm 2026 của Tổng Công ty

1.1. Đầu tư vốn tại các đơn vị

Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị về việc thống nhất giải thể Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú, Tổng Công ty đang tiến hành các thủ tục liên quan. Dự kiến trong năm 2026, Tổng Công ty sẽ hoàn tất thủ tục giải thể đối với Công ty TNHH MTV

Giấy Vĩnh Phú, hiện tại Tổng Công ty đang trong quá trình đàm phán ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền thuê đất với bên trúng đấu giá.

Ngoài ra, khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty TNHH KP Apprarell Manufacturing ở Campuchia cũng không đạt hiệu quả kỳ vọng, công ty đã đóng cửa nhà máy và không hoạt động nhiều năm kể từ năm 2009. Tổng Công ty đã ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với đơn vị tư vấn tại Campuchia nhằm hỗ trợ thực hiện các thủ tục giải thể theo quy định, và dự kiến hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp này vào năm 2027.

Bên cạnh đó, trong năm 2026, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục phối hợp với Công ty TNHH Tư vấn AASC và Cộng sự để hoàn thiện Báo cáo Chiến lược theo hướng phù hợp với định hướng phát triển, điều kiện thực tiễn và yêu cầu quản trị của Tổng Công ty, đồng thời trình lại Hội đồng quản trị xem xét, quyết nghị theo thẩm quyền, qua đó định hình định hướng phát triển và làm cơ sở triển khai thực hiện trong giai đoạn sắp tới.

Sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược, căn cứ lộ trình thoái vốn, Tổng Công ty sẽ tổ chức làm việc với các đơn vị thẩm định giá độc lập để xác định giá trị khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng và Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc theo quy định. Trên cơ sở kết quả thẩm định giá, Tổng Công ty dự kiến ưu tiên chào bán các khoản đầu tư này cho các cổ đông hiện hữu, trường hợp không đạt được thỏa thuận chuyển nhượng, Tổng Công ty sẽ thực hiện bán đấu giá công khai các khoản đầu tư theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo công khai, minh bạch và tối ưu hóa hiệu quả thu hồi vốn.

1.2. Triển khai đầu tư phát triển các dự án mới trên quỹ đất hiện có của các đơn vị trực thuộc

Đối với các dự án mới, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đang phối hợp với Ban điều hành tại các công ty con, công ty liên doanh liên kết, tìm kiếm các ý tưởng và cơ hội đầu tư, đảm bảo hiệu quả và tối ưu hóa nguồn lực hiện có của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

– **Đối với Khu đất 2.154,7m^2 mà Tổng Công ty đang quản lý tại phường Đông Hòa, thành phố Hồ Chí Minh**: Theo đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ kệ 1/2.000 phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An (cũ), khu đất này được quy hoạch là đất hỗn hợp, với các chỉ tiêu định hướng, gồm tầng cao khoảng 4 tầng, mật độ xây dựng 60%, và hệ số sử dụng đất là 8. Tuy nhiên, khu đất này hiện nay là đất thuê, trả tiền hàng năm, mục đích sử dụng đất là đất sản xuất kinh doanh, việc phát triển dự án khu nhà xưởng cho thuê tại vị trí này là không khả thi do không phù hợp với quy hoạch và diện tích khu đất quá nhỏ. Do đó, Ban Tổng Giám đốc dự kiến triển khai hai phương án trong năm 2026 như sau:

Phương án 1: Tìm kiếm đối tác để cho thuê phần diện tích còn lại của khu đất.

Phương án 2: Thuê đơn vị thẩm định giá độc lập để xác định giá trị quyền thuê đất (giá trị lợi thế quyền thuê đất), làm cơ sở tổ chức bán đấu giá công khai giá trị quyền thuê đất này theo đúng quy định pháp luật.

– **Đối với Khu công nghiệp Quốc tế Protrade**: Đối với khu đất 54,64ha chưa bồi thường, giải phóng mặt bằng do liên quan đến vụ án Sobexco, Tổng Công ty đã nhiều lần gửi văn bản kiến nghị và làm việc với các cơ quan chức năng có liên quan, tuy nhiên đến nay chưa có kết quả khả quan. Trong thời gian tới, Tổng công ty sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các vướng mắc về thủ tục pháp lý và triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hoàn thành dự án đầu tư Khu công nghiệp Quốc tế Protrade.

– **Đối với Sân Golf Sông Bé**: Tổng Công ty định hướng quy hoạch 30,69 ha Sân golf Sông Bé thành Dự án Khu thương mại - dịch vụ - đô thị.

Căn cứ Quyết định 1548/QĐ-UBND ngày 09/06/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Thuận An đến năm 2040; Quyết định 4640/QĐ-UBND ngày 16/06/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An (cũ) về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, Dự án Khu thương mại – dịch vụ - đô thị Sông Bé với diện tích 30,69 ha chỉ có quy mô dân số 3.000 người. Do đó, trong năm 2026, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty sẽ làm việc với các cơ quan chức năng, tiến hành rà soát, đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch, bao gồm quy mô dân số, hệ số sử dụng đất, cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật – hạ tầng xã hội, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển đô thị và khả năng khai thác hiệu quả khu đất; Thực hiện các thủ tục đăng ký biến động đất đai, cập nhật dự án vào kế hoạch sử dụng đất hằng năm của địa phương theo quy định của Luật Đất đai năm 2024; Đề xuất đưa dự án vào Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương theo quy định của pháp luật về nhà ở, làm cơ sở để triển khai dự án nhà ở trong khu đô thị; Rà soát và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến quy hoạch đô thị và đầu tư xây dựng, bao gồm việc điều chỉnh, hoàn thiện các cấp độ quy hoạch cần thiết (nếu có) theo quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng và xin chủ trương đầu tư để thực hiện dự án.

1.3. Thực hiện việc hoàn trả các khu đất mà Tổng Công ty đã thuê của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương

Trong thời gian tới, để triển khai dự án đô thị - thương mại - dịch vụ theo phương án bố trí, sử dụng quỹ đất đã được xác định, Công ty IMPCO không tiếp tục thực hiện gia hạn hợp đồng thuê sau khi hết thời hạn theo Hợp đồng số 03/HĐ-IMPCO ngày 24/3/2023 (ngày 31/12/2027). Trên cơ sở đó, Tổng Công ty đã triển khai việc chấm dứt hợp đồng cho thuê tài sản, máy móc, thiết bị của Xí nghiệp Cơ điện lạnh 3/2 và thực hiện hoàn trả một phần mặt bằng thuộc quyền sử dụng đất thứ II và tài sản gắn liền với đất (Khu B, Khu C) cho Công ty IMPCO theo lộ trình đã được các bên thống nhất.

Đối với trụ sở văn phòng làm việc của Tổng Công ty thuộc Quyền sử dụng đất thứ I (Khu A), Tổng Công ty dự kiến lựa chọn phương án đặt trụ sở tại Công ty TNHH Sân golf Palm - Sông Bé, trên cơ sở phù hợp về vị trí địa lý và điều kiện cơ sở vật chất hiện có. Dự kiến đến hết ngày 31/12/2026, Tổng Công ty sẽ hoàn tất việc di dời trụ sở và thực hiện đầy đủ việc hoàn trả mặt bằng cho Công ty IMPCo theo đúng yêu cầu.

1.4. Thực hiện việc kinh doanh cây cảnh

Tổng Công ty xác định hoạt động kinh doanh cây cảnh trong năm 2026 tiếp tục chưa có chuyển biến tích cực. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang nghiên cứu, đánh giá toàn diện các phương án xử lý phù hợp, bảo đảm nguyên tắc thận trọng, hiệu quả và bảo toàn giá trị tài sản, trên cơ sở cân nhắc điều kiện thị trường, khả năng tiêu thụ và định hướng sử dụng tài sản trong thời gian tới. Một trong các phương án đang được đặt ra là chấp nhận thanh lý dưới giá vốn, phương án này giúp hạn chế rủi ro hư hại, giảm thiểu chi phí duy tu, bảo dưỡng phát sinh và nhanh chóng thu hồi một phần vốn. Phương án này không chỉ giúp Tổng Công ty xử lý dứt điểm gánh nặng tồn kho, mà còn tạo điều kiện tập trung nguồn lực cho các hoạt động kinh doanh chủ lực trong giai đoạn tới.

Tổng công ty sẽ chủ động phối hợp và làm việc chặt chẽ với đơn vị kiểm toán độc lập, đơn vị tư vấn pháp lý và các tổ chức thẩm định giá có uy tín để rà soát, đánh giá toàn diện hiện trạng và giá trị cây cảnh tồn kho. Trên cơ sở đó, xây dựng phương án thanh lý phù hợp, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời hạn chế tối đa các rủi ro phát sinh, ngăn ngừa thất thoát tài sản và bảo đảm tính công khai, minh bạch. Phương án sau khi hoàn thiện sẽ được báo cáo và trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt.

1.5. Thực hiện công tác quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định việc tiếp tục triển khai các bước tiếp theo của công tác quyết toán cổ phần hóa chỉ có thể được thực hiện sau khi Ban Chỉ đạo cổ phần hóa mới được kiện toàn. Trên cơ sở đó, Tổng Công ty sẽ chủ động phối hợp với Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc (sau khi được kiện toàn) để rà soát, xử lý dứt điểm các nội dung tồn đọng của giai đoạn trước cổ phần hóa, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và chủ trương của cơ quan có thẩm quyền.

Tuy nhiên, trong thời gian chờ Ban Chỉ đạo cổ phần hóa mới được kiện toàn, Tổng Công ty sẽ chủ động tổ chức rà soát toàn bộ các vấn đề tồn tại, vướng mắc và hệ thống hóa đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công tác quyết toán cổ phần hóa. Trên cơ sở đó, Tổng Công ty sẽ chuẩn bị sẵn các báo cáo tổng hợp, phương án xử lý và tài liệu phục vụ công tác xem xét, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa ngay sau khi được kiện toàn, nhằm bảo đảm việc tiếp tục triển khai các bước tiếp theo của công tác cổ phần hóa được thực hiện kịp thời, thông suốt và đúng quy định của pháp luật.

1.6. Kiểm soát chi phí

Trong năm 2026, Tổng Công ty sẽ thực hiện các biện pháp kiểm soát chi phí một cách chặt chẽ và đồng bộ trên toàn hệ thống. Theo đó, Tổng Công ty tập trung rà soát, cơ cấu lại các khoản chi phí hoạt động, tiết giảm các chi phí chưa thật sự cần thiết, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và tối ưu hóa chi phí quản lý. Việc lập, phân bổ và sử dụng ngân sách được thực hiện theo nguyên tắc tiết kiệm, đúng mục đích và tuân thủ dự toán đã được phê duyệt.

Cụ thể, Tổng Công ty sẽ tăng cường tiết kiệm các khoản chi phí mang tính chất hành chính như chi phí tổ chức tiệc, hội nghị, hoa, quà tặng; hạn chế tối đa các khoản chi chưa thực sự cần thiết. Đồng thời, chú trọng nâng cao kỷ luật lao động, tinh thần làm việc và năng suất lao động tại tất cả các đơn vị, bộ phận. Bên cạnh đó, Tổng Công ty sẽ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong công tác quản trị, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tiết giảm chi phí một cách bền vững. Việc số hóa quy trình, hồ sơ, chứng từ; tăng cường sử dụng các hệ thống quản lý nội bộ, chữ ký số và họp trực tuyến sẽ góp phần giảm chi phí in ấn, lưu trữ, đi lại và thời gian xử lý công việc, đồng thời nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và khả năng kiểm soát trong toàn hệ thống.

Đối với các công ty con, Tổng Công ty định hướng thực hiện tinh gọn bộ máy, rà soát và cơ cấu lại nhân sự theo hướng nâng cao năng suất lao động, qua đó từng bước cắt giảm số lượng lao động không hiệu quả; đồng thời có chính sách cải thiện phúc lợi đối với đội ngũ nhân sự được giữ lại nhằm tạo động lực làm việc và ổn định nguồn nhân lực. Song song đó, các đơn vị cũng được yêu cầu tăng cường tiết kiệm và kiểm soát chặt chẽ chi phí tiện ích như điện, nước và các chi phí vận hành khác.

2. Kế hoạch kinh doanh trên báo cáo tài chính riêng & báo cáo tài chính hợp nhất năm 2026

Năm 2025–2026, kinh tế thế giới tiếp tục chịu tác động của biến động địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại và sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu. Những yếu tố này làm gia tăng áp lực đối với hoạt động thương mại, đầu tư và thị trường tài chính quốc tế, qua đó ảnh hưởng gián tiếp đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước

Trong điều kiện môi trường kinh doanh biến động mạnh, với nhiều yếu tố bất lợi cả trong nước và quốc tế, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai nhiều giải pháp nhằm ổn định hoạt động. Tuy vậy, trước tác động tổng hợp của các khó khăn khách quan, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty thành viên vẫn bị ảnh hưởng ở mức độ nhất định. Do đó, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trong bối cảnh thực tế Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc vẫn đang chịu những ảnh hưởng của năm 2025 và dự kiến sẽ đối diện một số khó khăn, thách thức trong năm 2026, cụ thể như sau:

2.1. Kế hoạch kinh doanh trên báo cáo tài chính riêng năm 2026

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Năm 2026 (kế hoạch)	Năm 2025 (thực hiện)	Biến động	Tỷ lệ
		VND	VND	VND	%
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**266.800.000**	**787.700.000**	**(520.900.000)**	**34%**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**266.800.000**	**787.700.000**	**(520.900.000)**	**34%**
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	-	-	-	-
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**266.800.000**	**787.700.000**	**(520.900.000)**	**34%**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	299.640.209.160	212.776.275.083	86.863.934.077	141%
7.	Chi phí tài chính	35.819.255.029	(1.401.634.003)	37.220.889.032	-2556%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*8.794.246.575*	*12.502.328.768*	*(3.708.082.193)*	*70%*
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	126.463.017.442	158.178.549.322	(31.715.531.880)	80%
9.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**137.624.736.689**	**56.787.059.764**	**80.837.676.925**	**242%**
10.	Thu nhập khác	-	15.912.135	(15.912.135)	0%
11.	Chi phí khác	700.000.000	369.093.619	330.906.381	190%
12.	**Lợi nhuận khác**	**(700.000.000)**	**(353.181.484)**	**(346.818.516)**	**198%**
13.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**136.924.736.689**	**56.433.878.280**	**80.490.858.409**	**243%**
14	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**136.924.736.689**	**56.433.878.280**	**80.490.858.409**	**243%**

(*) Theo Nghị quyết số 77/NQ–ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thì hàng năm, Tổng Công ty phải trích lập chi phí dự phòng cho Bản án khoảng 70,7 tỷ đồng. Do đó, nếu không bao gồm chi phí dự phòng Bản án thì lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2026 theo báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty là 207,6 tỷ đồng.

Năm 2026, kế hoạch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo báo cáo tài chính riêng đạt 136,9 tỷ đồng, tăng 143% so với năm 2025. Kết quả này chịu tác động bởi các yếu tố chủ yếu sau:

+ **Doanh thu (hoạt động tài chính và hoạt động sản xuất, kinh doanh)**: Trong năm 2026, Tổng Công ty dự tính được chia 299,6 tỷ đồng cổ tức từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tăng 42% so với năm 2025, chi tiết như sau:

Công ty	Năm 2026 (kế hoạch)	Năm 2025 (thực hiện)	Kế hoạch 2026 vs thực hiện 2025	Tỷ lệ
	VND	VND		
Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	177.000.000.000	108.097.487.660	68.902.512.340	164%
Công ty CP May mặc Bình Dương	59.160.209.160	29.578.545.000	29.581.664.160	200%
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	42.420.000.000	21.210.000.000	21.210.000.000	200%
Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé	20.000.000.000	-	20.000.000.000	100%
Công ty CP Cơ khí Vận tải Dầu Tiếng	60.000.000	76.483.909	(16.483.909)	78%
Công ty TNHH YCH-Protrade	-	51.000.000.000	(51.000.000.000)	0%
Công ty CP Thương mại Tổng hợp Thuận An	1.000.000.000	665.808.000	334.192.000	150%
Tổng cộng	**299.640.209.160**	**210.628.324.569**	**89.011.884.591**	**142%**

+ **Chi phí tài chính**: Tổng Công ty dự tính hoàn nhập dự phòng đầu tư 2,6 tỷ đồng, giảm 28,6 tỷ đồng so với năm 2025, chủ yếu do Sân golf Sông Bé đã hoàn thành xóa lỗ lũy kế trong năm 2025 và Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào dự kiến chia cổ tức với tỷ lệ cao trong năm 2026. Đồng thời, dự phòng đầu tư phát sinh thêm cũng dự tính tăng 12,1 tỷ đồng so với năm 2025, chi tiết như sau:

Công ty	Năm 2026 (kế hoạch)	Năm 2025 (thực hiện)	Kế hoạch 2026 vs thực hiện 2025	Tỷ lệ
	VND	VND		
Công ty CP Phát triển Phú Mỹ	14.000.000.000	13.532.691.857	467.308.143	103%
Công ty TNHH Frieslandcampina Việt Nam	-	(2.176.116.226)	2.176.116.226	0%
Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	1.545.008.454	(3.421.685.657)	4.966.694.111	-45%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	1.500.000.000	1.039.727.618	460.272.382	144%
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	9.620.000.000	(14.208.778.809)	23.828.778.809	-68%
Công ty CP BV Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	(2.640.000.000)	(3.171.101.532)	531.101.532	83%
Công ty TNHH Sân golf Palm - Sông Bé	-	(8.238.346.730)	8.238.346.730	0%
Tổng cộng	**24.025.008.454**	**(16.643.609.479)**	**40.668.617.933**	**-144%**

+ **Chi phí quản lý doanh nghiệp**: Chi phí quản lý doanh nghiệp dự tính giảm chủ yếu do biến động khoản dự phòng phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành.

Kế hoạch năm 2026 của Tổng Công ty tiếp tục phụ thuộc chủ yếu vào nguồn cổ tức và hiệu quả quản trị danh mục đầu tư.

2.2. Kế hoạch kinh doanh trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2026

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Năm 2026 (kế hoạch)	Năm 2025 (thực hiện)	Biến động	Tỷ lệ
		VND	VND	VND	%
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**1.168.103.632.698**	**1.047.932.361.430**	**120.171.271.268**	**111%**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.434.321.954	1.484.678.687	(50.356.733)	97%
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**1.166.669.310.744**	**1.046.447.682.743**	**120.221.628.001**	**111%**
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	795.567.300.961	700.460.156.309	95.107.144.652	114%
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**371.102.009.783**	**345.987.526.434**	**25.114.483.349**	**107%**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	35.276.476.709	49.588.463.412	(14.311.986.703)	71%
7.	Chi phí tài chính	7.260.000.000	10.316.064.376	(3.056.064.376)	70%
8.	Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	63.105.719.101	74.503.370.067	(11.397.650.966)	85%
9.	Chi phí bán hàng	44.538.659.868	37.413.140.769	7.125.519.099	119%
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	235.790.742.224	254.446.822.381	(18.656.080.157)	93%
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**181.894.803.501**	**167.903.332.388**	**13.991.471.113**	**108%**
12.	Thu nhập khác	319.870.496	10.479.150.469	(10.159.279.973)	3%
13.	Chi phí khác	700.000.000	9.636.769.113	(8.936.769.113)	7%
14.	**Lợi nhuận khác**	**(380.129.504)**	**842.381.356**	**(1.222.510.860)**	**-45%**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**181.514.673.997**	**168.745.713.744**	**12.768.960.253**	**108%**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	45.256.613.850	48.597.431.455	(3.340.817.605)	93%
17.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	2.886.164.424	(12.701.151.462)	15.587.315.886	-23%
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**133.371.895.723**	**132.849.433.751**	**522.461.972**	**100%**
19.	**Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ**	**102.769.226.704**	**91.103.089.510**	**11.666.137.194**	**113%**
20.	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**	**30.602.669.019**	**41.746.344.241**	**(11.143.675.222)**	**73%**
21.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**332**	**288**	**46**	**116%**

(*) Theo Nghị quyết số 77/NQ–ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thì hàng năm, Tổng Công ty phải trích lập chi phí dự phòng cho Bản án khoảng 70,7 tỷ đồng. Do đó, nếu không bao gồm chi phí dự phòng Bản án thì lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2026 theo báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty là 204,1 tỷ đồng.

Năm 2026, kế hoạch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất đạt 133,4

tỷ đồng, tăng gần 1% so với năm 2025. Kết quả này phản ánh sự biến động từ nhiều mảng kinh doanh cụ thể như sau:

+ **Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**: Lợi nhuận gộp ước tính tăng thêm 25,1 tỷ đồng so với năm 2025, tương ứng 7%. Điều này tiếp tục nhờ vào kết quả kinh doanh khả quan của Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade và Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào, chi tiết như sau:

Công ty	Năm 2026 (kế hoạch)	Năm 2025 (thực hiện)	Kế hoạch 2026 vs thực hiện 2025	Tỷ lệ
	VND	VND		
Tổng Công ty SX- XNK Bình Dương - CTCP	266.800.000	787.700.000	(520.900.000)	34%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	181.821.746.000	153.952.638.733	27.869.107.267	118%
Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	123.860.000.000	139.264.844.059	(15.404.844.059)	89%
Công ty TNHH Sân golf Palm - Sông Bé	50.616.416.066	36.802.613.445	13.813.802.621	138%
Công ty CP Thương mại Tổng hợp Thuận An	14.537.047.717	15.179.730.197	(642.682.480)	96%
Tổng cộng	**371.102.009.783**	**345.987.526.434**	**25.114.483.349**	**107%**

+ **Doanh thu hoạt động tài chính**: Doanh thu tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi của các công ty con sau khi đã tất toán phần lớn các khoản vay ngân hàng, tạo ra nguồn thu ổn định trong năm.

+ **Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết**: Phần lãi/lỗ từ các công ty liên doanh, liên kết dự tính giảm 11,4 tỷ đồng so với năm 2025, tương ứng khoảng 15%. Nguyên nhân chính là do kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương, Công ty TNHH YCH-Protrade và Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam được xây dựng thận trọng trong bối cảnh tình hình kinh tế - chính trị bất ổn trên thế giới, chi tiết như sau:

Công ty	Năm 2026 (kế hoạch)	Năm 2025 (thực hiện)	Kế hoạch 2026 vs thực hiện 2025	Tỷ lệ
	VND	VND		
Công ty CP May Mặc Bình Dương	49.055.994.518	59.402.335.085	(10.346.340.567)	83%
Công ty TNHH YCH-Protrade	18.796.300.200	24.040.042.631	(5.243.742.431)	78%
Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	8.697.833.617	3.171.101.532	5.526.732.085	274%
Công ty CP Hưng Vượng	842.818.652	685.766.631	157.052.021	123%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành	(2.087.100.000)	(1.439.300.241)	(647.799.759)	145%
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	600.000.000	2.176.116.286	(1.576.116.286)	28%
Công ty CP Phát Triển Phú Mỹ	(12.800.127.885)	(13.532.691.857)	732.563.972	95%
Tổng cộng	**63.105.719.101**	**74.503.370.067**	**(11.397.650.966)**	**85%**

+ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tăng 15,6 tỷ so với năm 2025 tương ứng với bút toán điều chỉnh hợp nhất đối với phần lợi nhuận chưa thực hiện khi Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade cho Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương thuê đất dài hạn.

3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Căn cứ vào **kế hoạch lợi nhuận của báo cáo tài chính riêng năm 2026** đã được báo cáo, Ban TGĐ đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận như sau:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LNST NĂM 2026	SỐ TIỀN (đồng)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế dự kiến còn lại (sau khi phân phối lợi nhuận năm 2025)		59.120.671.663
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2026 *(*)*		136.924.736.689
Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2026		**196.045.408.352**
Dự kiến trích lập các quỹ:		**15.756.473.669**
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	*5% LNST năm 2026*	6.846.236.834
- Quỹ đầu tư phát triển	*5% LNST năm 2026*	6.846.236.834
- Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Tổng Công ty		2.064.000.000
Chia cổ tức	**Dự kiến chi trả 6%/mệnh giá/cổ phiếu**	**180.000.000.000**
Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế còn lại		**288.934.683**

(*) Theo Nghị quyết số 77/NQ–ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thì hàng năm, Tổng Công ty phải trích lập chi phí dự phòng cho Bản án khoảng 70,7 tỷ đồng. Do đó, nếu không bao gồm chi phí dự phòng Bản án thì lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2026 theo báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty là 207,6 tỷ đồng.

Kính thưa quý cổ đông, trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng Công ty. Xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông và mong được sự đóng góp tích cực của tập thể Cổ đông vì sự phát triển mạnh mẽ và bền vững của Tổng Công ty. Ban điều hành và toàn thể nhân viên Tổng Công ty sẽ nỗ lực hết mình để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được toàn thể cổ đông giao phó.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT & BKS;
- Lưu: VT.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ TRỌNG NGHĨA

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT-XNK BÌNH DƯƠNG – CTCP
BAN KIỂM SOÁT
Số 02-2026/BC-BKS.PRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 25 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CTCP.

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ sửa đổi lần 02 của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("Tổng Công ty") được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/04/2024;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2021 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-BKS ngày 20/3/2023 của Ban kiểm soát về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát tại Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP;

Ban kiểm soát Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025 bao gồm các nội dung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Công tác kiểm tra tình hình hoạt động trong kỳ

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu cử gồm 04 thành viên:

1. Ông Nguyễn Ngọc Trường Long - Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Lê Văn Minh - Thành viên
3. Ông Cao Hoàng Đề - Thành viên
4. Bà Trần Thị Tuyết Nga - Thành viên

Năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát, kiểm tra các hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP ("Tổng Công ty") theo

quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về Quản trị công ty và Quy chế tài chính của Tổng Công ty. Ban kiểm soát đã phân công phân nhiệm các thành viên trong Ban kiểm soát tập trung vào những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực của Tổng Công ty như sau:

- Thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT; Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành Tổng Công ty và thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2025.

- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt việc chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Góp ý, kiến nghị một số vấn đề về quản lý, điều hành đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

- Thẩm định báo cáo tài chính của Tổng Công ty cũng như phối hợp với Công ty kiểm toán xem xét các ảnh hưởng trong công tác kế toán và thẩm tra tính trung thực của Báo cáo tài chính năm 2025.

- Theo dõi, giám sát và xử lý các kiến nghị (nếu có) của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

2. Công tác giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức thực hiện 05 phiên họp HĐQT, trong đó có 02 phiên họp tập trung và 03 phiên lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Ban hành 05 Nghị quyết và 01 Quyết định.

Nội dung chủ yếu về tình hình sản xuất kinh doanh; Quy chế quản lý; Quy chế tài chính, công tác tổ chức đại hội thường niên năm 2025, nhân sự HĐQT, BKS và các tiểu ban và quyết định một số vấn đề về kinh doanh, giao dịch cần có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

3. Kế hoạch, định hướng Ban kiểm soát năm 2026

Thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ kiểm tra kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo theo quy định của Luật doanh nghiệp; Điều lệ; Quy chế tài chính và Quy chế quản trị Tổng Công ty.

Giám sát thực hiện Điều lệ, Quy chế đã được ban hành và sửa đổi bổ sung theo quy định mới.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt việc chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2026.

Giám sát việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết; Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2026.

Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.

Kiểm tra, giám sát Báo cáo tài chính năm 2026 theo kế hoạch của BKS.

Theo dõi, giám sát và xử lý các kiến nghị (nếu có) của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

II. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025.

1. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị

Ngày 27/5/2025, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT về quyết định thống nhất bầu ông Huỳnh Hữu Hùng Giám đốc Phòng Phát triển Dự án giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP nhiệm kỳ 2024-2029.

Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo Quy chế quản trị và Điều lệ của Tổng Công ty. Nội dung họp, nghị quyết ban hành phù hợp thẩm quyền và nhiệm vụ của HĐQT. Khi cần giải quyết những vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền liên quan hoạt động Tổng Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản và có thông tin kết quả cho Ban kiểm soát.

2. Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc; Ban điều hành

Trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong hoạt động. Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban Tổng Giám đốc và Ban

kiểm soát tham dự, đóng góp ý kiến, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành được cung cấp đầy đủ, kịp thời cho Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Tổng Công ty đã tạo điều kiện làm việc và cung cấp đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

❖ **Cơ cấu cổ đông:**

STT	Các tổ chức, cá nhân	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	**Cổ đông nhà nước (Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương**	182.927.400	60,98%
2	**Cổ đông chiến lược**		
	Công ty CP Sam Holdings	24.000.000	8%
	Công ty Cổ phần U&I	18.000.000	6%
3	**Cổ đông khác**	75.072.600	25,02%
	Tổng cộng	**300.000.000**	**100%**

❖ **Công ty con, công ty liên kết**

STT	TÊN CÔNG TY	TỶ LỆ GÓP VỐN	VỐN ĐIỀU LỆ (VNĐ)	VỐN ĐIỀU LỆ (USD)	VỐN ĐẦU TƯ TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2025	GHI CHÚ
	CÔNG TY CON					
1	Công ty TNHH Quốc Tế Protrade	100%	621.240.000.000		621.240.000.000	
2	Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	100%	915.047.144.712		915.047.144.712	
3	Công ty CP TM TH Thuận An	62,68	9.950.000.000		17.597.456.293	
4	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	100%	20.000.000.000		84.522.691.475	
5	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt - Lào	50,5%	700.000.000.000		392.565.574.329	
6	Công ty TNHH Apparel KP Manufacturing	100%		3.856.388	62.138.569.749	
	CÔNG TY LIÊN DOANH					
7	Công ty TNHH FrieslandCampina VN	30,00%	294.906.142.000		298.799.188.283	
8	Công ty CP May mặc Bình Dương	47,71%	247.999.200.000		120.721.534.563	
9	Công ty TNHH YCH-Protrade	30,00%	162.071.250.000		26.301.686.013	
10	Công ty CP Hưng Vượng	30,90%	150.000.000.000		68.438.780.329	
11	Công ty CP Phát triển Phú Mỹ	35,00%	1.224.794.000.000	55.000.000	238.562.498.304	
12	Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	24,00%			243.622.560.000	
13	Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	30,00%	480.000.000.000		156.890.179.774	
	ĐẦU TƯ KHÁC					
14	Công ty CP Cơ khí vận tải Cao su Dầu Tiếng	2,10%	24.000.000.000		505.000.000	

III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025:

Ban kiểm soát thống nhất ý kiến với kiểm toán viên về Báo cáo tài chính riêng năm 2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng Công ty trên cơ sở ngoại trừ các vấn đề tồn tại chưa đánh giá được ảnh hưởng và các vấn đề cần nhấn mạnh, lưu ý:

1. Theo nội dung tại thuyết minh số 35a và 35c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, liên quan đến hoạt động chuyển giao đất và hủy hợp đồng chuyển giao đất đối với Công ty TNHH Phát Triển và Công ty Cổ phần Bất động sản U&I, các giao dịch nêu trên đã được thực hiện căn cứ theo chủ trương đã được Tỉnh ủy Bình Dương chấp thuận và theo thỏa thuận giữa các bên. Lợi nhuận từ các giao dịch chuyển nhượng do phát sinh trước giai đoạn cổ phần hóa nên đã được Tổng Công ty điều chỉnh giảm trừ số dư công nợ lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước tại thuyết minh số 20. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này, số dư các khoản mục nêu trên chưa được đối chiếu xác nhận, đồng thời Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

❖ Giải trình:

Liên quan đến hoạt động chuyển giao đất và hủy hợp đồng đối với Công ty TNHH Phát Triển và Công ty Cổ phần Bất động sản U&I. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tổng Công ty đã tiến hành hủy bỏ giao dịch, điều chỉnh hồi tố giảm khoản lợi nhuận phải nộp về cho Chủ sở hữu. Hiện nay vụ việc đang chờ hướng dẫn thực hiện của cấp có thẩm quyền và sẽ được xử lý xem xét quyết toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền khi phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do đó KTV không đánh giá được ảnh hưởng của giao dịch nêu trên đến báo cáo tài chính riêng này.

2. Theo nội dung trình bày tại thuyết minh số 35b của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, liên quan đến việc chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần An Bình, tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025, Tổng Công ty đang trình bày khoản phải thu liên quan đến hợp đồng bồi thường kinh phí đất và chuyển giao đất phát sinh trước thời điểm chuyển sang công ty cổ phần với số tiền là 60 tỷ VND. Ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hiện tại các bên chưa có thỏa thuận về việc xử lý các nội dung liên quan đến hợp đồng nêu trên. Với các tài liệu đã thu thập được, chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng không thể đánh giá được khả năng thu hồi của khoản phải thu này và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

❖ Giải trình:

Trong năm 2016, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đã ký hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 15/08/2016 với Công ty Cổ phần An Bình. Ngày 25/08/2016, Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Công văn số 457-CV/TU về đồng ý chủ trương cho Tổng Công ty được chuyển giao 15 ha đất tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho An Bình để làm dịch vụ kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.

Ngày 22/12/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3536/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý để giao cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một. Tổng Công ty đã ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến giao dịch này trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa. Đến thời điểm 01/01/2019, Tổng Công ty đang ghi nhận một khoản phải thu Công ty Cổ phần An Bình với số tiền 60 tỷ VND, thời hạn thu hồi của khoản phải thu này phụ thuộc vào tiến độ thực hiện thủ tục chuyển giao đất của cơ quan có thẩm quyền.

Tuy nhiên, vào ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh nêu trên.

Hiện nay vụ việc liên quan đến việc chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần An Bình vẫn đang được các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết vì ảnh hưởng đến việc quyết toán cổ phần hóa bàn giao sang công ty cổ phần, Tổng Công ty vẫn đang chờ hướng dẫn cụ thể để xử lý vấn đề này, đến thời điểm phát hành báo cáo này các ban ngành vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể để giải quyết. Vì các yếu tố không chắc chắn nêu trên liên quan đến khả năng thu hồi khoản phải thu CTCP An Bình (60 tỷ), KTV không đánh giá được khả năng thu hồi công nợ này.

3. Chúng tôi không đánh giá được tính phù hợp của giao dịch góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành ("Tân Thành"), việc tính tiền lãi ứng vốn liên quan và khả năng thu hồi của khoản phải thu này, thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 34b của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Tại thời điểm 31/12/2025, khoản phải thu này đã quá hạn tuy nhiên Tổng Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này. Cũng liên quan đến Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành, tại thuyết minh số 07 và 08 đang trình bày số dư các khoản cho vay và tiền lãi tương ứng đã quá hạn của Tân Thành với số tiền tại thời điểm 31/12/2025 lần lượt là 92,35 tỷ VND và 57,03 tỷ VND, số dự phòng đã trích lập tương ứng là 72,10 tỷ VND. Từ ngày 01/01/2023, Tổng Công ty không ghi nhận các khoản

lãi vay, lãi chậm thanh toán phát sinh tương ứng với dư nợ gốc cho Tân Thành vay. Số dư phải thu về lãi chậm thanh toán, lãi vay phát sinh từ các khoản phải thu về cho vay quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu đến thời điểm 31/12/2025 là 43,88 tỷ VND (đến thời điểm 01/01/2025 là 34,45 tỷ VND), tiền lãi phát sinh trong năm nay không được ghi nhận doanh thu là 9,43 tỷ VND (chi tiết tại thuyết minh số 09b). Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không đánh giá được khoản lãi vay, lãi chậm trả quá hạn cần được ghi nhận bổ sung cũng như khả năng thu hồi của các khoản phải thu nêu trên, số dự phòng cần trích lập và ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

❖ Giải trình:

Khoản tiền lãi tạm tính (115 tỷ đồng) theo thỏa thuận giữa Tổng Công ty và Công ty CP Đầu tư Phát triển Tân Thành dựa trên khoản vay 144 tỷ đồng phát sinh trước giai đoạn chuyển sang công ty cổ phần đã được Tỉnh ủy Bình Dương xác nhận giảm trừ công nợ phải trả nhưng chưa được quyết toán Cổ phần hóa Tổng Công ty. Đối với khoản phải thu về cho vay số dư nợ gốc là 92,35 tỷ đồng và lãi phát sinh 57,03 tỷ đồng, tất cả những khoản này đều đã đến hạn phải thu vào 31/12/2022, theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 của Công ty Tân Thành, tổng số nợ phải trả là 617 tỷ đồng. Công ty Tân Thành hiện đang mất cân đối tài chính nghiêm trọng, bên cạnh đó Công ty Tân Thành đang vướng vấn đề về pháp lý và cơ cấu cổ đông do liên quan đến bản án 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và Bản án phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Dẫn đến việc Công ty Tân Thành chưa thu xếp được nguồn tiền để trả nợ cho Tổng Công ty. Do đó, KTV không đánh giá được tính phù hợp của khoản nợ gốc và lãi vay quá hạn nêu trên.

4. Theo nội dung được trình bày tại thuyết minh số 08 và 34c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty phải nộp truy thu tiền sử dụng đất do áp sai đơn giá và tiền phạt chậm nộp tương ứng theo Bản án của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, thông báo của Cục thuế Bình Dương và thông báo của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội với tổng số tiền là 1.060,22 tỷ VND. Tổng số tiền Tổng Công ty đã nộp và được khấu trừ là 1.060,22 tỷ VND, trong đó 806,17 tỷ VND nộp bằng tiền và 254 tỷ VND được cơ quan thi hành án khấu trừ, số được khấu trừ bao gồm: Số tiền 128,36 tỷ VND do các cá nhân có liên quan nộp khắc phục hậu quả thông qua Tổng Công ty; Số tiền 125,69 tỷ VND Tổng Công ty đã tạm nộp trong năm 2019, trong đó bao gồm số dư phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú mà chúng tôi đã nêu ý kiến ngoại trừ các năm trước (xem thêm tại thuyết minh số 08 và 34a).

Tổng số tiền Tổng Công ty đã thực nộp và được khấu trừ nêu trên được ghi nhận trên khoản mục "Phải thu khác - Phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa" và đã được trích lập dự phòng với số dư lũy kế đến thời điểm 31/12/2025 là 212,04 tỷ VND, trong đó số dự phòng ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay là 70,68 tỷ VND (thuyết minh số 08 và số 27) căn cứ theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023, đồng thời số tiền các cá nhân đã nộp khắc phục hậu quả thông qua Tổng Công ty là 128,36 tỷ VND được ghi nhận khoản phải trả trên khoản mục "Phải trả khác" (thuyết minh 20). Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp và chính xác cũng như khả năng thu hồi của khoản Phải thu khác - Phải thu các khoản tạm nộp chờ xử lý quyết toán cổ phần hóa và số dư dự phòng tương ứng, số dư phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú cũng như việc ghi nhận khoản phải trả cho các cá nhân liên quan đến bản án. Chúng tôi cũng chưa xác định được việc có cần ghi nhận bổ sung nghĩa vụ tiền sử dụng đất và tiền phạt chậm nộp (nếu có) liên quan đến các khoản truy thu tiền sử dụng đất của các lô đất khác theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV năm 2017 hay không và ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

❖ Giải trình:

Liên quan đến khoản tiền sử dụng đất phải nộp theo kiến nghị của KTNN khu vực IV tại Báo cáo kiểm toán về việc quản lý và sử dụng đất đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013 - 2016 ngày 15/08/2017; Thông báo số 16592/TB-CTBDU ngày 01/11/2021 của Cục thuế Bình Dương; Bản án hình sự sơ thẩm số 327/2022/HSST ngày 30/08/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội và Bản án hình sự phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Quyết định số 681/QĐ-CTHADS về việc thi hành án chủ động đối với Tổng Công ty:

Tổng số tiền mà Tổng Công ty phải nộp là 1.060,22 tỷ, đến thời điểm phát hành báo cáo này Tổng Công ty đã thực hiện nộp và được khấu trừ 1.060,22 tỷ đồng. Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh liên quan đến tiền sử dụng đất, tiền chậm nộp nêu trên liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa thuộc về Công ty TNHH, tuy nhiên việc thực hiện nộp số tiền này Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa, do đó để có cơ sở ghi nhận, theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023, tổng số tiền 1.060,22 tỷ đồng phải nộp phát sinh, để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty đã quyết nghị thông qua việc ghi nhận khoản phải thu số tiền Tổng Công ty tạm nộp nêu trên để chờ xử lý khi có kết quả quyết toán cổ phần hóa chính thức. Đồng thời quyết nghị tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Tổng Công ty sẽ trích lập khoản dự

phòng cho phải thu này trên nguyên tắc dự phòng phân bổ đều cho 15 năm, bắt đầu từ năm 2023 để tránh biến động kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần, trong trường hợp khoản phải thu này không được cơ quan có thẩm quyền quyết toán đưa vào phần vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa. Trường hợp theo kết quả quyết toán cổ phần hóa mà tổng số tiền Tổng Công ty đã tạm nộp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận ghi nhận vào phần vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ xử lý hoàn nhập lại số dự phòng đã trích tương ứng do đó KTV chưa thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng này.

5. Tổng Công ty đang trình bày giá trị bất động sản đầu tư nắm giữ với mục đích chờ tăng giá là quyền sử dụng đất có tổng giá trị 78 tỷ VND tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích là 10.547 m^2 theo nội dung tại Thuyết minh số 15 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Bất động sản đầu tư này được mua trước giai đoạn Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần và vẫn chưa hoàn tất thủ tục sang tên chủ sở hữu cho Tổng Công ty.

❖ Giải trình:

Tổng Công ty đã thanh toán tiền mua bất động sản trị giá 78 tỷ đồng nhưng chưa đăng ký sang tên từ chủ sở hữu cũ. Toàn bộ giá trị bất động sản đầu tư của khu đất này được mua trước thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển sang mô hình công ty cổ phần. Đến thời điểm hiện tại Tổng Công ty vẫn chưa thực hiện thủ tục sang tên cho Tổng Công ty vì vẫn đang chờ hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền liên quan đến vấn đề pháp lý của khu đất.

6. Các lô đất tại xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương (nay thuộc phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh) mà Tổng Công ty đã mua trước thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần đã được Tổng Công ty bàn giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Bình Dương vào ngày 14/11/2023 theo Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Chi phí đầu tư của các lô đất này đang được theo dõi trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" - Quyền sử dụng đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương (chi tiết tại thuyết minh số 11 - ghi chú (2) của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng), việc xử lý khoản chi phí này đang được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) xem xét phê duyệt.

❖ Giải trình:

Căn cứ theo Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, Tổng Công ty đã tiến hành bàn giao 02 khu đất và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 khu đất có diện tích 564 m^2 tại phường Vĩnh Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Bình Dương

vào ngày 14/11/2023. Về xử lý chi phí đầu tư vào đất, Sở Tài chính tỉnh Bình Dương sẽ lập hội đồng để xác định và trình Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét phê duyệt. Hiện nay các Sở ban ngành tỉnh Bình Dương đã sáp nhập về Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Tổng Công ty vẫn đang chờ cấp có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện. Ngay sau khi nhận được sự hướng dẫn, xử lý từ các Sở ban ngành liên quan, Tổng Công ty sẽ thực hiện ghi nhận giảm sổ sách giá trị khu đất theo đúng quy định.

7. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) vẫn chưa phê duyệt Quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/10/2018, xem chi tiết tại thuyết minh số 36.

❖ Giải trình:

Tổng Công ty vẫn đang chờ phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài những ảnh hưởng nêu trên, báo cáo tài chính năm riêng 2025 của Tổng Công ty trình bày trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty. Các vấn đề tồn tại còn đang tiếp tục theo dõi, giải quyết, có thể có những ảnh hưởng cần điều chỉnh. Các vấn đề nêu trên cũng ảnh hưởng tương tự đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng Công ty.

IV. Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.

1. Kết quả kinh doanh theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2024	Kế hoạch Năm 2025	Thực hiện Năm 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)
1. Tổng doanh thu	**1.116.314.985.192**	**1.148.790.247.756**	**1.181.018.666.691**	**102,8%**
- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	987.190.938.128	1.044.175.861.349	1.046.447.682.743	100%
- Doanh thu hoạt động tài chính	41.642.485.223	22.250.046.575	49.588.463.412	222,9%
- Lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	77.482.884.976	82.119.339.832	74.503.370.067	90,7%
- Thu nhập khác	9.998.676.865	245.000.000	10.479.150.469	4277%
2. Tổng chi phí	**970.297.806.870**	**1.007.824.191.868**	**1.012.272.952.948**	**100,4%**
- Giá vốn hàng bán	687.342.463.448	719.829.444.995	700.460.156.309	97,3%
- Chi phí tài chính	8.475.321.464	7.021.082.916	10.316.064.376	146,9%
Trong đó: Chi phí lãi vay	*3.026.302.566*	*3.824.971.412*	-	
- Chi phí bán hàng	34.997.577.421	36.316.129.387	37.413.140.769	103,0%
- Chi phí quản lý Doanh nghiệp	236.876.221.312	244.627.534.570	254.446.822.381	104,0%
- Chi phí khác	2.606.223.225	30.000.000	9.636.769.113	32122,6%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	**146.017.178.322**	**140.966.055.888**	**168.745.713.743**	**119,7%**
- Chi phí thuế TNDN	33.701.979.733	47.790.301.149	48.597.431.455	101,7%
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(12.322.114.453)	521.481.412	(12.701.151.462)	
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**124.637.313.042**	**92.654.273.327**	**132.849.433.750**	**143,4%**
5. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	**79.251.720.741**	**66.121.606.713**	**91.103.089.509**	**137,8%**
6. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	**45.385.592.301**	**26.532.666.214**	**41.746.344.241**	**157,3%**
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**240**	**257**	**288**	**112,1%**

2. Kết quả kinh doanh theo Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ năm 2025

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2024	Kế hoạch Năm 2025	Thực hiện Năm 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)
1. Tổng doanh thu	**165.988.435.064**	**204.623.825.496**	**213.579.887.218**	**104,4%**
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.694.485.715	787.700.000	787.700.000	100,0%
- Doanh thu hoạt động tài chính	160.567.505.529	203.836.125.496	212.776.275.083	104,4%
- Thu nhập khác	3.726.443.820	-	15.912.135	
2. Tổng chi phí	**114.274.811.631**	**151.999.726.748**	**157.146.008.938**	**103,4%**
- Giá vốn hàng bán	310.531.534	-	-	
- Chi phí tài chính	(31.878.015.694)	3.556.451.853	(1.401.634.003)	-39,4%
Trong đó: Chi phí lãi vay	15.984.835.453	*12.670.000.000*	*12.502.328.768*	98,7%
- Chi phí quản lý Doanh nghiệp	144.295.009.613	148.443.274.895	158.178.549.322	106,6%
- Chi phí khác	1.547.286.178	-	369.093.619	
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	**51.713.623.433**	**52.624.098.748**	**56.433.878.280**	**107,2%**
- Chi phí thuế TNDN		-	-	
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**51.713.623.433**	**52.624.098.748**	**56.433.878.280**	**107,2%**

3. Tình hình phân phối lợi nhuận căn cứ báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: Đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025			Thực hiện PPLN năm 2024 đã ghi nhận trong năm 2025		Tỷ lệ thực hiện (%)
	Trích quỹ	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	
TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ		**52.624.098.748**		**51.713.623.433**		
1. Quỹ khen thưởng , phúc lợi	5% LN sau thuế năm 2025	2.631.204.937	5%	2.585.681.172	5%	100%
2. Quỹ đầu tư phát triển	5% LN sau thuế năm 2025	2.631.204.937	5%	2.585.681.172	5%	100%
3. Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Tổng Công ty	3% LN sau thuế năm 2025	2.270.400.000	3%	1.900.800.000	3,68%	100%
4. Quỹ khen thưởng Ban điều hành	1% LN sau thuế năm 2025	726.000.000	1%	216.000.000	0,42%	100%
5. Chia cổ tức	Dự kiến 3% /mệnh giá/cổ phiếu	90.000.000.000	3%	90.000.000.000	3%	100%

4. Tình hình tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2025 theo báo cáo tài chính riêng.

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**643.841.780.728**	**597.938.149.869**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	33.193.426.016	49.029.816.511
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	427.712.107.563	392.037.546.259
IV. Hàng tồn kho	124.249.900.502	124.342.773.798
V. Tài sản ngắn hạn khác	33.686.346.647	32.528.013.301
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**3.736.704.989.302**	**3.809.911.870.951**
I. Các khoản phải thu dài hạn	830.100.428.218	900.782.078.315
II. Tài sản cố định	2.402.480.957	3.188.871.159
III. Bất động sản đầu tư	78.000.000.000	78.000.000.000
IV. Tài sản dở dang dài hạn	127.069.407.313	123.267.001.962
V. Đầu tư tài chính dài hạn	2.642.418.529.121	2.625.774.919.642
VI. Tài sản dài hạn khác	56.714.143.693	78.898.999.873
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**4.380.546.770.030**	**4.407.850.020.820**
C. NỢ PHẢI TRẢ	**1.159.111.567.836**	**1.148.362.215.734**
I. Nợ ngắn hạn	1.102.444.901.169	1.091.695.549.067
II. Nợ dài hạn	56.666.666.667	56.666.666.667
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**3.221.435.202.194**	**3.259.487.805.086**
I. Vốn chủ sở hữu	**3.221.435.202.194**	**3.259.487.805.086**

1. Vốn góp của chủ sở hữu	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	34.318.182.703	31.732.501.531
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	187.117.019.491	227.755.303.555
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:	**4.380.546.770.030**	**4.407.850.020.820**

5. Tình hình tài sản. nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2025 theo báo cáo tài chính hợp nhất.

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**2.108.395.183.900**	**1.957.636.966.110**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	390.244.536.269	354.991.394.148
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	649.736.210.358	622.368.825.260
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	503.283.790.313	442.155.349.891
IV. Hàng tồn kho	526.809.547.813	497.624.435.969
V. Tài sản ngắn hạn khác	38.321.099.147	40.496.960.842
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**3.529.074.002.789**	**3.614.126.367.543**
I. Các khoản phải thu dài hạn	830.131.428.218	900.813.078.315
II. Tài sản cố định	1.386.086.674.927	1.469.269.879.750
III. Bất động sản đầu tư	183.588.696.252	186.745.719.828
IV. Tài sản dở dang dài hạn	165.608.348.984	130.981.075.686
V. Đầu tư tài chính dài hạn	877.619.474.437	832.730.493.010
VI. Tài sản dài hạn khác	86.039.379.971	93.586.120.954
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**5.637.469.186.689**	**5.571.763.333.653**
C. NỢ PHẢI TRẢ	**1.662.658.999.921**	**1.586.481.818.113**

I. Nợ ngắn hạn	1.380.371.784.746	1.286.019.824.407
II. Nợ dài hạn	282.287.215.175	300.461.993.706
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**3.974.810.186.768**	**3.985.281.515.540**
I. Vốn chủ sở hữu	**3.974.810.186.768**	**3.985.281.515.540**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	11.949.349.305	11.949.349.305
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(35.469.525.274)	(35.469.525.274)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(149.012.066.986)	(163.830.900.079)
4. Quỹ đầu tư phát triển	88.819.499.871	67.803.316.727
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	601.339.546.781	661.421.958.114
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	457.183.383.071	443.407.316.747
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**5.637.469.186.689**	**5.571.763.333.653**

❖ **Tình hình vốn chủ sở hữu:**

Vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2025: 3.974.810.186.768 đồng. Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu là 3.000.000.000.000 đồng, Vốn khác của chủ sở hữu là 11.949.349.305 đồng; Chênh lệch đánh giá lại tài sản (35.469.525.274) đồng; Chênh lệch tỷ giá hối đoái (149.012.066.986) đồng, Quỹ đầu tư phát triển 88.819.499.871 đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 601.339.546.781 đồng; Lợi ích cổ đông không kiểm soát 457.183.383.071 đồng.

Vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính riêng năm 2025 của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2025: 3.221.435.202.194 đồng. Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu là 3.000.000.000.000 đồng; Quỹ đầu tư phát triển là 34.318.182.703 đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 187.117.019.491 đồng.

❖ **Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025 theo Báo cáo tài chính riêng.**

Tổng doanh thu năm 2025: 213.580 triệu đồng, đạt 104,4% so với kế hoạnh năm 2025 tăng 8.956 triệu đồng và tăng 47.591 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2024, tương ứng tỷ lệ tăng 28,67%. Trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025: 787 triệu đồng đạt 100% so với kế hoạnh năm 2025, giảm 907 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2024, tương ứng tỷ lệ giảm 53,5% và chiếm 0,37 % trên tổng doanh thu toàn công ty.

+ Doanh thu hoạt động tài chính năm 2025: 212.776 triệu đồng đạt 104,4% so với kế hoạch năm 2025, Chủ yếu nhận cổ tức năm 2024 của Công ty Quốc tế Protrade 62.097 triệu đồng + tạm ứng lợi nhuận 2025 là 46.000 triệu đồng, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương 29.578 triệu đồng, Công ty Cao su Việt – Lào 21.210 triệu đồng, Công ty TNHH YCH - Protrade 51.000 triệu đồng; Công ty CP TM TH Thuận An 666 triệu đồng và thu nhập từ tiền lãi và chiếm 99,62% trên tổng doanh thu toàn công ty.

+ Thu nhập khác năm 2025 là 16 triệu đồng do nhận từ chương trình khuyến mãi ngân hàng.

Tổng chi phí năm 2025: 157.146 triệu đồng, tăng 3,4% so với kế hoạch chi phí năm 2025, tương ứng tăng 5.146 triệu đồng, tăng 37,52% so với chi phí năm 2024, tương ứng tăng 42.871 triệu đồng. Trong đó:

+ Chi phí tài chính năm 2025 là (1.402 triệu đồng), do hoàn nhập dự phòng tài chính trong năm là 16.644 triệu đồng, tiền lãi vay trong năm là 12.502 triệu đồng, chênh lệch tỷ giá là 2.740 triệu đồng

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2025 là 158.179 triệu đồng, tăng 9.735 đồng so kế hoạch năm 2025, tương ứng tỷ lệ tăng 6,6% kế hoạch năm.

+ Chi phí khác năm 2025 là 369 triệu đồng.

Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2025: 56434 triệu đồng, đạt 107,2% so với kế hoạch năm 2025, tương ứng tăng 3.810 triệu đồng.

❖ **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	So năm trước
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/NNH)	lần	0,55	0,58	0,04
Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-HTK/NNH)	lần	0,43	0,47	0,04

Các hệ số về chi tiêu thanh toán của Tổng Công ty năm 2025 có tăng so với năm 2024. Trong năm 2025, Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt là 0,58 và 0,47 cho thấy Tổng Công ty cũng đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Nguyên nhân, do thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Bản án phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân tại Hà Nội và kiến nghị của Kiểm toán khu vực IV, Tổng Công ty đã huy động vốn vay tại các đơn vị mà Tổng Công ty có phần góp vốn và tổ chức tín dụng với tổng số tiền vay là 214 tỷ đồng.

❖ **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	So năm trước
Hệ số nợ / Tổng tài sản	%	26,05%	26,46%	0,41%
Hệ số nợ / Vốn CSH	%	38,28%	38,64%	0,36%

Các chỉ tiêu cơ cấu vốn của Tổng Công ty năm 2025 cũng đạt tương đối tốt so với năm 2024 lần lượt là 0,41%; 0,36% và nằm trong giới hạn cho phép chung cũng như đáp ứng tốt các cam kết tại các thỏa thuận vay vốn.

❖ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	So năm trước
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK BQ)	Vòng	0,0025	0,0000	-0,0025
Vòng quay tổng tài sản (DTT/TTS BQ)	Vòng	0,0002	0,0002	0,0000

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Tổng Công ty trong năm 2025 so với năm 2024: Vòng quay hàng tồn kho giảm 0,0025 vòng so với năm 2024; Vòng quay tổng tài sản năm 2025 là 0,0002 vòng. Hàng tồn kho giảm trong năm 2025 so với 2024 là 93 triệu đồng.

❖ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	So năm trước
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	3051,9%	7164,4%	4112,51%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	1,59%	1,75%	0,16%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	1,17%	1,29%	0,12%

Các chỉ số về khả năng sinh lời trong năm 2025 của Tổng Công ty tăng với năm 2024. Tổng doanh thu năm 2025 chỉ đạt 104,4% so với kế hoạch và Lợi nhuận sau thuế của năm 2025 đạt 107,2% so với kế hoạch đề ra và đạt 109,1% so với cùng kỳ năm 2024.

Nguyên nhân, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản tiền sử dụng đất theo Bản án phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân tại Hà Nội, thi hành Quyết định số 681/QĐ-CTHADS ngày 20/02/2023 của Cục trưởng Cục thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội và kiến nghị của Kiểm toán khu vực IV với tổng số tiền nộp bổ sung là 1.060.224.751.454 và phân bổ chi phí trong vòng 15 năm với số tiền trích hàng năm là 70.681.650.097 đồng (Nghị quyết số 77/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2023 thống nhất thông qua). Khoản đầu tư từ công ty liên doanh liên kết

Công ty trong năm 2025 được chia cổ tức là 213 tỷ đồng đạt 104,4% so với kế hoạch 2025 tăng 4,4%.

Số liệu về tình hình tài sản, nguồn vốn nêu trên được tập hợp trên cơ sở ngoại trừ các vấn đề tồn tại chưa đánh giá được ảnh hưởng và các vấn đề cần nhấn mạnh, lưu ý đã đề cập.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét, đánh giá:

Năm 2025, Tổng Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn và đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2025. Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Tổng Công ty là 91.193 triệu đồng, đạt 137,8% so với kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán là 56.434 triệu đồng, đạt 107,2% so với kế hoạch đề ra.

Mặc dù Tổng Công ty đã chủ động, phối hợp với Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Tổng Công ty theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 để khẩn trương thực hiện xử lý các vấn đề liên quan đến tài chính, đất đai... để phê duyệt quyết toán cổ phần hóa theo quy định pháp luật về cổ phần hóa nhưng đến nay một số tồn tại vẫn còn phải tiếp tục theo dõi, giải quyết.

Tổng Công ty đang thực hiện theo quy chế quản lý tài chính được ban hành vào ngày 29/10/2021 theo quyết định số 17/QĐ-HĐQT;

Tổng Công ty đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát các công ty con, công ty liên kết thông qua Người được cử tham gia BKS, HĐQT, HĐTV và Ban điều hành, đồng thời việc giám sát cũng được thực hiện thông qua chế độ báo cáo định kỳ tháng, quý, năm áp dụng đối với các công ty theo Công văn số 61/CV-TCTY ngày 03/04/2025 của Tổng Công ty.Tuy nhiên, đối với một số công ty liên kết chưa có BKS/Kiểm soát viên kể từ thời điểm thành lập, công tác kiểm tra chưa được chuẩn hóa.

Tổng Công ty khẩn trương ban hành, sửa đổi lại các Quy chế của Tổng Công ty theo định định hiện hành.

Đối với khoản nợ Cục Thuế tỉnh Bình Dương và Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương, đến thời điểm hiện tại Tổng Công ty chưa được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa, vì vậy nên các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hoạt động này chưa được xử lý.

Mặc dù khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Tổng Công ty thấp nhưng Tổng Công ty có khả năng tự đảm bảo về mặt tài chính và mức độ độc lập về mặt tài chính.

Số liệu về tình hình tài sản, nguồn vốn nêu trên được tập hợp trên cơ sở ngoại trừ các vấn đề tồn tại chưa đánh giá được ảnh hưởng và các vấn đề cần nhấn mạnh, lưu ý đã đề cập

2. Kiến nghị

- Mặc dù Tổng Công ty đã rất chủ động phối hợp với Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Tổng Công ty theo Quyết định số 673/QĐ-UBND, ngày 30/3/2023 để khẩn trương thực hiện xử lý các vấn đề liên quan đến tài chính, đất đai… để phê duyệt quyết toán cổ phần hóa theo quy định pháp luật về cổ phần hóa nhưng đến nay công tác Quyết toán cổ phần hóa vẫn chưa hoàn thành do một số tồn tại vẫn còn phải tiếp tục theo dõi, giải quyết trong thời gian sớm nhất.

- Tổng Công ty chủ động phối hợp với Công ty mẹ (Công ty IMPCO) và Ban Chỉ đạo cổ phần hóa để khẩn trương xử lý dứt điểm các vướng mắc về tài chính, đất đai, sớm trình phê duyệt quyết toán cổ phần hóa đúng quy định.

- Tổng Công ty cần khẩn trương triển khai kế hoạch thu hồi công nợ, ưu tiên xử lý các khoản kéo dài, đồng thời tăng cường rà soát, đánh giá khả năng thanh toán để chủ động kiểm soát rủi ro và hạn chế phát sinh nợ xấu.

- Tổng Công ty nhanh chóng hoàn thiện, sửa đổi và ban hành lại Quy chế phù hợp với quy định hiện hành, nhằm đảm bảo tính tuân thủ pháp lý và nâng cao hiệu quả quản trị.

- Đối với một số công ty liên kết chưa có BKS/Kiểm soát viên kể từ thời điểm thành lập, Tổng Công ty cần xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, đồng thời tiếp tục kiến nghị các công ty này thành lập BKS/bố trí Kiểm soát viên nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề, đảm bảo hiệu quả của công tác quản lý các khoản đầu tư vốn.

- Tổng Công ty cần kiểm soát chặt chẽ chi phí, chỉ thực hiện các khoản chi cần thiết, phù hợp với hoạt động kinh doanh; đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

- Tiếp tục xử lý các vấn đề tồn tại theo ý kiến ngoại trừ và các nội dung kiểm toán lưu ý, nhằm nâng cao tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính.

- Tổng Công ty cần nhanh chóng phối hợp với các bên có liên quan để giải quyết các khoản công nợ phải thu, phải trả phát sinh liên quan đến cổ phần hóa và khoản tiền đã nộp liên quan Bản án hình sự phúc thẩm số 912/2022/HS-PT, ngày 28/12/2022 để bảo đảm quyền lợi cho các cổ đông.

- Tổng Công ty cần xây dựng kế hoạch giám sát tài chính thông qua kiểm soát viên và người được cử tham gia HĐQT, HĐTV, Ban Điều hành tại các công ty con, công ty liên kết quản lý chặc chẽ để đảm bảo công tác đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư vốn được kịp thời, đầy đủ thông tin.

- Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, nhu cầu của khách hàng đối với cây cảnh không còn nhiều như trước đây. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty nỗ lực trong công tác bán hàng hóa là cây kiểng trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhằm đẩy mạnh nguồn thu từ hoạt động kinh doanh này.

- Khi có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa từ cơ quan có thẩm quyền, đề nghị Tổng Công ty nhanh chóng phối hợp với các cơ quan liên quan quyết toán cổ

phần hóa giữa DNNN với Công ty Cổ phần nhằm xử lý dứt điểm các vấn đề tồn tại đã được kiểm toán viên đề cập tại phần ý kiến ngoại trừ, vấn đề cần lưu ý để cải thiện tính trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty trong việc trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, xử lý và các vấn đề tồn tại liên quan đến việc quyết toán số tiền nộp bổ sung tiền sử dụng đất, tiền chậm nộp, các vấn đề chuyển nhượng đất đai, dự án trong giai đoạn TNHH MTV.

Trên đây là nội dung kết quả làm việc của Ban kiểm soát đã được các thành viên Ban kiểm soát thông qua về công tác giám sát tình hình hoạt động năm 2025 của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP. Kính trình tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Trân trọng./.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG LONG

TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 12../TTr-HĐQT	----------
	TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2025

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**
TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 ("**Luật Doanh nghiệp**");*

*- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("**Tổng Công ty**") được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/10/2018 và được bổ sung lần thứ nhất ngày 22/06/2021;*

- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Tổng Công ty đã thực hiện công bố thông tin trên website Tổng Công ty vào ngày 30/03/2026;

- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 05/06/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua nội dung Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC được ký ban hành vào ngày 30 tháng 03 năm 2026 .

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban TGĐ;
- Lưu: TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 3700148... TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT-XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG CÔNG TY CỔ PHẦN TP. THUẬN AN-T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN AN ĐỊNH

TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 13../TTr-HĐQT	----------
	TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Doanh nghiệp**");*

*- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("**Tổng Công ty**") được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/10/2018 và được bổ sung lần thứ nhất ngày 22/06/2021;*

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;

- Căn cứ Công văn số 02/IMPCO-NĐDV ngày 31/03/2026 của cổ đông lớn – Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương;

- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 05/06/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.

Việc xây dựng phương án phân phối lợi nhuận được thực hiện trên cơ sở cân đối giữa kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch tài chính năm 2026, nhu cầu duy trì nguồn lực phục vụ hoạt động của Tổng Công ty và định hướng phân phối lợi nhuận được các cổ đông quan tâm, trao đổi trong quá trình xây dựng kế hoạch tài chính năm 2026.

Tuy nhiên, việc phân phối lợi nhuận năm 2025 và năm 2026 cần được xem xét trong bối cảnh Tổng Công ty hiện còn một số yếu tố tài chính và pháp lý cần cân nhắc thận trọng. Cụ thể, kế hoạch phân phối lợi nhuận dự kiến có sử dụng khoản lợi nhuận phát sinh trong giai đoạn Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên trước cổ phần hóa với giá trị **129.593.225.417 đồng**. Đây là khoản lợi nhuận có nguồn gốc vốn Nhà nước và Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đã thống nhất về nguyên tắc xử lý theo hướng chuyển về chủ sở hữu. Do đó, trên cơ sở định hướng xử lý đã được xác định, khoản lợi nhuận này hiện chưa thuộc phạm vi lợi nhuận mà Tổng Công ty có quyền chủ động phân phối.

Bên cạnh đó, tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty đang có nghĩa vụ tài chính lớn phát sinh từ việc vay vốn để thi hành Bản án hình sự phúc thẩm số 912/2022/HS-PT ngày 28/12/2022, với tổng dư nợ ghi nhận là **264.573.875.977 đồng**, bao gồm các khoản

vay ngắn hạn từ các công ty thành viên. Vì vậy, việc chi trả cổ tức cần đồng thời bảo đảm khả năng cân đối dòng tiền, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đến hạn và đáp ứng điều kiện chi trả cổ tức theo quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2025: lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC riêng năm 2025 là **56.433.878.280 đồng**.

CHỈ TIÊU	PHÂN PHỐI LNST NĂM 2025	SỐ TIỀN (đồng)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		130.683.141.211
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 *(*)*		56.433.878.280
Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2025		**187.117.019.491**
Trích lập các quỹ:		**7.996.347.828**
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	*5% LNST năm 2025*	*2.821.693.914*
- Quỹ đầu tư phát triển	*5% LNST năm 2025*	*2.821.693.914*
- Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Tổng Công ty		*2.352.960.000*
Chia cổ tức	**4%/mệnh giá/cổ phiếu**	**120.000.000.000**
Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế còn lại		**59.120.671.663**

(*) Theo Nghị quyết số 77/NQ–ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thì hàng năm, Tổng Công ty phải trích lập chi phí dự phòng cho Bản án khoảng 70,7 tỷ đồng. Do đó, nếu không bao gồm chi phí dự phòng Bản án thì lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính riêng năm 2025 của Tổng Công ty là 127,1 tỷ đồng.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026: Kế hoạch lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC riêng năm 2026 là **136.924.736.689 đồng**.

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LNST NĂM 2026	SỐ TIỀN (đồng)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		59.120.671.663
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2026 *(*)*		136.924.736.689
Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2026		**196.045.408.352**
Dự kiến trích lập các quỹ:		**15.756.473.669**
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	*5% LNST năm 2026*	6.846.236.834
- Quỹ đầu tư phát triển	*5% LNST năm 2026*	6.846.236.834
- Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Tổng Công ty		2.064.000.000
Chia cổ tức	**Dự kiến chi trả 6%/mệnh giá/cổ phiếu**	**180.000.000.000**
Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế còn lại		**288.934.683**

(*) Theo Nghị quyết số 77/NQ–ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thì hàng năm, Tổng Công ty phải trích lập chi phí dự phòng cho Bản án khoảng 70,7 tỷ đồng. Do đó, nếu không bao gồm chi phí dự phòng Bản án thì lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2026 theo báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty là 207,6 tỷ đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và giao Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện việc chi trả cổ tức phù hợp với tình hình thực tế và quy định pháp luật có liên quan.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban TGĐ;
- Lưu: TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 3700148166-C.T.C.P * TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT-XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG CÔNG TY CỔ PHẦN * TP. THUẬN AN-T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN AN ĐỊNH

TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 14../TTr-HĐQT	----------
	TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**
TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP

*- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("**Tổng Công ty**") được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/10/2018 và được bổ sung lần thứ nhất ngày 22/06/2021;*

- Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

- Căn cứ vào Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

-Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 05/06/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

1. Thù lao Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát ("BKS") và Thư ký Tổng Công ty năm 2025:

Căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế đã được kiểm toán năm 2025 của Tổng Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt được là: 56.433.878.280 đồng tăng 7% so với kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra. Do đó, căn cứ theo quy định tại điều 6 của nghị định 248/2025/NĐ-CP được ban hành vào ngày 15/09/2025 thì mức thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Tổng Công ty được xác định như sau:

– Mức tiền lương làm cơ sở tính thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký: 43.000.000 đồng *2*1,14 =98.040.000 đồng/người/tháng. (*tăng 14% tương ứng vượt kế hoạch lợi nhuận 7%).*

– Tổng Thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Tổng Công ty: 98.040.000*20%*10 người*12 tháng=2.352.960.000 đồng/ năm *(Hai tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng/năm).*

2. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Tổng Công ty năm 2026:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và quy định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, Tổng Công ty xây dựng mức thù lao kế hoạch như sau:

– Mức tiền lương làm cơ sở: 43.000.000 đồng *2 =86.000.000 đồng.

– Tổng thù lao HĐQT, BKS và Thư ký Tổng Công ty: 86.000.000*20%*10người*12 tháng=2.064.000.000 đồng/năm (Hai tỷ, không trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua thông qua quyết toán thù lao năm 2025 và kế hoạch thù lao năm 2026 như nêu trên.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mức thù lao cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Tổng Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N:3700148166-C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT-XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TP.THUẬN AN-T.BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN AN ĐỊNH

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban TGĐ;
- Lưu: TK.

TỔNG CÔNG TY SX-XN BÌNH DƯƠNG – CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/2026/TTr-BKS	*TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026*

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**
TỔNG CÔNG TY SX - XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 ("**Luật Doanh nghiệp**");*

*- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("**Tổng Công ty**") được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/10/2018 và được bổ sung lần thứ nhất ngày 22/06/2021;*

Thực hiện mục tiêu nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý điều hành, tính công khai minh bạch trong hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng Công ty như sau:

1. Mục tiêu lựa chọn đơn vị kiểm toán

Đơn vị được lựa chọn cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Tổng Công ty, cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán.

- Là đơn vị có nhiều kinh nghiệm trong việc kiểm toán các báo cáo tài chính theo các chuẩn mực của kế toán Việt Nam.

- Không có mối quan hệ về người có liên quan theo Luật Doanh nghiệp.

- Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Tổng Công ty.

- Có mức phí dịch vụ kiểm toán phù hợp và cạnh tranh.

- Đã từng kiểm toán cho Tổng Công ty và các công ty thành viên là một lợi thế.

2. Ý kiến đề xuất

Ban điều hành Tổng Công ty đề xuất chọn 1 trong 3 Công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;

2. Công ty TNHH Kiểm Toán VACO;

3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Đối chiếu với các tiêu thức lựa chọn và kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính trong những năm qua, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 xem

xét chấp thuận cho Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC được thực hiện soát xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2026 và tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 cho Tổng Công ty.

Ban kiểm soát Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Ngọc Trường Long

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGĐ;
- Lưu: TK.HĐQT, BKS.

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 15./TTr-HĐQT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026.

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua các Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CTCP.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("Tổng Công ty") được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/10/2018 và được bổ sung lần thứ 2 ngày 29/4/2024;

- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 05/06/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty;

- Căn cứ nhu cầu thực tiễn của Tổng Công ty trong việc chuẩn hóa quy trình quản lý, kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả điều hành.

Trên cơ sở Điều lệ Tổng Công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 2 ngày 29/4/2024 và các quy định pháp luật có liên quan, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP **("Tổng Công ty")** đã rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị nhằm bảo đảm phù hợp và nâng cao hiệu quả quản trị..

Căn cứ điểm l khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020, thẩm quyền ban hành các quy chế nêu trên thuộc Đại hội đồng cổ đông. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua các nội dung sau:

- Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

Các Quy chế kèm theo sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua sẽ là cơ sở pháp lý thống nhất cho việc tổ chức quản lý, điều hành và giám sát hoạt động của Tổng Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và bảo đảm phát triển bền vững.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN AN ĐỊNH

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CÔNG TY CỔ PHẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CÔNG TY CỔ PHẦN

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty Cổ phần ("***Tổng Công ty***") quy định về nguyên tắc hoạt động, chế độ trách nhiệm, quyền lợi, cách thức làm việc, trình tự giải quyết công việc và quan hệ công tác của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp, các tiểu ban, người phụ trách quản trị Tổng Công ty và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người điều hành tại doanh nghiệp khác, các tiểu ban, người phụ trách quản trị Tổng Công ty, Trưởng các phòng, ban và những người có liên quan trong Tổng Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị

1. Hoạt động quản trị Tổng Công ty theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Tổng Công ty;

2. Bảo đảm chịu sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định;

3. Bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này;

4. Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động của Tổng Công ty;

5. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;

CHƯƠNG II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Hội đồng quản trị Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được ghi nhận trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được ghi nhận sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tổng Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Thông qua báo cáo tài chính năm;

b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Tổng Công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

d) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc: a) sửa đổi và bổ sung Điều lệ; b) loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; c) thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty; d) việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; e) quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Tổng Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của

Tổng Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 9. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Khoản này.

2. Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán.

Điều 12. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Tổng Công ty.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí cụ thể theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiễm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

2. Trình độ chuyên môn;

3. Quá trình công tác;

4. Các chức danh quản lý khác (bao gồm các chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

5. Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên liên quan của Tổng Công ty;

6. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có);

7. Các thông tin khác (nếu có).

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều 30 của Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 30 của Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

Thực hiện theo quy định tại Khoản 11 Điều 30 của Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Thực hiện theo quy định tại Khoản 13 và Khoản 14 Điều 30 của Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ, trung thực. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị cần được thực hiện theo Khoản 17 Điều 30 Điều lệ Tổng Công ty bao gồm các nội dung được quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên.

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2, Điều 38 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử làm thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thực hiện theo quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp.

Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán.

CHƯƠNG VI
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Các tiểu ban và việc thành lập các tiểu ban

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ các hoạt động của Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị.

2. Các tiểu ban gồm: Tiểu ban Chiến lược và Quản lý nguồn vốn; Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng; Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và (các) Tiểu ban khác theo quyết định từng thời kỳ của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Cơ cấu các tiểu ban

Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

Điều 32. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban

Thành viên các tiểu ban gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và 01 hoặc nhiều thành viên bên ngoài có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ của từng tiểu ban được phụ trách.

Điều 33. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên

1. Hoạt động của các tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Mỗi tiểu ban phải có một Trưởng tiểu ban do thành viên của Hội đồng quản trị đảm nhiệm. Các tiểu ban chủ động lên kế hoạch thực hiện công việc theo nhiệm vụ được

giao hàng quý, hàng năm phải có báo cáo gửi cho Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của tiểu ban định kỳ quý, năm.

4. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

a) Tiểu ban Chiến lược và Quản lý nguồn vốn Tổng Công ty:

Tiểu ban Chiến lược và Quản lý nguồn vốn giúp Hội đồng quản trị hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của Tổng Công ty; Rà soát hiệu quả đầu tư, đánh giá khả năng bảo toàn và phát triển vốn, kiểm soát dòng vốn và hiệu quả sử dụng vốn tại các công ty con, công ty liên kết và có đánh giá, báo cáo về kết quả thực hiện chiến lược trong từng giai đoạn.

b) Tiểu ban kiểm toán nội bộ:

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ giúp Hội đồng quản trị đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ của Tổng Công ty, các quy định của pháp luật, đánh giá việc kiểm soát các biện pháp bảo vệ an toàn tài sản và quản lý rủi ro kinh doanh, kiểm toán nội bộ các công ty con, tham mưu trong quá trình thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ.

c) Tiểu ban Nhân sự, lương, thưởng:

Tiểu ban Nhân sự, lương, thưởng chịu trách nhiệm về việc tuyển dụng nhân sự cấp cao cho bộ máy quản lý điều hành Tổng Công ty, bao gồm Ban Tổng Giám đốc và một số chức danh khác cần thiết cho hoạt động của Tổng Công ty theo từng thời kỳ do Hội đồng quản trị quyết định. Tiểu ban Nhân sự chịu trách nhiệm thẩm định, phê duyệt đề án tuyển dụng, sử dụng và phát triển nhân sự do Ban Tổng Giám đốc trình và giúp cho Hội đồng quản trị trong việc xây dựng các chiến lược, chính sách về nhân sự của Tổng Công ty đồng thời có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện.

CHƯƠNG VII

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 34. Các tiêu chuẩn của thành viên Tiểu ban kiểm toán nội bộ

Tiểu ban kiểm toán nội bộ giúp Hội đồng quản trị kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm kiểm soát chất lượng hàng hóa, sản phẩm và hoạt động sản xuất, kinh doanh, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, đầu tư mua sắm tài sản cố định, đầu tư các dự án...

Kiểm toán nội bộ là sự đảm bảo mục tiêu một cách độc lập và các hoạt động tư vấn để làm tăng giá trị và cải thiện các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Kiểm toán nội bộ giúp Tổng Công ty thực hiện mục tiêu thông qua tiếp cận một cách có hệ thống và có nguyên tắc để đánh giá và nâng cao hiệu quả của các hoạt động quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát và quy trình quản trị.

Nhân sự tham gia công tác kiểm toán nội bộ thuộc Tiểu ban kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2019/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 35. Cơ cấu, thành phần của Tiểu ban kiểm toán nội bộ

Số lượng thành viên Tiểu ban kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng có ít nhất là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên không phải là thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập Hội đồng quản

trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 36. Quyền và trách nhiệm của Tiểu ban kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ vai trò người bảo vệ về giá trị cho Tổng Công ty và được quyền giám sát các hoạt động của Tổng Công ty về tuân thủ các quy định pháp luật, đạo đức kinh doanh và quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

2. Chịu trách nhiệm phát hiện ra những sai sót trong hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, thực hiện vai trò người tư vấn và định hướng cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị về kiểm soát rủi ro.

3. Giúp Hội đồng quản trị cải tiến, khắc phục những điểm yếu từ hệ thống quản lý và quản trị Tổng Công ty. Thông qua hoạt động phân tích, kiểm tra, giám sát quy trình hoạt động của các phòng ban trong bộ máy kinh doanh, Tiểu Ban kiểm toán nội bộ sẽ đưa ra những lời tư vấn giúp Tổng Công ty hoạt động năng suất và hiệu quả hơn.

4. Tiểu Ban kiểm toán nội bộ chủ động lên kế hoạch thực hiện công việc theo nhiệm vụ được giao hàng quý, hàng năm và phải báo cáo gửi cho Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban định kỳ quý, năm.

Điều 37. Cuộc họp của Tiểu ban kiểm toán nội bộ

1. Tiểu ban kiểm toán nội bộ hoạt động phải tuân theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Trong quá trình thực hiện quyền hạn Tiểu ban phải tuân thủ các quy định của Hội đồng quản trị. Tiểu ban kiểm toán nội bộ không ban hành văn bản quy phạm, khi cần tham gia ý kiến thì Tiểu ban kiểm toán nội bộ lập tờ trình, trình Hội đồng quản trị quyết định và ban hành nghị quyết để thi hành.

CHƯƠNG VII

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 38. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp (Người điều hành Tổng Công ty theo Điều lệ Tổng Công ty) phải có trình độ đại học trở lên, chuyên môn phù hợp với lĩnh vực được bổ nhiệm phụ trách và theo các quy chế, quy định, Điều lệ của Tổng Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Người điều hành doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả tốt nhất nhằm bảo đảm hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 39. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc căn cứ đề xuất của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng căn cứ đề xuất của Tổng giám đốc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng phải được thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi

nhiệm các chức danh quản lý, điều hành khác theo thẩm quyền quy định. Số lượng và tiêu chuẩn của các chức danh quản lý, điều hành phải phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 40. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định. Hợp đồng với những người điều hành khác do Tổng Giám đốc quyết định.

Điều 41. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Việc miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định của Tổng Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật lao động.

Điều 42. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; Hội đồng quản trị quyết định hợp đồng bao gồm quy định về mức lương, thù lao, lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không phải là người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được Hội đồng quản trị thông qua;

b) Quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng theo thẩm quyền quy định, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và quy định pháp luật;

c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;

d) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo Điều 39 và Điều 40 của Quy chế này;

e) Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động, người quản lý, điều hành khác thuộc thẩm quyền;

f) Trước ngày 31 tháng 01 của năm tài chính tiếp theo, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý thua lỗ trong kinh doanh;

i) Chuẩn bị các bảng dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty ("**Bảng dự toán**") phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán hàng năm (bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính và những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty phải trình để Hội đồng quản trị thông qua;

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng quản trị khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG VIII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 43. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị;

b) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi Tổng Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty;

c) Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải họp và phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty;

d) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty.

2. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp với Hội đồng quản trị:

a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (hoặc có thể yêu cầu Tổng Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm;

c) Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để thông tin Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Tổng Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị thì Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông và đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

e) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

f) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Điều 44. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

2. Trong trường hợp cấp thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Tổng Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động Tổng Công ty. Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác hoặc để người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty mà được Tổng Giám đốc đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty.

4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

Điều 45. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Tổng Công ty, Ban kiểm soát ghi rõ căn cứ việc tiếp cận thông tin trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Tổng Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phù hợp quy định pháp luật nhưng phải thông báo ngay, bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu quy định, bao gồm:

a) Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị;

b) Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình;

d) Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;

e) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;

f) Tài liệu khác liên quan.

Điều 46. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

1. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc có thể yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát đề nghị;

2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để thông tin Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Tổng Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì Ban kiểm soát được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

3. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của Tổng Giám đốc, thì Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu Tổng Giám đốc chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông và công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Công ty trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác hoặc để người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng Giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Tổng Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

Điều 47. Phối hợp giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị

1. Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Tổng Công ty, đảm bảo Tổng Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.

4. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, bãi nhiệm, cho thôi việc, lương, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với các chức danh quản lý trong Tổng Công ty;

5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày.

Điều 48. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty

Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty được quy định tại Điều 32 Điều lệ Tổng Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Tổng Công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 32 và Điều 36 của Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế có liên quan của Tổng Công ty.

Điều 50. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Tổng Công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty và một (01) Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.

Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty, Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quyết định tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Hội đồng quản trị có quyền quyết định việc kiêm nhiệm giữa các chức danh trên.

Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty kiêm Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin không trái với các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 52. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Tổng Công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin của Tổng Công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Tổng Công ty và Thư ký Tổng Công ty kiêm người công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán.

CHƯƠNG X

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 53. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong Tổng Công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Tổng Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của Tổng Công ty để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c) Hoàn thành nhiệm vụ.

d) Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 54. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như Khoản 3 Điều 53 Quy chế này.

2. Hình thức khen thưởng:

a) Bằng tiền.

b) Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

5. Việc khen thưởng sẽ phù hợp với các Quy chế có liên quan khác của Tổng Công ty.

Điều 55. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Tổng Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ và đánh giá về sự cẩn trọng, hiệu quả và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra (nếu có).

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý, những cá nhân khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Tổng Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành

chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 56. Trách nhiệm cẩn trọng

Quy định tại Chương X Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 57. Trách nhiệm trung thực và giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan

Giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Tổng Công ty, Điều 167 Luật Doanh nghiệp và pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán.

Trường hợp hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính phải thực hiện theo các quy định trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với người liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý và người liên quan khác khác đã được thông báo Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Đồng thời, Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

b) Đối với những hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc tổng giá trị của các hợp đồng, giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao kết hợp đồng, giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với người liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý và người liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thì người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 58. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Quy định tại Điều 44 của Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Trách nhiệm thực hiện

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng, các tiểu ban có trách nhiệm phổ biến Quy chế này đến những bộ phận có liên quan để thực hiện.

Điều 60. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành theo Quyết định ban hành;

2. Trong quá trình thực hiện nếu có điều, khoản không còn phù hợp với thực tế hoặc bất hợp lý thì Ban Tổng giám đốc, những người thực hiện phản ánh đến người quản trị Tổng Công ty để Hội đồng quản trị xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Quy chế này được áp dụng tại Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần. Những nội dung không được nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG CÔNG TY CỔ PHẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CTCP

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("**Tổng Công ty**") và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Tổng Công ty.

2. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu tổ chức: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 11 viên. ĐHĐCĐ quyết định số lượng mỗi nhiệm kỳ cụ thể.

2. Việc phân công, điều chuyển nhiệm vụ giữa các thành viên do HĐQT quyết định theo tình hình kinh doanh của Tổng Công ty trong từng thời kỳ. Chủ tịch HĐQT sẽ chịu trách nhiệm phụ trách chung. HĐQT sẽ phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT tham gia vào các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

3. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Tổng Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên nhiệm kỳ mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu HĐQT của Tổng Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Số lượng thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành không vượt quá 1/3 tổng số thành viên HĐQT tại cùng một thời điểm, nhằm đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

Tổng Công ty sẽ có một hoặc một vài thành viên độc lập HĐQT. Khi Tổng Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng Công ty có số thành viên HĐQT từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng Công ty có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng Công ty có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên.

5. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

6. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.

Điều 4. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Điều lệ Tổng Công ty và các pháp luật liên quan khác, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật quản lý vốn Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập:

a. Không phải là người đang làm việc cho Tổng Công ty, công ty con của Tổng Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng Công ty, công ty con của Tổng Công ty ít nhất 03 (ba) năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng Công ty; là người quản lý của Tổng Công ty hoặc công ty con của Tổng Công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Tổng Công ty ít nhất 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên HĐQT độc lập phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên HĐQT độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập ĐHCĐ bất thường để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên HĐQT độc lập có liên quan.

4. Thành viên độc lập HĐQT có các quyền hạn và nghĩa vụ theo sự phân công của HĐQT và theo pháp luật.

5. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp 2020;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên HĐQT khi không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng và các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và theo pháp luật.

Điều 5. Cơ quan thường trực HĐQT

1. HĐQT thống nhất cử 03 (ba) thành viên, bao gồm: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT và 01 (một) Thành viên HĐQT khác, để thành lập Cơ quan Thường trực HĐQT.

2. Cơ quan Thường trực Hội đồng quản trị có chức năng, nhiệm vụ như sau:

a) Các chủ trương phải được đa số các thành viên trong Thường trực HĐQT thống nhất và phê duyệt đối với các hợp đồng mua, bán, và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 03 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch (i) thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty hoặc ĐHĐCĐ theo quy định tại (i) Điều lệ Tổng Công ty, (ii) thuộc điểm d khoản 2 Điều 138 và (iii) khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có từ 2/3 tổng số thành viên Thường trực Hội đồng quản trị đồng thuận, trong đó bao gồm ý kiến thống nhất của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thì nội dung được xem là đủ điều kiện thông qua.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hợp đồng, giao dịch, Thường trực Hội đồng quản trị phải có ý kiến. Quá thời hạn nêu trên mà không có ý kiến phản hồi thì được xem là đã thống nhất thông qua nội dung hợp đồng, giao dịch.

b) Quản lý, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác để hoạt động của Tổng Công ty phù hợp pháp luật; phát hiện, cảnh báo sớm các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động tại Tổng Công ty và báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị Công ty.

c) Trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị, theo dõi hoạt động tài chính của Công ty để phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ,

Quy chế tài chính, các Quy chế, văn bản khác trong nội bộ Công ty và báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty nếu phát hiện rủi ro.

3. Cơ quan Thường trực Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng Quy chế làm việc nhằm xác định rõ phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên, đồng thời quy định cụ thể cơ chế chịu trách nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời là người đại diện theo pháp luật khi tham gia xem xét, cho ý kiến và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Cơ quan Thường trực Hội đồng quản trị.

Điều 6. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị khi cần thiết có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chiến lược và quản lý nguồn vốn, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài.

Trưởng tiểu ban phải là thành viên HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết, quyết định của tiểu ban được thông qua khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Đối với các vấn đề cần thông qua tại cuộc họp HĐQT, HĐQT vẫn tổ chức cuộc họp HĐQT để xem xét các ý kiến tại các Nghị quyết của Tiểu ban và tiến hành thông qua Nghị quyết HĐQT phù hợp quy định. Nghị quyết của tiểu ban không thay thế Nghị quyết HĐQT.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty.

Hằng tháng, tiểu ban trực thuộc HĐQT phải thực hiện báo cáo bằng văn bản đến HĐQT về các công việc thực hiện trong tháng và chịu trách nhiệm về công việc đã thực hiện trước HĐQT và Tổng Công ty.

3. Trong từng thời kỳ thực hiện dự án, HĐQT có thể thiết lập hoặc giải thể các tiểu ban giúp việc cho HĐQT. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT bao gồm các tiểu ban sau đây:

3.1. Tiểu ban chiến lược và quản lý nguồn vốn Tổng Công ty:

a) Tiểu ban chiến lược và quản lý nguồn vốn Tổng Công ty gồm từ 3 – 5 người: 1 trưởng tiểu ban, 1 phó tiểu ban và từ 1- 3 thành viên của tiểu ban.

b) Nhiệm vụ của Tiểu ban chiến lược và quản lý nguồn vốn Tổng Công ty:

- Hoạch định những chính sách và chiến lược phát triển trung, dài hạn của Tổng Công ty;

- Đánh giá các dự án chiến lược và quản lý nguồn vốn của Tổng Công ty;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT giao.

3.2. Tiểu ban kiểm toán nội bộ:

a) Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm từ 3 – 5 người: 1 trưởng tiểu ban, 1 phó tiểu ban và từ 1-3 thành viên của tiểu ban.

b) Nhiệm vụ của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty:

- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ của Tổng Công ty;

- Tham mưu trong quá trình thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;

- Đánh giá việc kiểm soát các biện pháp bảo vệ an toàn tài sản;

- Đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật;

- Đánh giá sự kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính, quá trình kinh doanh;

- Đánh giá quá trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;

- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;

- Kiểm toán nội bộ các công ty con;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT giao.

3.3. Tiểu ban nhân sự, lương, thưởng:

a) Tiểu ban Nhân sự, lương, thưởng Công ty gồm từ 3 – 5 người: 1 trưởng tiểu ban, 1 phó tiểu ban và từ 1-3 thành viên của tiểu ban.

b) Nhiệm vụ của Tiểu ban Nhân sự, lương, thưởng Tổng Công ty:

- Đề xuất các chiến lược phát triển nhân sự, chính sách đào tạo, thu hút nhân tài cho Tổng Công ty;

- Đề xuất quy hoạch nhân sự cấp quản lý, điều hành của Tổng Công ty;

- Đề xuất các chính sách về lương, thưởng cho Ban điều hành, nhân viên của Tổng Công ty.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT giao.

CHƯƠNG III
QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do quy định pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư đối với số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

f) Quyết định bán tài sản có giá trị từ 3 tỷ đồng trở lên nhưng nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Thông qua hợp đồng vay, cho vay của Tổng Công ty, trừ trường hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại điểm d khoản 2 Điều 138 khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật này và các trường hợp bị hạn chế khác theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán;

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc căn cứ đề xuất của HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng căn cứ đề xuất của Tổng Giám đốc; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia HĐTV hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin của Tổng Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

3. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ

quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi bởi khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.

4. HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề sau:

a. Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty.

b. Tổ chức lại Tổng Công ty, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty.

c. Xây dựng chiến lược huy động vốn, quy mô vốn điều lệ trung và dài hạn, kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần chào bán của từng loại.

d. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

e. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.

f. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty

Điều 8. Quyết định chiến lược phát triển Tổng Công ty, kế hoạch xây dựng phát triển sản xuất kinh doanh

1. Quyết định dự án đầu tư, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ; phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các thủ tục đầu tư, xây dựng theo quy định hiện hành; phê duyệt các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

Điều 9. Kiện toàn tổ chức Tổng Công ty

1 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

2. Quyết định đầu tư ra nước ngoài phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật nước dự kiến đầu tư và pháp luật quốc tế;

3. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin của Tổng Công ty;

4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương các cán bộ quản lý quan trọng của Tổng Công ty:

a) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT;

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc căn cứ đề xuất của Chủ tịch HĐQT;

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng căn cứ đề xuất của Tổng Giám đốc;

d) Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

đ) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

e) Quyết định mức quỹ lương kế hoạch hàng năm của: Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng và những người điều hành khác;

g) Xem xét, quyết định hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc cử, thay đổi người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề xuất nhân sự, chuẩn bị hồ sơ và tổ chức việc thực hiện các thủ tục liên quan theo phân công của HĐQT;

f) Có quyền đình chỉ, huỷ bỏ không điều kiện các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy các quyết định đó đi ngược lại lợi ích của Tổng Công ty, vi phạm pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 10. Các vấn đề tài chính và ngân sách

1. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán, quyết định việc mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

2. Quyết định huy động vốn bằng các hình thức khác:

- Phát hành trái phiếu.

- Vay vốn từ cổ đông.

- Vay vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

Thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị tuân thủ với Quy chế quản lý tài chính của Tổng Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

3. Phê duyệt cơ chế tài chính của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và tình hình sản xuất hàng năm.

4. Quyết định mức trích quỹ đầu tư phát triển hàng năm, trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

5. Quyết định mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

6. Quyết định mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

7. Quyết định mức trích quỹ khen thưởng Ban điều hành Tổng Công ty (Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý khác), trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

8. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty.

9. Quyết định bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

10. Quyết định việc định giá tài sản góp vốn của Tổng Công ty không phải là tiền, vàng, ngoại tệ.

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị

HĐQT phê duyệt hoặc ban hành Nghị quyết, quyết định các loại hợp đồng:

1. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và các Quy chế quản lý nội bộ khác có liên quan;

2. Chấp thuận bằng văn bản các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký với: thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và các hợp đồng của Tổng Công ty ký với những người có liên quan của họ theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

3. Giám sát việc ký kết hợp đồng để tránh hợp đồng bị vô hiệu gây thiệt hại cho Tổng Công ty.

4. Phê duyệt các phương án tổ chức thực hiện các hợp đồng sản xuất kinh doanh do Tổng Giám đốc trình.

5. Phê duyệt các quy chế quản lý của Tổng Công ty, bao gồm: Quy chế quản lý tài chính; Quy chế tuyển dụng lao động; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản; Quy chế công bố thông tin; Quy chế người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp.

6. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty.

7. Thông qua kế hoạch và chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với các khoản vay tín dụng với tổ chức và cá nhân.

8. Mua bán cổ phần, cổ phiếu, đầu tư tài chính, góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết.

Điều 12. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết theo quy định pháp luật.

3. Báo cáo trước ĐHĐCĐ về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc trong năm tài chính.

Điều 13. Các nhiệm vụ khác

1. Thực hiện giải quyết khiếu nại trong nội bộ Tổng Công ty theo đúng thẩm quyền và quy định hiện hành.

2. Tổ chức hoà giải các tranh chấp giữa Tổng Công ty với đối tác, khách hàng.

CHƯƠNG III

CHỦ TỊCH HĐQT VÀ CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 14. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

đ) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;

e) Trong các trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT chuyên trách được trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc.

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Chủ tịch HĐQT phải quản lý hoạt động Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

Điều 15. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT thay thế

a) Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên tHĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

2. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của đơn vị trong Tổng Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng Công ty quy định.

3. Bổ sung thành viên HĐQT

Khi số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

4. Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: Các thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở Tổng Công ty (trừ thành viên Ban kiểm soát) hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.

5. Thành viên HĐQT chuyên trách: Trong điều kiện cho phép, HĐQT phải có ít nhất 1 thành viên chuyên trách để theo dõi, giám sát và chỉ đạo các hoạt động của Tổng Công ty, đề xuất chiến lược phát triển Tổng Công ty.

CHƯƠNG IV

HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp thường kỳ

a) HĐQT họp thường kỳ mỗi quý 1 lần vào một ngày mà chủ tịch HĐQT cho là thích hợp nhưng chậm nhất không được quá ngày 30 tháng cuối quý.

b) Ngoài triệu tập các cuộc họp HĐQT theo thường kỳ, HĐQT có thể họp bất thường.

2. Các cuộc họp bất thường

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường, trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;

d) Trường khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định.

Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3. Thời gian triệu tập họp HĐQT

a) Cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp.

b) Cuộc họp HĐQT bất thường: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng Công ty.

4. Người triệu tập họp HĐQT

Người triệu tập họp HĐQT là Chủ tịch HĐQT; trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì người được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền bằng văn bản triệu tập họp HĐQT; Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp HĐQT thì những người đề nghị theo khoản 2 điều này có quyền tự mình triệu tập họp HĐQT.

5. Địa điểm họp HĐQT

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa điểm đã đăng ký của Tổng Công ty hoặc ở địa điểm khác tại Việt Nam do người triệu tập họp quyết định.

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại, qua các phương tiện thông qua internet hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp theo phương thức quy định trên thì được xác định tham dự cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được biểu quyết thông qua trong cuộc họp bằng hình thức điện thoại hoặc một phương tiện phù hợp khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

2. Chủ toạ cuộc họp HĐQT là Chủ tịch HĐQT hoặc người được chủ tịch HĐQT uỷ quyền bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt và không uỷ quyền thì các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp bầu 1 người làm chủ toạ cuộc họp.

3. Biểu quyết tại cuộc họp HĐQT

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ Tổng Công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 30 Điều Lệ Tổng

Công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Tổng Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặcquyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, quyết định của chủ tọa các thành viên HĐQT còn lại biểu quyết là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ Tổng Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

đ) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Biên bản cuộc họp HĐQT

Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định sau đây:

- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các a, b, c, d, đ, e, g và h nêu trên thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật có liên quan.

Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung được quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch HĐQT có quyền lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua nghị quyết khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.

2. Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết và các tài liệu giải trình; gửi đến tất cả thành viên HĐQT chậm nhất 05 ngày làm việc trước thời hạn phải gửi lại phiếu.

3. Nội dung chủ yếu của phiếu lấy ý kiến:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Nội dung vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

d) Phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành, không có ý kiến;

đ) Thời hạn phải gửi lại phiếu;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và thành viên biểu quyết.

4. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu bằng thư bảo đảm, fax, thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác theo quy định của pháp luật. Phiếu gửi quá hạn, bị tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu hoặc không gửi được coi là không hợp lệ.

5. Chủ tịch HĐQT tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu với các nội dung:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính;

b) Mục đích, vấn đề lấy ý kiến;

c) Số thành viên tham gia, số phiếu hợp lệ và không hợp lệ;

d) Kết quả biểu quyết;

đ) Quyết định được thông qua và tỷ lệ tán thành tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản và kết quả kiểm phiếu.

6. Nghị quyết HĐQT được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị pháp lý như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT

7. Phiếu lấy ý kiến, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết và tài liệu liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HĐQT

Điều 19. Đảm bảo vật chất

1. HĐQT sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Tổng Công ty để thực hiện chức năng quản lý Tổng Công ty.

2. Văn phòng Tổng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của HĐQT, những văn bản của cơ quan cấp trên thuộc trách nhiệm xử lý của HĐQT được gửi tới Chủ tịch HĐQT. Những văn bản có tính chất điều hành thuộc quyền xử lý của Tổng Giám đốc thì gửi bản sao cho Chủ tịch HĐQT để theo dõi.

- Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc Tổng Công ty để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 20. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị

1. HĐQT được ĐHĐCĐ cho trích một khoản kinh phí đảm bảo hoạt động cho HĐQT, khoản kinh phí này được quyết toán hàng năm trong báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc chi tiêu:

a. Đảm bảo công việc quản lý bao gồm:

- Các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

- Chi phí tìm kiếm thị trường: thành viên HĐQT đi công tác trong và ngoài nước phải được Chủ tịch HĐQT chấp thuận.

- Chi phí tư vấn phục vụ hoạt động của HĐQT.

b. Thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

c. Đảm bảo thù lao tương xứng với các chức danh trong HĐQT.

3. Chủ tịch HĐQT quyết định phê duyệt các khoản chi phục vụ cho hoạt động của HĐQT.

4. Thù lao, thưởng và lợi ích khác cho các thành viên HĐQT:

a) Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

b) Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

c) Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

d) Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT chuyên trách hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thành viên HĐQT thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông

thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, tiền lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

đ) Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

e) Thành viên HĐQT có thể được Tổng Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 21, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty và phải chị trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HĐQT

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung được phản ánh bằng văn bản cho Thư ký Tổng Công ty để trình HĐQT xem xét, quyết định.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được HĐQT quyết định.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 6 chương, 24 điều được ban hành và có hiệu lực vào ngày ban hành. Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý, điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện quy chế. Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế trong Tổng Công ty.

2. Quy chế này là một phần không thể tách rời của Điều lệ Tổng Công ty và được áp dụng tại Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần. Những nội dung không được nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 16../TTr-HĐQT	----------
	TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo chiến lược kinh doanh và nguồn vốn của Tổng Công ty giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**
TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 ("**Luật Doanh nghiệp**");*

*- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("**Tổng Công ty**") được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/10/2018 và được bổ sung lần thứ nhất ngày 22/06/2021;*

- Căn cứ dự thảo Báo cáo chiến lược kinh doanh và nguồn vốn của Tổng Công ty giai đoạn 2026-2030 được lập bởi Công ty TNHH Tư vấn AASC và Cộng sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 05/06/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua nội dung dự thảo Báo cáo chiến lược kinh doanh và nguồn vốn của Tổng Công ty giai đoạn 2026-2030 được lập bởi Công ty TNHH Tư vấn AASC và Cộng sự, để làm căn cứ triển khai các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong định hướng phát triển của Tổng Công ty trong giai đoạn 2026–2030.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- Như trên;	**CHỦ TỊCH HĐQT**
- Thành viên HĐQT;	
- Ban kiểm soát;	
- Ban TGĐ;	
- Lưu: TK.	

NGUYỄN AN ĐỊNH

PROTRADE

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH VÀ NGUỒN VỐN
2026 - 2030
TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CTCP

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN 1: GIỚI THIỆU 1
1. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN AASC VÀ CỘNG SỰ ("ACG") 1
2. VỊ THẾ HÃNG KIỂM TOÁN AASC 1
3. TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CTCP 2
PHẦN 2: ĐỀ CƯƠNG TƯ VẤN XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC NGUỒN VỐN KINH DOANH ... 2
1. TỔNG QUAN CHIẾN LƯỢC 2
2. DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - ĐÔ THỊ Ở SÂN GOLF SÔNG BÉ 3
2.1. Cơ hội: 3
2.2. Thách thức: 5
2.3. Đề xuất phương án đầu tư xây dựng khu thương mại - dịch vụ - đô thị : 6
3. PHÂN TÍCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT 6
3.1. Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc 6
3.2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành 8
3.3. Công ty Cổ phần Hưng Vượng 10
3.4. Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương 11
3.5. Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ 13
3.6. Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam 14
3.7. Công ty TNHH YCH-PROTRADE 16
4. XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC 17
4.1. Giả định - Thu nhập, chi phí hoạt động tài chính 17
4.2. Giả định - Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ 17
4.3. Giả định - Chi phí quản lý 18
4.4. Tài sản, nguồn vốn và các giả định khác 18
5. TƯ VẤN CHIẾN LƯỢC 18
5.1. Tư vấn sử dụng nguồn vốn tối ưu 18
5.2. Tư vấn thoái vốn 28
5.3. Tư vấn xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá chiến lược 31
5.4. Tư vấn tối ưu hiệu quả hoạt động 31
6. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ 32
6.1. Thực trạng hoạt động của Tổng Công ty 32
6.2. Thực trạng nền kinh tế Việt Nam 33
6.3. Xu hướng toàn cầu 34
6.4. Chính sách quốc gia 35

6.5. Đặc thù khu vực 35
6.6. Các lĩnh vực đầu tư triển vọng 36
6.7. Định hướng chiến lược ngành phù hợp với Tổng Công ty 37
7. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CHO CÔNG TY CON 39
7.1. Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào 40
7.2. Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade 40
7.3. Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé 41
7.4. Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An 41
8. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CHO CÔNG TY LIÊN KẾT 42
8.1. Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam: 42
8.2. Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương: 42
PHỤ LỤC TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2026-2030 43
PL 1.0 - Tổng hợp giả định 43
PL 1.1 - Kế hoạch kinh doanh 44
PL 1.2 - Kế hoạch kinh doanh hợp nhất 45
PL 2.1 - Tài sản - Nguồn vốn 46
PL 2.2 - Thu nhập, chi phí tài chính 47
PL 2.3 - Doanh thu, giá vốn 48
PL 2.4 - Chi phí bán hàng, quản lý 49
PL 2.5 - Dự phòng đầu tư tài chính 50
PL 2.6 - Thoái vốn 51
PL 3.1 - Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào 52
PL 3.2 - Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé 53
PL 3.3 - Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An 54
PL 3.4 - Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade 55
PL 3.5 - Công ty Liên kết 56

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH VÀ NGUỒN VỐN

GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Kính gửi: **- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.**

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều biến động và môi trường kinh doanh trong nước ngày càng cạnh tranh, việc xây dựng một chiến lược kinh doanh và nguồn vốn vững chắc là yếu tố then chốt giúp Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP ("Tổng Công ty") và hệ sinh thái các Công ty thành viên phát triển bền vững. Giai đoạn 2026-2030, Tổng Công ty định hướng tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn, khai thác hiệu quả nguồn vốn đầu tư, tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới nhằm phục vụ chiến lược tăng trưởng dài hạn.

Với danh mục đầu tư đa dạng, kế hoạch chiến lược nguồn vốn sẽ đặt trọng tâm vào việc tối ưu hóa dòng tiền, nâng cao lợi thế cạnh tranh và hiệu quả hoạt động, tận dụng cơ hội từ thị trường vốn và các chính sách hỗ trợ đầu tư.

Bản kế hoạch này sẽ đề ra các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính dồi dào, linh hoạt và bền vững, đồng thời tạo động lực phát triển cho toàn bộ hệ sinh thái doanh nghiệp trong giai đoạn tới.

PHẦN 1: GIỚI THIỆU

1. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN AASC VÀ CỘNG SỰ ("ACG")

ACG hướng đến phát triển bền vững bằng cách cung cấp giải pháp chiến lược và quản trị rủi ro hiệu quả, phù hợp với bối cảnh Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Hoạt động của ACG kế thừa giá trị từ Hãng Kiểm toán AASC - một trong hai Công ty kiểm toán đầu tiên tại Việt Nam, đồng thời tích hợp kinh nghiệm từ hơn 100 quốc gia thuộc mạng lưới HLB International.

Nền tảng cốt lõi trong hoạt động của ACG: Local Solutions Globally.

2. VỊ THẾ HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC tự hào là 1 trong 2 Công ty Kiểm toán được Bộ Tài chính thành lập đầu tiên tại Việt Nam (1991), TOP 5 Việt Nam (sau Big4), TOP 1 tại Việt Nam về xây dựng cơ bản.

Với **34** năm kinh nghiệm, **03** văn phòng; hơn **500** nhân viên và chuyên gia tư vấn, **78** Kiểm toán viên; hơn **100** Kỹ sư xây dựng, kỹ sư kinh tế, **31** Thẩm định viên về giá, **35** chuyên gia tư vấn Thuế, AASC đã và đang cung cấp nhiều dịch vụ tư vấn chuyên sâu về Tài chính, Kế toán và Quản trị, Kiểm soát Nội bộ.

Kinh nghiệm tư vấn dịch vụ tương tự:

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM	Tư vấn Đánh giá phương án tái cấu trúc (Gồm Kế hoạch hoạt động và Kế hoạch dòng tiền)

TRUNG TÂM ĐIỀU ĐỘ HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA	Tư vấn lập Phương án tài chính - kinh doanh
KHOÁNG SẢN VIỆT TRUNG	Tư vấn Đánh giá phương án tài chính, kinh doanh nâng cao hiệu quả hoạt động
VINAUSTEEL… và các DN khác	Tư vấn Đánh giá phương án tài chính, dòng tiền

3. TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CTCP

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP được thành lập vào ngày 20/10/1982, với tiền thân là Xí nghiệp Sản xuất Hàng Cao su 3-2 Sông Bé. Trải qua hơn 40 năm, Tổng Công ty đã mở rộng quy mô và lĩnh vực hoạt động, trở thành một trong những doanh nghiệp lớn nhất tỉnh Bình Dương cũ với 13 Công ty thành viên và hơn 8.000 lao động.

Tổng Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực như: nhóm ngành nghề kinh doanh bất động sản, nhóm ngành nghề hoạt động xây dựng (khu công nghiệp), nhóm ngành nghề hoạt động y tế, hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung; nhóm ngành nghề hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí (sân golf); nhóm ngành nghề sản xuất, chế biến thực phẩm; nhóm ngành nghề vận tải, kho bãi; nhóm ngành nghề sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy. Với những thành tựu đạt được, Tổng Công ty đã đóng góp lớn vào ngân sách tỉnh Bình Dương cũ và vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động - thời kỳ đổi mới".

Sứ mệnh: Cung cấp sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, góp phần phát triển kinh tế, tối đa hóa giá trị vốn chủ sở hữu và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

Tầm nhìn: Trở thành đối tác chiến lược toàn cầu, mở rộng nhóm ngành hàng, quy mô, và tiến vào lĩnh vực tài chính để phát triển toàn diện.

Mục tiêu: Khai thác lợi thế địa phương, tạo giá trị kinh tế, tăng cơ hội việc làm, phát triển nguồn nhân lực, và nâng cao chất lượng đời sống cán bộ, nhân viên.

PHẦN 2: ĐỀ CƯƠNG TƯ VẤN XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC NGUỒN VỐN KINH DOANH

1. TỔNG QUAN CHIẾN LƯỢC

Năm 2025, bối cảnh toàn cầu nhiều biến động (kinh tế, chính trị, thiên tai) đã tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Dự kiến năm 2026, Tổng Công ty sẽ đối mặt với nhiều thách thức, song song với đó là triển khai các giải pháp chiến lược.

- **Đầu tư dự án**: Tổng Công ty có kế hoạch chuyển đổi một phần Sân golf Sông Bé thành khu thương mại - dịch vụ - đô thị.
- **Đầu tư vốn**: Tổng Công ty đang làm việc với đơn vị tư vấn để xây dựng chiến lược phát triển 5 năm (2026-2030), tập trung vào tối ưu hóa danh mục đầu tư, thoái vốn khỏi các lĩnh vực không còn phù hợp và tăng cường kiểm soát tại các đơn vị thành viên. Bên cạnh đó, Tổng Công ty dự kiến hoàn tất thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú trong năm 2026 và Công ty TNHH KP Apparell Manufacturing trong năm 2027.
- **Hoàn trả khu đất thuê**: Tổng Công ty sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng thuê với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương ("Công ty IMPCo") và dự kiến di dời trụ sở văn phòng, hoàn tất việc hoàn trả khu đất vào năm 2027.
- **Kinh doanh cây cảnh:** Mặc dù gặp khó khăn do nhu cầu thị trường giảm, Tổng Công ty vẫn nỗ lực tìm kiếm khách hàng và đẩy mạnh việc thanh lý hầu hết các cây cảnh đang có ở khuôn viên.

- **Đầu tư các ngành nghề triển vọng**: Trước những chuyển động lớn từ quá trình sáp nhập hành chính và yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị, Tổng Công ty cần chủ động tìm kiếm những ngành nghề đầu tư có triển vọng, phù hợp xu thế phát triển và lợi thế địa phương nhằm xây dựng chiến lược phát triển dài hạn bền vững.

Vì vậy, chiến lược của Tổng Công ty là tập trung vào tối ưu hóa danh mục đầu tư, thoái vốn khỏi các lĩnh vực không còn phù hợp và tăng cường kiểm soát tại các đơn vị trực thuộc, bao gồm các mục tiêu chính như sau:

- Tập trung xử lý dứt điểm các tồn đọng liên quan đến cổ phần hóa;
- Chuyển đổi một phần diện tích Sân golf Sông Bé, đầu tư phát triển Dự án Khu thương mại – dịch vụ - đô thị;
- Giải thể Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú và Công ty TNHH KP Apparell Manufacturing;
- Thoái vốn tại một số công ty con, công ty liên kết;
- Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương lên mức chi phối;
- Sắp xếp, tái cấu trúc tại các công ty con, tăng cường hiệu quả quản lý;
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các ngành nghề, lĩnh vực có triển vọng trong tương lai.

Các mục tiêu khác:

- Di dời trụ sở văn phòng Tổng Công ty sang Sân golf Sông Bé trong năm 2026;
- Thanh lý cây cảnh tồn kho;
- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các vướng mắc về thủ tục pháp lý đối với khu đất 54,64ha và triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hoàn thành dự án đầu tư Khu công nghiệp Quốc tế Protrade;
- Di dời Công ty May mặc Bình Dương về Khu công nghiệp Quốc tế Protrade;
- Tái canh diện tích trồng cao su 6.017,57 ha chu kỳ 2 tại Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào theo lộ trình 2028-2039.

2. DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - ĐÔ THỊ Ở SÂN GOLF SÔNG BÉ

Dự án chuyển đổi một phần diện tích Sân golf Sông Bé thành khu thương mại - dịch vụ - đô thị, bao gồm tòa nhà cao tầng, trung tâm hội nghị triển lãm, khách sạn, nhà hàng, tiệc cưới và villa thấp tầng nhằm phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của phường Lái Thiêu, thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đáp ứng chiến lược phát triển của Tổng Công ty. Hiện Tổng Công ty đang tích cực làm việc với các cơ quan chức năng hoàn thiện thủ tục pháp lý để triển khai dự án.

2.1. Cơ hội:

a) Tận dụng quỹ đất vàng:

Quỹ đất tại Sân golf Sông Bé (77 Đại lộ Bình Dương, phường Lái Thiêu, TP Thuận An cũ) nằm ngay trên trục giao thông chiến lược – tiếp cận nhanh Quốc lộ 13, đường Mỹ Phước–Tân Vạn và Vành đai 3 TP.HCM, tạo lợi thế hiếm có cho phát triển đô thị – thương mại dịch vụ quy mô lớn, theo mô hình TOD (transit-oriented development).

- **Vành đai 3 TP.HCM**: Dự án dài 76 km, kết nối TP.HCM với tỉnh Bình Dương cũ, Đồng Nai, Long An cũ; theo kế hoạch, các đoạn sẽ mở kỹ thuật cuối 2025–4/2026 và toàn tuyến hoàn thành – khai thác trước 6/2026, giúp giảm ùn tắc cửa ngõ, tạo trục động lực phát triển đô thị – công nghiệp liên vùng. Tại tỉnh Bình Dương cũ, các gói thầu được thúc đẩy mạnh, tập trung

nút giao Tân Vạn và kết nối Mỹ Phước–Tân Vạn – Đại lộ Bình Dương để thông xe từng phần ngay cuối 2025.

- **Mỹ Phước–Tân Vạn** (MPTV): Trục xương sống do tỉnh Bình Dương cũ đầu tư, trùng một phần hướng tuyến Vành đai 3; TP.HCM đề xuất nâng cấp 15,3 km MPTV để đồng bộ với Vành đai 3, tổng vốn dự kiến 28.279 tỷ đồng, nhằm xử lý xung đột giao cắt khi Vành đai 3 đưa vào khai thác.
- **Đại lộ Bình Dương** (tiền thân là Quốc lộ 13): tỉnh Bình Dương cũ đã khởi công mở rộng (từ 6 lên 8 làn) đoạn 12,7 km từ Vĩnh Phú đến Lê Hồng Phong (BOT, khoảng 1.4 nghìn tỷ), đồng thời điều chỉnh mở rộng phạm vi – tổng mức đầu tư để nâng năng lực toàn tuyến, thêm cầu vượt tại các nút lớn; TP.HCM cũng lập kế hoạch nâng cấp Đại lộ từ 2025 để giải tỏa áp lực cửa ngõ Đông Bắc. Lợi thế "bám trục" Đại lộ của quỹ đất giúp giảm thời gian – chi phí di chuyển và gia tăng giá trị khai thác thương mại.

Kết luận: Mặt bằng giao thông hoàn thiện 2025–2026 tạo "thời điểm vàng" để chuyển đổi công năng một phần sân golf thành khu thương mại – dịch vụ – đô thị; lợi thế điểm đến – điểm đi trên Đại lộ và nút Vành đai 3 giúp đón dòng khách – dòng hàng liên vùng. Ưu tiên quy hoạch theo phân kỳ hạ tầng: khu thương mại – dịch vụ bám trục Đại lộ (đón lưu thông hiện hữu), khu ở – tiện ích đô thị bám Vành đai 3/MPTV mở sau (đón nhu cầu tăng mạnh khi tuyến hoàn thiện)

b) Hưởng lợi từ tốc độ đô thị hóa mạnh mẽ:

Việt Nam đang đô thị hóa nhanh – tỷ lệ dân số đô thị ~40,2% năm 2024, mục tiêu vượt 50% vào 2030 và ~70% vào 2050; kinh tế đô thị kỳ vọng đóng góp ~85% GDP, kéo theo nhu cầu nhà ở – dịch vụ – thương mại tăng mạnh tại các cực tăng trưởng lân cận TP.HCM như tỉnh Bình Dương cũ.

- **Động lực FDI – công nghiệp Bình Dương**: liên tục nằm nhóm dẫn đầu FDI; riêng Q1/2025, FDI vào các KCN tăng ~232% YoY (588 triệu USD), đưa tổng số dự án FDI đang hoạt động lên >2.500, tạo cầu chuyên gia – lao động tay nghề cho các sản phẩm đô thị, dịch vụ, lưu trú chất lượng. Giai đoạn 2024–2025, tỉnh Bình Dương cũ tiếp tục thu hút >1 tỷ USD vốn mới, tập trung chế biến chế tạo, logistics, bất động sản công nghiệp – đô thị, khẳng định vị thế "cực sản xuất" của vùng.
- **Liên kết vùng – tích hợp đô thị**: Năm 2025, TP.HCM hợp nhất hành chính với Bình Dương và Bà Rịa–Vũng Tàu để hình thành siêu đô thị tích hợp; nếu các cơ chế liên kết – hạ tầng liên vùng được thông qua đầy đủ, biên độ tăng giá trị đất đô thị – thương mại dọc các trục kết nối sẽ mở rộng đáng kể.
- **Vĩ mô 5–10 năm**: Các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam ~6.5–6.7% 2025–2027; dù đối mặt rủi ro thương mại – thuế quan, khuyến nghị đẩy mạnh đầu tư công, cải cách cấu trúc, phát triển kinh tế đô thị – xanh để duy trì đà tăng trưởng. Đây là nền tảng nhu cầu bền vững cho mô hình đô thị đa chức năng.

Kết luận: Công ty nên đầu tư đa phân khúc, ưu tiên nhà ở chuyên gia – dịch vụ lưu trú dài hạn, y tế – giáo dục tư, văn phòng linh hoạt, bán lẻ trải nghiệm phục vụ cộng đồng công nghiệp – dịch vụ đang mở rộng. (Xu hướng này bền vững theo quỹ đạo đô thị hóa, không phụ thuộc hoàn toàn vào chu kỳ đầu cơ).

c) Đón đầu xu hướng tích hợp thương mại - dịch vụ - đô thị:

Mô hình đa chức năng (mixed-use) tích hợp bán lẻ – giải trí – dịch vụ – ở, gắn với trục giao thông lớn, cho phép đa dạng hóa nguồn thu (bán, cho thuê, dịch vụ vận hành) và tối ưu vòng đời tài sản.

- **Hạ tầng làm nền cho tích hợp:** Các nút Vành đai 3 – QL13 – MPTV tại Bình Dương đang hình thành, với loạt cầu vượt – nút giao lớn (Bình Chuẩn, Tân Vạn). Điều này tạo điều kiện cho TOD và đô thị nén bám trục, gia tăng mật độ thương mại – dịch vụ mà vẫn kiểm soát lưu lượng nhờ phân tầng giao thông.
- **Quy hoạch theo chuỗi trải nghiệm – nguồn thu dài hạn**:

  Giai đoạn đầu: Phát triển khu bán lẻ – giải trí mang tính điểm đến, tích hợp F&B, edutainment, wellness để tạo dòng tiền vận hành sớm, đồng thời triển khai sản phẩm nhà ở cho chuyên gia và gia đình trẻ, khai thác lưu lượng hiện hữu.

  Giai đoạn tiếp theo: Bổ sung văn phòng, dịch vụ y tế, giáo dục tư, khách sạn và căn hộ dịch vụ, chuyển trọng tâm sang nguồn thu cho thuê ổn định.

  Giai đoạn mở rộng: Xây dựng đô thị thông minh với công nghệ quản trị vận hành, năng lượng xanh, nước thông minh; áp dụng mô hình quản trị tài sản hiện đại (như REIT hoặc quỹ tư nhân nếu pháp lý cho phép) để tối ưu tỷ suất lợi nhuận dài hạn.
- **Bền vững – xanh**: Khuyến nghị công nghệ xanh (hiệu suất năng lượng, vật liệu thấp carbon), chuẩn quốc tế trong xây dựng – vận hành để giảm chi phí vòng đời và tăng sức hấp dẫn FDI, phù hợp định hướng tăng trưởng xanh mà WB/ADB khuyến nghị giai đoạn tới.

Kết luận: Quỹ đất Sân golf Sông Bé bám các trục giao thông chiến lược (Đại lộ Bình Dương, MPTV, Vành đai 3) – đúng "điểm rơi hạ tầng" 2025–2026 – là cơ sở vững chắc để chuyển đổi một phần thành khu thương mại – dịch vụ – đô thị theo mô hình mixed-use/TOD. Xu thế đô thị hóa nhanh, FDI – công nghiệp tăng trưởng ở tỉnh Bình Dương cũ và động lực vĩ mô 5–10 năm tới củng cố cầu bền vững cho sản phẩm đa chức năng. Lộ trình triển khai theo pha, gắn tiến độ hạ tầng, cùng khung quản trị rủi ro pháp lý – thị trường sẽ tối ưu hóa giá trị tài sản và dòng tiền dài hạn.

2.2. Thách thức:

a) Rủi ro thị trường cao:

- **Biến động bất động sản**: Thị trường Việt Nam đang trong giai đoạn điều chỉnh sau chu kỳ tăng nóng 2020–2022; thanh khoản thấp, pháp lý siết chặt khiến nhiều dự án chậm triển khai. Trong dài hạn, dù xu hướng đô thị hóa và nhu cầu nhà ở vẫn mạnh, nhưng chu kỳ bất động sản thường chịu tác động từ chính sách tín dụng, lãi suất và sức mua.
- **Dịch vụ – tài chính phụ thuộc kinh tế vĩ mô**: Các ngành dịch vụ cao cấp, bán lẻ trải nghiệm và văn phòng phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng GDP, FDI và thu nhập bình quân. Nếu kinh tế toàn cầu suy giảm hoặc Việt Nam gặp áp lực xuất khẩu, cầu tiêu dùng có thể chậm lại, ảnh hưởng đến tỷ lệ lấp đầy và giá thuê.

Kết luận: Cần đa dạng hóa sản phẩm (nhà ở, dịch vụ thiết yếu, bán lẻ trải nghiệm) để giảm phụ thuộc vào một phân khúc; đồng thời phân kỳ đầu tư theo tiến độ hạ tầng và tín hiệu thị trường.

b) Nhu cầu vốn lớn – thời gian hoàn vốn kéo dài:

- **Tổng mức đầu tư cao**: Dự án chuyển đổi từ sân golf sang khu đô thị – thương mại đòi hỏi chi phí giải phóng mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật, tiện ích và xây dựng theo chuẩn quốc tế. Với quy mô này, vốn đầu tư có thể lên đến hàng nghìn tỷ đồng, trong khi dòng tiền từ bán hàng và cho thuê chỉ hình thành sau nhiều năm.
- **Thời gian hoàn vốn dài**: Các dự án đô thị tích hợp thường có chu kỳ hoàn vốn 8–12 năm, phụ thuộc vào tiến độ pháp lý, hạ tầng và sức mua. Điều này đòi hỏi kế hoạch tài chính bền vững, kiểm soát dòng tiền chặt chẽ và dự phòng cho biến động lãi suất.

Kết luận: Xây dựng mô hình tài chính linh hoạt, kết hợp vốn chủ sở hữu, vốn vay và huy động đối tác chiến lược; nghiên cứu cơ chế chia nhỏ giai đoạn để giảm áp lực vốn ban đầu.

c) Ít nhận ưu đãi đầu tư:

- **Không thuộc khu khuyến khích đặc thù**: Dự án nằm ngoài các khu công nghiệp hoặc khu kinh tế được hưởng ưu đãi thuế, nên chi phí vốn cao hơn.
- **Lãi suất vay thương mại 8–12%/năm**: Trong bối cảnh lãi suất Việt Nam vẫn ở mức cao so với khu vực, chi phí tài chính là gánh nặng lớn, đặc biệt khi dòng tiền chưa ổn định.

Kết luận: Cần dự phòng tài chính vững vàng, đồng thời tìm kiếm đối tác vốn dài hạn (quỹ đầu tư, REIT, liên doanh) để giảm phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng.

Dự án chuyển đổi Sân golf Sông Bé thành khu thương mại - dịch vụ - đô thị hứa hẹn tận dụng hiệu quả quỹ đất và đáp ứng xu hướng phát triển của khu vực, đồng thời tạo cơ hội thu hút nguồn vốn mới. Tổng Công ty đang tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng để điều chỉnh quy hoạch, hướng đến triển khai đầu tư một cách hiệu quả trong bối cảnh biến động kinh tế.

2.3. Đề xuất phương án đầu tư xây dựng khu thương mại - dịch vụ - đô thị:

Căn cứ Luật đất đai 2024, Dự án khu thương mại - dịch vụ - đô thị tại Sân golf Sông Bé thuộc diện phải đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư. Do vậy, sau khi được phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu phường Lái Thiêu, thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty cần đăng ký Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch phát triển dự án nhà ở và nghiên cứu các thủ tục pháp lý khác để tìm kiếm các đối tác chiến lược, liên doanh liên kết để tham gia đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án.

Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và tiến độ giải ngân chi tiết của dự án sẽ được Tổng Công ty xem xét, xác định trên cơ sở thuê một đơn vị tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện việc nghiên cứu, tính toán và đề xuất.

Dự án chuyển đổi một phần Sân golf Sông Bé thành khu thương mại, dịch vụ - đô thị là điểm nhấn chiến lược quan trọng của Tổng Công ty trong giai đoạn 2026-2035. Đây không chỉ là dự án đầu tư bất động sản, mà còn là mô hình tích hợp đa năng, khai thác đồng bộ tiềm năng thương mại - dịch vụ - đô thị tại trung tâm kinh tế năng động của tỉnh Bình Dương cũ.

Ngoài ra, Tổng Công ty có thể chủ động nghiên cứu và xem xét phương án nhận chuyển nhượng toàn bộ quỹ đất 32 ha tại Sân golf Sông Bé, nhằm trực tiếp tổ chức đầu tư và triển khai Dự án khu thương mại - dịch vụ - đô thị. Việc thực hiện phương án nêu trên cần được đánh giá một cách thận trọng, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là các điều kiện về chuyển nhượng quyền sử dụng đất, điều kiện nhận chuyển nhượng cũng như các yêu cầu pháp lý về tách thửa, hợp thửa (nếu có). Trong trường hợp đáp ứng đầy đủ các điều kiện cần thiết, phương án này sẽ mang lại nhiều lợi thế chiến lược cho Tổng Công ty. Cụ thể, Tổng Công ty sẽ nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong toàn bộ quá trình chuẩn bị đầu tư, triển khai và phát triển dự án, từ đó kiểm soát tốt hơn về tiến độ, chi phí cũng như định hướng phát triển tổng thể. Đồng thời, việc trực tiếp tham gia triển khai dự án còn góp phần mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi, từng bước gia tăng tỷ trọng doanh thu từ các hoạt động chính, qua đó giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn thu cổ tức được chia hàng năm từ các công ty thành viên, hướng tới một cơ cấu doanh thu bền vững và ổn định hơn trong dài hạn.

3. PHÂN TÍCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

3.1. Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc

		Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc					
Các hệ số	**Công thức**	**2020**	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**
Hệ số thanh toán							
Hệ số thanh toán hiện hành	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,48	1,53	3,23	4,64	6,49	6,07
Hệ số thanh toán nhanh	(Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	0,30	1,39	3,04	4,52	6,36	5,90
Hệ số thanh toán bằng tiền	Tiền/Nợ ngắn hạn	0,09	1,00	1,44	2,50	0,84	1,11
• Các hệ số đều cao và có xu hướng tăng dần qua các năm. Công ty đáp ứng tốt các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn bằng tài sản sẵn có. • Lượng tiền của Công ty dồi dào, có thể tiếp việc đầu tư ngắn hạn vào tiền gửi, hoặc mua sắm các tài sản cố định phục vụ tăng trưởng dài hạn.							
Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động							
Vòng quay các khoản phải thu	Doanh thu thuần/Phải thu khách hàng bình quân	114,61	279,49	121,57	238,48	385,61	80,64
Vòng quay HTK	Giá vốn hàng bán/HTK bình quân	32,35	39,93	34,50	44,87	44,47	29,60
Vòng quay vốn lưu động	Doanh thu thuần/(Tài sản ngắn hạn - Nợ ngắn hạn)	(14,17)	13,59	3,86	2,17	1,43	1,24
• Vòng quay phải thu và hàng tồn kho rất cao, thể hiện Công ty sử dụng hiệu quả các tài sản ngắn hạn này vào mục đích tạo doanh thu. • Vòng quay vốn lưu động cao, tuy nhiên đang có xu hướng giảm dần từ 2021. Nhìn chung thì khả năng sử dụng vốn lưu động vẫn đang có hiệu quả tốt. Công ty cần duy trì vốn lưu động > 0 để đảm bảo cân bằng tài chính.							
Hệ số khả năng sinh lời							
Tỷ suất lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	0,22	0,22	0,24	0,28	0,28	0,20
Tỷ suất lợi nhuận thuần	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,07	0,10	0,13	0,15	0,14	0,03
Doanh thu trên tổng tài sản	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,22	1,11	1,00	0,86	0,65	0,54
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận ròng / VCSH	0,03	0,02	0,03	0,07	0,06	0,01
Lợi nhuận trên tài sản	Lợi nhuận ròng / TTS	0,09	0,11	0,13	0,13	0,09	0,02

Lợi nhuận trên vốn đầu tư	Lợi nhuận trước lãi vay / (Vay + VCSH)	0,03	0,02	0,03	0,07	0,06	0,01

- Các hệ số đều cao và có xu hướng tăng dần qua các năm. Công ty có khả năng tạo ra lợi nhuận tốt từ doanh thu, tài sản và vốn chủ. Hệ số này cũng thể hiện khả năng sinh lời tốt cho khoản đầu tư của Công ty mẹ.
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản có xu hướng giảm, điều này là do tài sản của Công ty tăng mạnh ở các khoản mục ngắn hạn như phải thu cho vay, tiền. Doanh thu thực tế vẫn duy trì ở mức ổn định, tăng trưởng doanh thu khá chậm. Công ty nên cân nhắc việc đầu tư vào tài sản dài hạn để tạo động lực tăng trưởng trong tương lai.

Hệ số nợ

Nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Tổng nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,20	0,18	0,13	0,12	0,09	0,09
Nợ dài hạn trên tổng tài sản	Nợ dài hạn/Tổng tài sản	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Tổng nợ phải trả trên tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,17	0,15	0,12	0,11	0,08	0,09

- Công ty không có các khoản nợ dài hạn. Các hệ số này có xu hướng giảm dần, tỷ trọng vốn tự có tăng. Công ty ít phụ thuộc vào các khoản nợ để tài trợ cho kinh doanh.

Kết luận: Công ty duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng chậm hơn so với mặt bằng chung của các doanh nghiệp cùng ngành, lỗ lũy kế cao. Tổng Công ty nên cân nhắc việc thoái vốn.

3.2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành

		Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành					
Các hệ số	**Công thức**	**2020**	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**
Hệ số thanh toán							
Hệ số thanh toán hiện hành	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,05	0,02	0,03	0,01	0,01	0,02
Hệ số thanh toán nhanh	(Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	0,05	0,02	0,02	0,01	0,01	0,01
Hệ số thanh toán bằng tiền	Tiền/Nợ ngắn hạn	0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,01

- Các hệ số thanh toán rất thấp, và thấp hơn 1. Công ty có rủi ro cao về tính thanh khoản trong ngắn hạn. Tiền và tài sản ngắn hạn của Công ty không đủ để chi trả cho các khoản nợ đến hạn.

Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động

Vòng quay các khoản phải thu	Doanh thu thuần/Phải thu khách	463,39	152,76	182,57	275,18	1.254,931	4.089

	hàng bình quân						
Vòng quay HTK	Giá vốn hàng bán/HTK bình quân	52,61	37,18	38,64	52,54	65,66	57,80
Vòng quay vốn lưu động	Doanh thu thuần/(Tài sản ngắn hạn - Nợ ngắn hạn)	(0,34)	(0,13)	(0,19)	(0,20)	(0,21)	(0,21)

- Vòng quay phải thu và hàng tồn kho rất cao, thể hiện Công ty sử dụng hiệu quả các tài sản ngắn hạn này vào mục đích tạo doanh thu.
- Vòng quay vốn lưu động <0, Công ty bị âm vốn lưu động. Công nợ phải thu ngắn hạn rất lớn. Công ty có thể đang đầu tư quá nhiều vào các tài sản dài hạn mà không tối ưu hiệu quả hoạt động.

Hệ số khả năng sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	0,00	(0,16)	0,23	0,26	0,30	0,36
Tỷ suất lợi nhuận thuần	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,71)	(1,05)	(0,30)	(0,24)	(0,10)	(0,03)
Doanh thu trên tổng tài sản	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,07	0,06	0,11	0,13	0,13	0,13
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận ròng / VCSH	(0,11)	(0,12)	(0,07)	(0,06)	(0,02)	(0,01)
Lợi nhuận trên tài sản	Lợi nhuận ròng / TTS	(0,05)	(0,06)	(0,03)	(0,03)	(0,01)	(0,00)
Lợi nhuận trên vốn đầu tư	Lợi nhuận trước lãi vay / (Vay + VCSH)	(0,02)	(0,03)	0,01	0,01	0,02	0,03

- Các hệ số về lợi nhuận đều âm. Biên lợi nhuận gộp được cải thiện qua các năm, tuy nhiên chi phí quản lý quá cao, dẫn đến việc Công ty đang chịu lỗ.

Hệ số nợ

Nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu	1,17	0,72	0,34	0,37	0,38	0,37
Tổng nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,83	2,26	2,55	2,77	2,82	2,82
Nợ dài hạn trên tổng tài sản	Nợ dài hạn/Tổng tài sản	0,41	0,22	0,10	0,10	0,10	0,10

Tổng nợ phải trả trên tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,65	0,69	0,72	0,73	0,74	0,74
• Nợ dài hạn có xu hướng giảm, tuy nhiên nợ ngắn hạn tăng mạnh qua các năm, rủi ro thanh khoản lớn.							

Kết luận: Công ty hoạt động chưa hiệu quả, chưa tối ưu được chi phí quản lý, lỗ lũy kế cao, Tổng Công ty nên cân nhắc việc thoái vốn.

3.3. Công ty Cổ phần Hưng Vượng

		Công ty Cổ phần Hưng Vượng					
Các hệ số	**Công thức**	**2020**	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**
Hệ số thanh toán							
Hệ số thanh toán hiện hành	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,79	0,58	0,55	0,45	0,62	0,54
Hệ số thanh toán nhanh	(Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	0,58	0,21	0,16	0,11	0,19	0,23
Hệ số thanh toán bằng tiền	Tiền/Nợ ngắn hạn	0,02	0,03	0,02	0,02	0,00	0,02
• Các hệ số thấp hơn 1, có xu hướng giảm qua các năm. Công ty đang gặp khó khăn về thanh khoản và dòng tiền.							
Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động							
Vòng quay các khoản phải thu	Doanh thu thuần/Phải thu khách hàng bình quân	13,06	9,54	15,91	21,03	14,19	14,57
Vòng quay HTK	Giá vốn hàng bán/HTK bình quân	2,82	1,95	2,62	2,42	3,24	4,61
Vòng quay vốn lưu động	Doanh thu thuần/(Tài sản ngắn hạn - Nợ ngắn hạn)	(3,32)	(1,90)	(2,73)	(1,76)	(4,50)	(3,73)
• Các hệ số thấp, và có xu hướng giảm. Vốn lưu động của Công ty âm. Tài sản và vốn lưu động đang chưa được sử dụng hiệu quả để tạo ra doanh thu.							
Hệ số khả năng sinh lời							
Tỷ suất lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	0,17	0,10	0,18	0,15	0,17	0,18
Tỷ suất lợi nhuận thuần	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	(0,06)	0,03	(0,04)	(0,04)	0,02

Doanh thu trên tổng tài sản	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,56	0,60	0,85	0,65	0,88	0,76
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận ròng / VCSH	0,21	(0,16)	0,10	(0,09)	(0,08)	0,02
Lợi nhuận trên tài sản	Lợi nhuận ròng / TTS	0,03	(0,04)	0,03	(0,03)	(0,03)	0,01
Lợi nhuận trên vốn đầu tư	Lợi nhuận trước lãi vay / (Vay + VCSH)	0,06	(0,01)	0,06	0,00	(0,00)	0,04
• Các hệ số về lợi nhuận đều âm. Biên lợi nhuận gộp có xu hướng giảm qua các năm, thể hiện chi phí đầu vào cao. • Lợi nhuận âm, Công ty đang chịu lỗ lũy kế lớn.							

Hệ số nợ

Nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	3,85	2,94	2,19	2,01	1,07	0,78
Nợ dài hạn trên tổng tài sản	Nợ dài hạn/Tổng tài sản	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả trên tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,79	0,75	0,69	0,67	0,52	0,44
• Công ty không có các khoản nợ dài hạn. Tỷ trọng nợ ngắn hạn có xu hướng giảm, tuy nhiên vẫn lớn hơn vốn chủ. Công ty có rủi ro về thanh khoản.							

Kết luận: Công ty hoạt động chưa hiệu quả, gặp khó khăn trong mảng kinh doanh chính, lỗ lũy kế cao, Tổng Công ty nên cân nhắc việc thoái vốn.

3.4. Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

		Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương					
Các hệ số	**Công thức**	**2020**	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**
Hệ số thanh toán							
Hệ số thanh toán hiện hành	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,52	1,63	1,85	2,05	2,08	1,90
Hệ số thanh toán nhanh	(Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	0,90	0,90	1,22	1,36	1,53	1,37
Hệ số thanh toán bằng tiền	Tiền/Nợ ngắn hạn	0,20	0,08	0,39	0,19	0,11	0,09

- Các hệ số đều cao và có xu hướng tăng dần qua các năm. Lượng tiền của Công ty khá thấp, tuy nhiên Công ty vẫn có thể đáp ứng tốt các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn bằng tài sản sẵn có.

Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động

Vòng quay các khoản phải thu	Doanh thu thuần/Phải thu khách hàng bình quân	9,53	5,64	10,20	7,40	6,86	5,95
Vòng quay HTK	Giá vốn hàng bán/HTK bình quân	4,34	3,09	5,60	5,03	6,40	6,24
Vòng quay vốn lưu động	Doanh thu thuần/(Tài sản ngắn hạn - Nợ ngắn hạn)	6,31	4,23	5,14	3,99	3,92	4,44

- Vòng quay phải thu và hàng tồn kho khá cáo, thể hiện Công ty sử dụng hiệu quả các tài sản ngắn hạn này vào mục đích tạo doanh thu.
- Vòng quay vốn lưu động cao, tuy nhiên đang có xu hướng giảm dần. Nhìn chung thì khả năng sử dụng vốn lưu động vẫn đang có hiệu quả tốt. Công ty cần duy trì vốn lưu động > 0 để đảm bảo cân bằng tài chính.

Hệ số khả năng sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	0,17	0,15	0,19	0,17	0,17	0,16
Tỷ suất lợi nhuận thuần	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,07	0,06	0,11	0,08	0,10	0,08
Doanh thu trên tổng tài sản	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,84	1,50	1,75	1,54	1,60	1,52
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận ròng / VCSH	0,74	0,57	0,88	0,49	0,71	0,55
Lợi nhuận trên tài sản	Lợi nhuận ròng / TTS	0,14	0,09	0,20	0,12	0,16	0,12
Lợi nhuận trên vốn đầu tư	Lợi nhuận trước lãi vay / (Vay + VCSH)	0,41	0,22	0,45	0,31	0,40	0,34

- Biên lợi nhuận gộp ở mức khá tốt so với doanh nghiệp cùng ngành, và duy trì ở mức tương đối ổn định. Công ty kiểm soát tốt đối với các chi phí đầu vào trực tiếp.
- Lợi nhuận ròng trên vốn chủ có xu hướng giảm, chi phí vận hành, quản lý của Công ty có thể chưa được tối ưu.
- Các hệ số tốt. Doanh thu Công ty có tăng đột biến ở năm 2022 và năm 2024. Việc Công ty đầu tư nhiều vào tài sản dài hạn có thể là động lực thúc đẩy tăng trưởng trong tương lai.

Hệ số nợ

Nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu	0,03	0,03	0,23	0,17	0,08	0,01
Tổng nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,34	1,37	1,06	0,85	0,74	0,63
Nợ dài hạn trên tổng tài sản	Nợ dài hạn/Tổng tài sản	0,01	0,01	0,11	0,09	0,04	0,01
Tổng nợ phải trả trên tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,57	0,58	0,51	0,46	0,42	0,38
• Nợ dài hạn thấp, tỷ trọng nợ giảm dần qua các năm. Công ty có xu hướng giảm bớt phụ thuộc vào các khoản vay.							

Kết luận: Công ty duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả, ổn định qua các năm, cả về mặt doanh số và lợi nhuận.

3.5. Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ

		Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ					
Các hệ số	**Công thức**	**2020**	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**
Hệ số thanh toán							
Hệ số thanh toán hiện hành	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,03	0,03	0,06	0,07	0,06	0,07
Hệ số thanh toán nhanh	(Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	0,02	0,02	0,05	0,06	0,05	0,06
Hệ số thanh toán bằng tiền	Tiền/Nợ ngắn hạn	0,02	0,01	0,04	0,03	0,03	0,03
• Các hệ số thấp hơn 1, tăng nhẹ qua các năm nhưng không đáng kể. Công ty đang gặp khó khăn về thanh khoản và dòng tiền.							
Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động							
Vòng quay các khoản phải thu	Doanh thu thuần/Phải thu khách hàng bình quân	442,83	530,63	261,03	403,06	546,98	273,46
Vòng quay HTK	Giá vốn hàng bán/HTK bình quân	15,80	18,88	18,82	23,06	22,37	22,55
Vòng quay vốn lưu động	Doanh thu thuần/(Tài sản ngắn hạn - Nợ ngắn hạn)	(0,16)	(0,12)	(0,25)	(0,28)	(0,25)	(0,26)
• Vòng quay phải thu và hàng tồn kho rất cao, thể hiện Công ty sử dụng hiệu quả các tài sản ngắn hạn này vào mục đích tạo doanh thu. • Vốn lưu động của Công ty âm. Công ty có thể gặp rủi ro thanh khoản ngắn hạn.							

Hệ số khả năng sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	0,02	(0,19)	0,30	0,33	0,27	0,31
Tỷ suất lợi nhuận thuần	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,41)	(0,56)	(0,17)	(0,16)	(0,27)	(0,18)
Doanh thu trên tổng tài sản	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,12	0,09	0,19	0,22	0,22	0,23
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận ròng / VCSH	(0,05)	(0,05)	(0,03)	(0,03)	(0,05)	(0,04)
Lợi nhuận trên tài sản	Lợi nhuận ròng / TTS	(0,05)	(0,05)	(0,03)	(0,04)	(0,06)	(0,04)
Lợi nhuận trên vốn đầu tư	Lợi nhuận trước lãi vay / (Vay + VCSH)	(0,01)	(0,01)	0,01	0,02	0,00	0,01

- Biên lợi nhuận gộp tăng đột biết trong năm 2022 và 2023, tuy nhiên lợi nhuận thuần vẫn âm. Công ty có thể gặp vấn đề về quản lý chi phí vận hành không hiệu quả.
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản tăng. Việc sử dụng tài sản ngắn hạn và dài hạn của Công ty đang dần có hiệu quả. Tuy vậy doanh thu vẫn thấp và không đủ bù cho chi phí hoạt động.

Hệ số nợ

Nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	3,08	3,88	4,79	6,20	10,72	20,54
Nợ dài hạn trên tổng tài sản	Nợ dài hạn/Tổng tài sản	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả trên tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,76	0,80	0,83	0,86	0,91	0,95

- Công ty không có các khoản nợ dài hạn. Tỷ trọng nợ có xu hướng tăng mạnh. Công ty có thể gặp rủi ro về thanh khoản.

Kết luận: Công ty hoạt động chưa hiệu quả, gặp khó khăn trong mảng kinh doanh chính, lỗ lũy kế cao, rủi ro thanh khoản lớn, Tổng Công ty nên cân nhắc việc thoái vốn.

3.6. Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam

		Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam					
Các hệ số	**Công thức**	**2020**	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**
Hệ số thanh toán							
Hệ số thanh toán hiện hành	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,24	1,08	0,92	0,86	0,77	0,75
Hệ số thanh toán nhanh	(Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	1,01	0,80	0,57	0,52	0,45	0,43
Hệ số thanh toán bằng tiền	Tiền/Nợ ngắn hạn	0,47	0,41	0,31	0,32	0,28	0,26

- Hệ số thanh toán có xu hướng giảm và bắt đầu < 1 trong những năm gần đây. Công ty cần lưu ý rủi ro về thanh khoản và dòng tiền.

Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động

Vòng quay các khoản phải thu	Doanh thu thuần/Phải thu khách hàng bình quân	14,64	16,09	13,26	23,52	26,78	22,41
Vòng quay HTK	Giá vốn hàng bán/HTK bình quân	9,31	6,62	5,65	6,95	6,33	5,18
Vòng quay vốn lưu động	Doanh thu thuần/(Tài sản ngắn hạn - Nợ ngắn hạn)	15,88	37,58	(42,11)	(26,47)	(13,23)	(11,09)

- Vòng quay phải thu và hàng tồn kho đều cao, thể hiện Công ty sử dụng hiệu quả các tài sản ngắn hạn này vào mục đích tạo doanh thu.
- Vốn lưu động của Công ty âm trong các năm gần đây. Công ty có thể gặp rủi ro thanh khoản ngắn hạn.

Hệ số khả năng sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	0,43	0,40	0,39	0,38	0,36	0,39
Tỷ suất lợi nhuận thuần	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,11	0,06	0,01	0,01	(0,03)	0,00
Doanh thu trên tổng tài sản	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,34	2,23	2,56	2,85	2,56	2,31
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận ròng / VCSH	2,95	1,44	0,26	0,25	(0,40)	0,02
Lợi nhuận trên tài sản	Lợi nhuận ròng / TTS	0,27	0,14	0,03	0,04	(0,07)	0,00
Lợi nhuận trên vốn đầu tư	Lợi nhuận trước lãi vay / (Vay + VCSH)	2,96	1,44	0,26	0,25	(0,40)	0,02

- Biên lợi nhuận gộp có xu hướng giảm nhẹ. Công ty có thể gặp khó khăn khi chi phí đầu vào đang tăng dần.
- Lợi nhuận ròng giảm mạnh, Công ty có thể đang gặp khó khăn về thị trường.
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản có xu hướng tăng. Công ty sử dụng hiệu quả tài sản để tạo ra doanh thu, tuy nhiên việc doanh thu giảm, cùng với việc quản lý chi phí chưa hiệu quả khiến lợi nhuận giảm mạnh.

Hệ số nợ

Nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu	0,04	0,06	0,08	0,09	0,17	0,15
Tổng nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,77	2,53	4,05	3,40	5,65	6,17
Nợ dài hạn trên tổng tài sản	Nợ dài hạn/Tổng tài sản	0,01	0,02	0,02	0,02	0,03	0,02

Tổng nợ phải trả trên tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,64	0,72	0,80	0,77	0,85	0,86
• Công ty có ít các khoản nợ dài hạn. Tỷ trọng nợ có xu hướng tăng mạnh. Công ty có thể gặp rủi ro về thanh khoản.							

Kết luận: Công ty tăng trưởng doanh số âm, gặp khó khăn trong mảng kinh doanh chính, cần tập trung quản lý chi phí hiệu quả.

3.7. Công ty TNHH YCH-PROTRADE

		Công ty TNHH YCH-PROTRADE					
Các hệ số	**Công thức**	**2020**	**2021**	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**
Hệ số thanh toán							
Hệ số thanh toán hiện hành	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,92	1,10	1,53	2,01	2,39	1,72
Hệ số thanh toán nhanh	(Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	0,92	1,10	1,53	2,01	2,39	1,72
Hệ số thanh toán bằng tiền	Tiền/Nợ ngắn hạn	0,13	0,06	0,27	0,42	0,87	0,82
• Hệ số thanh toán tốt, có xu hướng tăng. Công ty có thanh khoản tốt.							
Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động							
Vòng quay các khoản phải thu	Doanh thu thuần/Phải thu khách hàng bình quân	3,37	3,01	3,32	2,86	3,01	3,59
Vòng quay HTK	Giá vốn hàng bán/HTK bình quân	-	-	-	-	-	-
Vòng quay vốn lưu động	Doanh thu thuần/(Tài sản ngắn hạn - Nợ ngắn hạn)	(31,23)	28,99	7,17	4,13	2,92	4,15
• Vòng quay phải thu khá thấp và có xu hướng giảm, Công ty có thể đang cấp tín dụng cho khách hàng quá cao. • Vòng quay vốn lưu động tăng đột biến trong năm 2021 và có xu hướng giảm mạnh trở lại. Vốn lưu động vẫn được sử dụng hiệu quả. Công ty cần duy trì vốn lưu động > 0 để đảm bảo cân bằng tài chính.							
Hệ số khả năng sinh lời							
Tỷ suất lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	0,09	0,14	0,19	0,20	0,21	0,19
Tỷ suất lợi nhuận thuần	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,00	0,04	0,09	0,10	0,10	0,09
Doanh thu trên tổng tài sản	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,60	1,68	1,70	1,54	1,34	1,38

Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận ròng / VCSH	0,01	0,22	0,45	0,51	0,55	0,49
Lợi nhuận trên tài sản	Lợi nhuận ròng / TTS	0,00	0,07	0,15	0,15	0,14	0,12
Lợi nhuận trên vốn đầu tư	Lợi nhuận trước lãi vay / (Vay + VCSH)	0,02	0,20	0,45	0,51	0,55	0,49

- Biên lợi nhuận gộp tăng, Công ty đang quản lý tốt chi phí đầu vào.
- Các hệ số lợi nhuận ròng tăng qua các năm, thể hiện việc Công ty đang quản lý tốt các chi phí vận hành.
- Doanh thu của Công ty có xu hướng tăng, kết hợp với việc quản lý tốt chi phí, thể hiện sự hoạt động hiệu quả.

Hệ số nợ

Nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,86	1,45	0,82	0,58	0,49	0,85
Nợ dài hạn trên tổng tài sản	Nợ dài hạn/Tổng tài sản	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả trên tổng tài sản	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,65	0,59	0,45	0,37	0,33	0,46

- Công ty không có các khoản nợ dài hạn. Tỷ trọng nợ có xu hướng giảm mạnh. Công ty đang trở nên ít lệ thuộc vào các khoản nợ để tài trợ cho hoạt động kinh doanh.

Kết luận: Công ty duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, tuy nhiên Tổng Công ty không kiểm soát được.

4. XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

4.1. Giả định - Thu nhập, chi phí hoạt động tài chính

Dự phòng đầu tư tài chính: Theo phương pháp giá trị ghi sổ, giả định áp dụng đối với nguồn vốn và lợi nhuận của Công ty con và Công ty liên kết được lập cho giai đoạn 2026-2030.
Giả định phần tài sản ngắn hạn tăng thêm hàng năm là tiền gửi với lãi suất 6%/năm. Thu nhập từ lãi tiền gửi năm 2030 ước tính đạt **16,3 tỷ đồng.**

Thu nhập từ cổ tức: Sử dụng kế hoạch xây dựng từ các Công ty con và Công ty liên kết làm cơ sở để xác định doanh thu, lợi nhuận, kết hợp với kế hoạch phân phối lợi nhuận và tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty. Thu nhập từ cổ tức năm 2030 ước tính đạt **298,5 tỷ đồng**, trong đó cổ tức từ Công ty con là **203,8 tỷ đồng**, cổ tức từ Công ty liên kết là **94,7 tỷ đồng**.

4.2. Giả định - Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng: Phát sinh từ việc bán/ thanh lý cây cảnh tồn kho. Lợi nhuận gộp giả định 0%. Giả định tăng trưởng 10%/năm. Doanh thu bán hàng năm 2030 ước tính đạt **2,7 tỷ đồng.**

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Giả định tăng trưởng 7,2%/năm. Thực tế doanh thu tăng trưởng âm, do vậy tỷ lệ giả định này dựa vào mức tăng trưởng của năm 2023, ở mức thấp nhưng hợp lý. Lợi nhuận gộp giả định 80% cũng tương đương với mức này của năm 2023. Doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2030 ước tính đạt **0,4 tỷ đồng**.

4.3. Giả định - Chi phí quản lý

Chi phí lương: Lấy theo mức tăng trưởng giả định 2%/năm để bù cho lạm phát. Chi phí lương năm 2030 ước tính là **30,6 tỷ đồng**.

Chi phí khấu hao: Cố định giai đoạn 5 năm, giả định Tổng Công ty không có mua sắm mới tài sản cố định, không nhận bàn giao thêm tài sản/thuê đất từ nhà nước. Chi phí khấu hao ước tính hàng năm là **0,9 tỷ đồng.**

Chi phí khác: Lấy theo tỷ lệ trung bình trong tổng chi phí quản lý năm cơ sở là 2025. Loại bỏ khoản dự phòng nợ phải thu do chưa xác định được ảnh hưởng. Chi phí khác năm 2030 ước tính là **29,6 tỷ đồng.**

Dự phòng phải thu khác: Chi phí trích lập dự phòng dựa trên các khoản phải thu phát sinh từ quyết toán cổ phần hóa (số dư cuối năm 2025: 1.060.224.751.454 VNĐ) và Công ty Tân Thành (số dư cuối năm 2025: 265.260.855.115 VNĐ). Tổng Công ty không đánh giá được khả năng thu hồi của khoản này, do vậy sẽ tiếp tục trích hàng năm đến khi hết giá trị gốc. Mức trích hàng năm ước tính **50,7 tỷ đồng**.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Chưa xác định được ảnh hưởng của dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Do vậy giả định không phát sinh.

Lợi thế kinh doanh: Lợi thế kinh doanh phân bổ đều đến khi hết giá trị phân bổ, giá trị phân bổ là **19,3 tỷ đồng** mỗi năm đến hết năm 2027.

4.4. Tài sản, nguồn vốn và các giả định khác

Tài sản dài hạn: Tài sản dài hạn ảnh hưởng bởi khoản phân bổ lợi thế thương mại, khấu hao tài sản cố định và trích lập/hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính. Đầu tư vào công ty Sân golf Sông Bé: năm 2027 là **50 tỷ** và năm 2028 là **200 tỷ** bằng các nguồn tiền từ thoái vốn và tài sản ngắn hạn. Tài sản dài hạn năm 2030 ước tính đạt **3.776 tỷ đồng**.

Tỷ lệ chia cổ tức/lợi nhuận sau thuế:
- Năm 2026 và 2027 sẽ tiến hành chia cổ tức với tỷ lệ 6%/mệnh giá/cổ phần (180 tỷ);
- Năm 2028 sẽ tiến hành chia cổ tức với tỷ lệ 7%/mệnh giá/cổ phần (210 tỷ);
- Năm 2029 sẽ tiến hành chia cổ tức với tỷ lệ 10%/mệnh giá/cổ phần (300 tỷ).

(Tỷ lệ chia cổ tức này sẽ thay đổi ngay sau khi hoàn thành việc quyết toán cổ phần hóa)

Tổng tài sản và tổng nguồn vốn năm 2030 ước tính đạt **4.436 tỷ đồng**.

5. TƯ VẤN CHIẾN LƯỢC

5.1. Tư vấn sử dụng nguồn vốn tối ưu

Trong bối cảnh năm 2025 chứng kiến nhiều biến động phức tạp về kinh tế vĩ mô, tình hình địa chính trị toàn cầu và sự thay đổi nhanh chóng trong xu hướng thị trường, Ban lãnh đạo đã chủ động xây dựng và điều chỉnh các chiến lược phát triển cho năm 2026 và giai đoạn trung hạn 2026-2030. Mục tiêu tổng thể là **tái cấu trúc danh mục đầu tư, tập trung nguồn lực vào những lĩnh vực có tính cốt lõi và tiềm năng tăng trưởng cao**, đồng thời **nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và nguồn vốn**, hướng đến phát triển bền vững.

Các chiến lược được cụ thể hóa như sau:

5.1.1. Xử lý dứt điểm các tồn đọng liên quan đến cổ phần hóa

Nhằm xử lý các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, ngày 30/11/2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Bình Dương đã ban hành quyết định số 35-QĐ/TU thành lập Tổ công tác tham mưu xử lý các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV do đồng chí Bùi Minh Thạnh, Tỉnh ủy viên, Chánh văn phòng Tỉnh ủy làm Tổ trưởng.

Đến ngày 25/10/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kiện toàn Tổ công tác tham mưu xử lý các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương do đồng chí Nguyễn Hoàng Thao, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Tổ trưởng tại Quyết định số 220 – QĐ/TU.

Trong quá trình thành lập và kiện toàn, Tổ công tác 35 đã có các kết luận liên quan đến việc xử lý các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước – Khu vực IV và Kiểm toán Nhà nước Nhà nước – Chuyên ngành IB, tuy nhiên việc triển khai các kết luận vẫn chưa được thực hiện. Sau đó, ngày 30/03/2023, khi Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV được kiện toàn theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 30/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương thì Ban Chỉ đạo đã tiếp tục làm việc, tổ chức các phiên họp để xử lý các vấn đề đã được kết luận của Tổ công tác 35.

Tổng Công ty đã cố gắng, chủ động phối hợp với Ban Chỉ đạo cổ phần hóa để khẩn trương thực hiện theo **Kế hoạch số 01/KH-BCĐ**, mục tiêu đặt ra là: Giải quyết toàn bộ 27 nhóm vấn đề tồn đọng trong quá trình cổ phần hóa. Hoàn thành quyết toán bàn giao doanh nghiệp sang mô hình Công ty cổ phần trước ngày 30/06/2024. Tính đến thời điểm hiện nay, Ban Chỉ đạo đã tổ chức 07 phiên họp với 14/27 công việc đã có kết luận. Trong số 14 công việc đã có kết luận của Ban Chỉ đạo thì có 06 công việc đã được triển khai thực hiện còn lại 08 công việc đang chờ hướng dẫn các sở ban ngành. Một số vấn đề then chốt về tài sản, tài chính, quyền sử dụng đất, xử lý công nợ, đầu tư tài chính... vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Kiến nghị chiến lược:

- Sau quá trình sáp nhập địa giới hành chính các tỉnh, thành phố, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa hiện tại mặc nhiên kết thúc hoạt động. Do đó, cần kiện toàn Ban Chỉ đạo cổ phần hóa mới trực thuộc Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đề xuất cơ chế phối hợp liên ngành cấp thành phố và trung ương để xử lý nhanh các tồn đọng pháp lý, đặc biệt về đất đai.
- Tách riêng nhóm công việc ưu tiên giải quyết triệt để trước 6 tháng: Nhóm đất đai - tài sản cố định; Nhóm công nợ nội bộ và đầu tư tài chính.
- Thuê tư vấn độc lập để rà soát lại giá trị doanh nghiệp và giải pháp kỹ thuật cho quyết toán cổ phần hóa.

5.1.2. Dự án chuyển đổi một phần Sân golf Sông Bé thành khu thương mại - dịch vụ - đô thị

Hướng đi này nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng đất, phát triển mô hình tích hợp dịch vụ cao cấp phù hợp với nhu cầu thị trường, đồng thời vẫn giữ được giá trị thương hiệu của sân golf.

Đặc điểm nổi bật: Sân golf Sông Bé nằm ở trung tâm TP. Thuận An cũ - khu vực được dự báo sẽ phát triển thành "quận dịch vụ phía Bắc" của TP. Hồ Chí Minh sau khi sáp nhập địa giới hành chính. Địa thế đẹp, tiếp giáp đại lộ Bình Dương - trục thương mại huyết mạch của TP. Hồ Chí Minh.

Phân tích giá trị chuyển đổi: Quỹ đất Sân golf hiện tại có hệ số sử dụng thấp, khai thác chủ yếu dựa vào hoạt động dịch vụ golf, có biên lợi nhuận gộp không cao và chịu ảnh hưởng mạnh từ thời tiết, chi phí bảo trì lớn.

Việc chuyển đổi một phần (~32ha) sang khu thương mại - dịch vụ - đô thị

- Tăng gấp 3-5 lần hiệu suất kinh tế mỗi m2 đất.
- Duy trì thương hiệu "Sông Bé" nhưng mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực sinh lời cao hơn.

Tổng Công ty hiện nắm 100% vốn góp tại đơn vị sở hữu sân golf - hoàn toàn có thể ra quyết định chiến lược.

Chiến lược đầu tư thông minh: Phân kỳ đầu tư hợp lý. Kết nối và phát triển đồng bộ với các dự án lớn khác trong khu vực như AEON Mall, khu dân cư VSIP.

5.1.3. Chiến lược đầu tư và tái cơ cấu

a. Giải thể Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú và Công ty TNHH KP Apparell Manufacturing: Đây là bước đi nhằm chấm dứt hoạt động của đơn vị không còn phù hợp với định hướng phát triển chung và không đạt hiệu quả kỳ vọng. Quá trình giải thể được triển khai theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo việc xử lý tài sản, công nợ và nghĩa vụ với người lao động một cách minh bạch và hiệu quả.

b. Công ty liên kết:

Tổng Công ty đang áp dụng mô hình đầu tư đa ngành - phân tán, với danh mục đầu tư vào nhiều Công ty liên kết (sở hữu từ 20% đến dưới 50%) hoạt động trong nhiều lĩnh vực: may mặc, sữa - nước giải khát, logistics, y tế, bất động sản…

Tuy nhiên, thực tế cho thấy rằng mức độ sở hữu hiện tại chưa đủ để đảm bảo quyền kiểm soát chiến lược, từ đó làm phát sinh các vấn đề sau:

- Chỉ ghi nhận lợi nhuận theo phương pháp vốn chủ sở hữu, không được hợp nhất vào báo cáo tài chính, dẫn đến việc không cải thiện đáng kể các chỉ số tài chính hợp nhất như doanh thu, lợi nhuận, dòng tiền.
- Không kiểm soát được chính sách tài chính, chính sách cổ tức, định hướng phát triển, ngay cả khi Công ty liên kết có lãi.
- Không can thiệp được vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tồn tại tình trạng "đầu tư chết": vốn góp không sinh lời, không thu hồi được, và không thể can thiệp tái cấu trúc.

Công ty liên kết có thể chia làm 3 nhóm:

b1. Nhóm Công ty liên kết hiệu quả - sinh lời thật:

Bao gồm: Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương.

Tình trạng: Hoạt động kinh doanh tốt, chia cổ tức đều đặn, tạo dòng tiền thực về Công ty mẹ.

Hạn chế:

- Không được hợp nhất vào báo cáo tài chính, các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Tổng Công ty không phản ánh đúng thực lực nhóm.

Nhận định: Đây là khoản đầu tư tiềm năng, nhưng để khai thác tối đa giá trị, Tổng Công ty cần nâng tỷ lệ sở hữu lên mức chi phối (>50%), từ đó:

- Được hợp nhất kết quả kinh doanh vào báo cáo tài chính hợp nhất.
- Chủ động hoạch định chiến lược phát triển chuỗi giá trị ngành may mặc.
- Tăng quyền chủ động dòng tiền (chia cổ tức, tái đầu tư...).

b2. Nhóm Công ty liên kết hiệu quả nhưng không kiểm soát được

Bao gồm: FrieslandCampina Việt Nam, YCH-PROTRADE, Bệnh viện Hạnh Phúc

Tình trạng: Doanh nghiệp có lợi nhuận và tăng trưởng tốt, nhưng Tổng Công ty gần như không có vai trò gì trong điều hành hoặc quyết sách.

Nguyên nhân:

- Không thể can thiệp vào chiến lược điều hành.
- Cấu trúc vốn phân tán, Tổng Công ty nắm tỷ lệ nhỏ (từ dưới 30%).
- Cổ đông chi phối là nhà đầu tư nước ngoài/chiến lược khác.
- Không có quyền biểu quyết lớn tại ĐHĐCĐ hoặc HĐQT.

Tác động tiêu cực:

- Lợi nhuận được ghi nhận nhưng không chuyển thành dòng tiền cho Công ty mẹ.
- Không tận dụng được sức mạnh thương hiệu, mạng lưới, hoặc khả năng tích hợp chiến lược.
- Giảm hiệu quả tổng thể của danh mục đầu tư, dù bản thân Công ty liên kết tốt.

Giải pháp: Nếu không thể tăng tỷ lệ sở hữu hoặc có thỏa thuận chia sẻ lợi ích rõ ràng, cần xem xét thoái vốn để tái đầu tư vào các khoản sinh lời cao và có kiểm soát tốt hơn.

b3. Nhóm Công ty liên kết yếu kém, lỗ kéo dài

Bao gồm: Công ty Cổ phần Phú Mỹ, Tân Thành, Hưng Vượng.

Tình trạng: Thua lỗ kéo dài, hiệu quả hoạt động thấp. Tổng Công ty không thể can thiệp tái cấu trúc hoặc cắt lỗ vì tỷ lệ sở hữu thấp, không đủ quyền phủ quyết để quyết định các vấn đề quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tác động:

- Làm giảm giá trị sổ sách của khoản đầu tư.
- Gây gánh nặng tài chính, khó bán lại (thanh khoản thấp).
- Tạo rủi ro trong báo cáo tài chính hợp nhất nếu bị giảm giá trị đầu tư, trích lập dự phòng.

Giải pháp chiến lược:

- Chủ động đánh giá lại giá trị hợp lý các khoản đầu tư này.
- Đề xuất thoái vốn có lộ trình hoặc tìm đối tác chiến lược mua lại.
- Nếu vẫn giữ, cần đàm phán để tăng quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng - ví dụ: yêu cầu đại diện HĐQT, kiểm soát tài chính...

Tổng kết và khuyến nghị chiến lược:

Nhóm	Hiệu quả	Dòng tiền	Kiểm soát	Đề xuất chiến lược
Nhóm 1	Cao	Có	Không	Tăng sở hữu lên >50% để hợp nhất
Nhóm 2	Trung bình - cao	Không	Không	Thoái vốn hoặc đàm phán lại quyền lợi

Nhóm 3	Thấp	Không	Không	Cắt lỗ, thoái vốn hoặc đàm phán tăng ảnh hưởng

Chiến lược trung - dài hạn nên tập trung vào: Tái cấu trúc danh mục đầu tư công ty liên kết, sàng lọc các khoản không mang lại giá trị chiến lược hoặc dòng tiền.

Tập trung tăng sở hữu và kiểm soát tại những doanh nghiệp hiệu quả như Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương - đây là hướng đi then chốt để:

- Cải thiện chỉ tiêu tài chính hợp nhất.
- Chủ động kiểm soát dòng tiền và kế hoạch tài chính.
- Tăng giá trị công ty mẹ cả về hiệu quả hoạt động lẫn hình ảnh tài chính.

5.1.4. Nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương lên mức chi phối

Đây một hướng đi chiến lược hợp lý và có tính thực thi cao, xét trong bối cảnh hoạt động phân mảnh, hiệu quả chưa đồng đều của Tổng Công ty hiện nay.

a. Cơ sở thực tiễn của đề xuất

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương là đơn vị liên kết đang chia cổ tức đều đặn và có hiệu quả kinh doanh ổn định trong danh mục đầu tư của Tổng Công ty. Việc gia tăng tỷ lệ sở hữu tại đây mang lại một số lợi thế chiến lược:

Đảm bảo quyền chi phối về tài chính và chiến lược: Khi nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, Tổng Công ty sẽ có quyền ra quyết định tại Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, từ đó kiểm soát định hướng phát triển, chia cổ tức, phân bổ lợi nhuận và chiến lược đầu tư.

Hợp nhất kết quả kinh doanh vào báo cáo tài chính của Công ty mẹ: Với quyền sở hữu chi phối, doanh thu và lợi nhuận của các Công ty này sẽ được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, qua đó giúp cải thiện đáng kể các chỉ tiêu tài chính như: doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế, ROA, ROE.

Ổn định dòng tiền từ hoạt động đầu tư: Trong bối cảnh nhiều Công ty con khác đang thua lỗ hoặc khó kiểm soát, việc chi phối một đơn vị hiệu quả sẽ tăng tính chủ động về dòng tiền và giảm sự phụ thuộc vào các khoản lợi nhuận không chắc chắn.

b. So sánh với các khoản đầu tư hiện hữu

Hiện tại, phần lớn các khoản đầu tư của Tổng Công ty vào các Công ty con và Công ty liên kết đang rơi vào một trong hai tình trạng:

- Hoạt động có lãi nhưng khó kiểm soát về mặt điều hành và chiến lược (như YCH-Protrade, Bệnh viện Hạnh Phúc, Frieslandcampina Việt Nam).
- Hoạt động thua lỗ kéo dài hoặc hiệu quả thấp, gây gánh nặng tài chính và không tạo giá trị cho Công ty mẹ (như Phú Mỹ, Tân Thành, Hưng Vượng).

Trong khi đó, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương lại là đơn vị có cả kết quả kinh doanh tốt, dòng tiền ổn định và có khả năng hợp tác sâu hơn. Vì vậy, việc ưu tiên tăng tỷ lệ sở hữu tại đây sẽ là bước đi tái cơ cấu đầu tư theo hướng "tập trung vào những gì đang hoạt động tốt" - đây là nguyên tắc nền tảng trong chiến lược đầu tư đa ngành.

c. Khả năng thực thi và tác động tích cực

Với tỷ lệ sở hữu hiện tại ở mức cổ đông lớn nhưng chưa chi phối, Tổng Công ty có thể thương lượng mua lại cổ phần từ các cổ đông nhỏ hoặc tổ chức thoái vốn, đặc biệt trong bối cảnh các

doanh nghiệp đang cơ cấu lại danh mục đầu tư sau đại dịch và sắp xếp theo vùng hành chính mới.

Việc hợp nhất sẽ giúp Tổng Công ty có lợi thế tạo trục ngành may mặc ổn định, có thể phát triển thêm chuỗi giá trị (gắn với dệt, sợi, xuất khẩu), tăng tỷ trọng doanh thu từ lĩnh vực sản xuất thay vì chỉ phụ thuộc vào bất động sản hoặc dịch vụ phi sản xuất vốn có tính chu kỳ cao hơn.

d. Kết luận

Việc tăng sở hữu tại các Công ty nói trên lên mức chi phối không chỉ là một giải pháp tài chính ngắn hạn để cải thiện chỉ số báo cáo hợp nhất, mà còn mang tính chiến lược dài hạn để xây dựng một trụ cột kinh doanh ổn định, chủ động và có thể mở rộng chuỗi giá trị.

Đây là lựa chọn phù hợp trong bối cảnh cần:

- Củng cố lại danh mục đầu tư;
- Tối ưu hóa hiệu quả tài chính;
- Và gia tăng vai trò kiểm soát nội bộ, vốn đang là điểm yếu lớn nhất trong cấu trúc Tổng Công ty hiện nay.

5.1.5. Tái cấu trúc các công ty con

Chiến lược tái cấu trúc toàn diện tại các công ty con trong giai đoạn 2026-2030 là một bước đi mang tính tất yếu và chủ động, nhằm thích ứng với bối cảnh thị trường đang thay đổi nhanh chóng, đồng thời tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững, chuyên nghiệp và hiệu quả của toàn hệ thống Tổng công ty. Các mục tiêu cụ thể bao gồm:

Nâng cao hiệu quả hoạt động và tối ưu hóa nguồn lực

Việc tái cấu trúc được thiết kế nhằm làm rõ và củng cố năng lực cốt lõi của từng công ty con, từ đó tập trung đầu tư vào các lĩnh vực có thế mạnh, tiềm năng sinh lời cao và khả năng tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn. Các hoạt động ngoài lõi, phân tán nguồn lực, hoặc không mang lại hiệu quả sẽ từng bước được cắt giảm hoặc chuyển đổi. Trên cơ sở đó, mỗi đơn vị sẽ vận hành với bộ máy gọn nhẹ hơn, cấu trúc linh hoạt hơn, đồng thời nâng cao năng suất lao động và chỉ tiêu tài chính trên mỗi đơn vị tài sản và nhân sự.

Chuẩn hóa mô hình quản trị theo định hướng tích hợp - đồng bộ - minh bạch

Một trong những mục tiêu trung tâm của quá trình tái cấu trúc là thiết lập hệ thống quản trị nhất quán và chuyên nghiệp giữa Tổng công ty và các công ty thành viên. Mô hình quản trị mới sẽ đảm bảo:

- **Tích hợp dữ liệu và thông tin vận hành** theo thời gian thực, hỗ trợ ra quyết định nhanh và chuẩn xác.
- **Đồng bộ hóa quy trình, quy chế, hệ thống kiểm soát nội bộ**, từ đó nâng cao tính tuân thủ và giảm thiểu rủi ro vận hành.
- **Tăng cường minh bạch hóa tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh**, đáp ứng yêu cầu kiểm toán nội bộ, kiểm soát rủi ro cũng như điều kiện hợp tác với đối tác và nhà đầu tư chiến lược trong tương lai.

Phân tách rõ vai trò đầu tư - vận hành - kiểm soát

Mô hình tổ chức hiện tại tại một số đơn vị còn chồng lấn chức năng, làm mờ ranh giới giữa các vai trò của Tổng công ty và đơn vị thành viên. Việc tái cấu trúc sẽ thiết lập lại ranh giới và trách nhiệm theo hướng:

- **Tổng công ty giữ vai trò chiến lược và đầu tư**, quyết định phân bổ nguồn lực, định hướng thị trường, đánh giá hiệu quả toàn hệ thống.
- **Công ty con đảm nhiệm vai trò vận hành chuyên môn**, chủ động trong tổ chức sản xuất – kinh doanh nhưng trong khuôn khổ chiến lược chung.
- **Cơ chế kiểm soát nội bộ và đánh giá hiệu quả được tái lập**, theo nguyên tắc phân quyền: phân trách nhiệm rõ ràng, nhưng vẫn đảm bảo thông suốt dữ liệu, minh bạch trong giám sát.

Trong bối cảnh chiến lược phát triển toàn diện giai đoạn 2026-2030, Tổng Công ty triển khai kế hoạch tái cấu trúc tại ba công ty con trọng điểm, theo thứ tự ưu tiên dựa trên đặc thù hoạt động, tiềm năng tăng trưởng và mức độ ảnh hưởng đến hiệu quả hợp nhất toàn hệ thống. Lộ trình được chia thành ba giai đoạn, với các mục tiêu và trọng tâm khác nhau như sau:

a. Giai đoạn 2025-2026: Công ty TNHH Sân Golf Palm - Sông Bé

- **Trọng tâm**: Tái định vị từ một đơn vị sân golf đơn thuần sang tổ hợp thương mại - dịch vụ - đô thị cao cấp, khai thác tối ưu quỹ đất hiện hữu.
- **Định hướng**: Tách bạch hai mảng hoạt động chính (golf và bất động sản thương mại), số hóa toàn bộ quy trình dịch vụ, hợp tác với đơn vị quản lý quốc tế.
- **Kỳ vọng**: Tăng trưởng doanh thu phi golf ≥ 30%, tối ưu hiệu suất sử dụng đất và nâng cao năng lực cạnh tranh thương hiệu.

b. Giai đoạn 2026-2028: Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt – Lào

- **Trọng tâm**: Cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng kiểm soát rủi ro, gia tăng hiệu quả sử dụng đất và vốn đầu tư tại Lào.
- **Định hướng**: Áp dụng công nghệ giám sát và hợp tác địa phương để giảm thiểu rủi ro chính trị và vận hành.
- **Kỳ vọng**: Tăng hiệu suất tài sản, cải thiện chỉ số ROE, giảm chi phí sản xuất và từng bước tái cơ cấu sang mô hình đầu tư kiểm soát thay vì vận hành trực tiếp.

c. Giai đoạn 2028-2029: Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade

- **Trọng tâm**: Nâng cấp mô hình phát triển khu công nghiệp truyền thống lên khu công nghiệp tích hợp (integrated industrial township).
- **Định hướng**: Chuẩn hóa lại bộ máy quản trị theo hướng chuyên nghiệp hóa, đầu tư vào dịch vụ giá trị gia tăng (nhà ở chuyên gia, logistics nội khu), mở rộng đầu tư ra các vùng trọng điểm lân cận như Tây Ninh, Đồng Nai.
- **Kỳ vọng**: Tăng tỷ lệ lấp đầy đất công nghiệp, tối ưu hóa dịch vụ kèm theo, định vị lại thương hiệu là nhà phát triển hạ tầng công nghiệp thế hệ mới.

Chiến lược tái cấu trúc ba công ty con trong giai đoạn 2026-2030 là bước đi trọng yếu nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu hóa nguồn lực và gia tăng giá trị tài sản cho Tổng Công ty. Mỗi đơn vị sẽ được tái định vị rõ ràng về chức năng, mô hình hoạt động và mục tiêu tăng trưởng, phù hợp với xu hướng phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Việc triển khai theo lộ trình ưu tiên sẽ giúp kiểm soát tốt rủi ro, đảm bảo sự chuyển đổi đồng bộ và có chiều sâu. Đây không chỉ là quá trình điều chỉnh tổ chức, mà còn là nền tảng quan trọng để Tổng Công ty hình thành mô hình quản trị hiện đại, mở rộng đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

5.1.6. Thanh lý cây cảnh tồn kho

Việc này không chỉ giúp giảm chi phí lưu kho, bảo dưỡng mà còn thể hiện quyết tâm cắt giảm các tài sản không tạo ra giá trị gia tăng cho doanh nghiệp.

Đề xuất phương án thanh lý cây cảnh:

Thực trạng tồn kho cây cảnh và lý do đề xuất thanh lý: Trong quá trình rà soát và đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, mảng cây cảnh - một phần tài sản tồn kho lớn của Tổng Công ty - được xác định là không còn phù hợp với định hướng kinh doanh và chiến lược sử dụng nguồn lực trong giai đoạn 2026-2030. Một số vấn đề nổi bật bao gồm:

- **Giá trị sử dụng thấp, chi phí duy trì cao:** Các loại cây cảnh đang tồn kho đòi hỏi điều kiện chăm sóc chuyên biệt, bao gồm lượng nước, dinh dưỡng, ánh sáng và kỹ thuật cắt tỉa, gây tốn kém đáng kể về nhân lực và chi phí vận hành.
- **Không phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu:** Phần lớn cây cảnh tồn kho được nhập khẩu từ quốc gia có khí hậu ôn đới là Nhật Bản, trong đó nhiều loại cây có hệ sinh thái đặc thù, khó thích nghi với điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm của Việt Nam, dẫn đến tỷ lệ sống sót và phát triển thấp.
- **Giá trị thương mại suy giảm:** Trong những năm gần đây, nhu cầu thị trường với dòng cây cảnh cao cấp giảm mạnh, đặc biệt sau đại dịch COVID-19. Việc duy trì một khối lượng cây lớn không chỉ chiếm dụng mặt bằng và nguồn lực, mà còn gây lãng phí tài sản khi giá trị bán ra thấp hơn chi phí duy trì.
- **Không còn phù hợp với chiến lược phát triển tổng thể:** Mảng cây cảnh không nằm trong các lĩnh vực cốt lõi hoặc tạo ra lợi thế cạnh tranh cho Tổng Công ty, không còn phù hợp để tiếp tục duy trì hoặc mở rộng trong giai đoạn tái cấu trúc tới.

Trong quá trình thực hiện, mục tiêu quan trọng nhất là phải **giải quyết triệt để lượng hàng tồn kho**, tránh kéo dài gây lãng phí chi phí duy tu, bảo dưỡng và chiếm dụng mặt bằng. Vì vậy, phương án được đặt ra là **chấp nhận bán dưới giá vốn**. Đây là giải pháp mang tính tình thế nhưng cần thiết, nhằm hạn chế rủi ro hư hại, giảm thiểu chi phí duy tu, bảo dưỡng phát sinh và nhanh chóng thu hồi một phần vốn. Việc này không chỉ giúp Tổng Công ty xử lý dứt điểm gánh nặng tồn kho, mà còn tạo điều kiện tập trung nguồn lực cho các hoạt động kinh doanh chủ lực trong giai đoạn tái cấu trúc.

Chiến lược quảng bá và marketing:

- **Xây dựng thương hiệu cho từng dòng cây**: Tạo các câu chuyện gắn với nguồn gốc, đặc điểm sinh học, giá trị phong thủy, tên gọi độc đáo... để tăng yếu tố cảm xúc và sự kết nối với khách hàng.
- **Chiến dịch marketing theo mùa**: Tăng cường quảng bá và tung sản phẩm mạnh trong các dịp cao điểm như Tết Nguyên Đán, Trung Thu, hoặc dịp khai trương, khánh thành.
- **Hợp tác với các chuyên gia**: Kết nối với chuyên gia trang trí nội thất, tạo nội dung truyền thông hấp dẫn để kích thích nhu cầu.

5.1.7. Triển khai kế hoạch di dời trụ sở Tổng Công ty

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng cạnh tranh và yêu cầu tái cấu trúc doanh nghiệp trở thành một xu thế tất yếu, việc tổ chức lại bộ máy hoạt động và điều chỉnh cơ sở hạ tầng phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn đóng vai trò then chốt. Việc triển khai kế hoạch di dời trụ sở Tổng Công ty không chỉ là giải pháp tình thế, mà còn là một bước đi chiến lược quan trọng nhằm tối ưu hóa việc sử dụng tài sản, nâng cao hiệu quả vận hành, đồng thời tạo tiền đề cho các định hướng phát triển bền vững trong giai đoạn 2026-2030.

Kế hoạch này được xây dựng trên cơ sở đánh giá toàn diện về thực trạng hoạt động, hiệu quả sử dụng đất đai, khả năng khai thác nguồn lực hiện hữu và tiềm năng phát triển tại các khu vực mới. Đồng thời, việc di dời gắn liền với mục tiêu phát triển hạ tầng theo tiêu chuẩn xanh (LEED), thúc đẩy mô hình sản xuất thân thiện môi trường, nâng cao chất lượng đời sống lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng địa phương.

Kế hoạch này không chỉ đề cập đến việc di dời về mặt hành chính - kỹ thuật, mà còn bao gồm phương án sử dụng hiệu quả tài sản sau di dời, chiến lược đầu tư mới tại các khu công nghiệp tiềm năng, và mô hình tổ chức phù hợp với giai đoạn phát triển tiếp theo của Tổng Công ty.

a. Cơ sở và bối cảnh đề xuất di dời trụ sở

Trong giai đoạn tái cấu trúc toàn diện từ năm 2026-2030, việc di dời trụ sở văn phòng Tổng Công ty không chỉ giải quyết các vấn đề về hiệu quả sử dụng đất, tiết giảm chi phí vận hành, mà còn phù hợp với xu hướng phát triển đô thị và định hướng quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Sân Golf Sông Bé - với vị trí chiến lược ngay trung tâm thành phố Thuận An cũ, đang trong quá trình triển khai khu thương mại - dịch vụ - đô thị phức hợp, là địa điểm lý tưởng để đặt trụ sở mới của Tổng Công ty. Việc tích hợp trụ sở trong một không gian hiện đại, tiện ích, mang tính biểu tượng sẽ nâng tầm hình ảnh doanh nghiệp và thuận tiện trong việc thu hút nhân lực chất lượng cao.

b. Lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện kinh tế - xã hội

Khu vực Sân golf Sông Bé nằm trong tam giác kinh tế trọng điểm, có tốc độ đô thị hóa nhanh, hệ thống giao thông kết nối thuận lợi qua Đại lộ Bình Dương (Quốc lộ 13), Vành đai 3 và tuyến đường sắt đô thị (dự kiến).

Đây cũng là trung tâm dịch vụ, tài chính, thương mại mới của TP. Hồ Chí Minh, với mật độ dân cư cao, nhu cầu dịch vụ văn phòng, y tế, giáo dục, giải trí ngày càng phát triển.

Chủ trương kết nối vùng cùng với việc sáp nhập tỉnh Bình Dương cũ về TP. Hồ Chí Minh càng làm tăng giá trị địa lý và chiến lược cho khu vực Sân golf Sông Bé.

c. Tận dụng quỹ đất và mô hình phát triển tại Sân golf Sông Bé

Sân golf Sông Bé hiện có kế hoạch chuyển đổi một phần quỹ đất để phát triển khu thương mại - dịch vụ - đô thị.

Việc đặt trụ sở mới của Tổng Công ty tại đây giúp tận dụng được cơ sở hạ tầng hiện hữu, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng ban đầu so với việc phát triển tòa nhà độc lập ở địa phương khác.

Ngoài ra, việc đặt văn phòng tại khu phức hợp cũng gia tăng sự tương tác với các đơn vị thành viên, thuận tiện cho công tác điều hành, kết nối với các đối tác trong và ngoài nước.

d. Kết hợp với chiến lược phát triển vùng và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản

Di dời trụ sở cũ giúp giải phóng quỹ đất hiện tại (đang sử dụng cho văn phòng), từ đó có thể tái cấu trúc hoặc chuyển đổi thành các mục đích phù hợp hơn như cho thuê, hợp tác đầu tư, hoặc chuyển nhượng.

Việc tích hợp hạ tầng mới giúp chuẩn hóa mô hình quản trị, ứng dụng công nghệ số, tiết giảm chi phí vận hành và bảo trì dài hạn.

Gắn liền với định hướng phát triển "Doanh nghiệp xanh", tòa nhà văn phòng mới có thể được thiết kế theo chuẩn LEED, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng, góp phần nâng cao hình ảnh doanh nghiệp.

Áp dụng tiêu chuẩn LEED:

LEED - Leadership in Energy and Environmental Design là chứng nhận quốc tế cho các công trình "xanh" - được áp dụng cho nhà máy như sau:

- Sản phẩm thân thiện với môi trường: Hướng tới sử dụng nguyên vật liệu an toàn, tiết kiệm năng lượng, hạn chế rác thải độc hại.
- Môi trường làm việc lành mạnh: Không khí trong lành, ánh sáng tự nhiên, giảm thiểu tiếng ồn - nâng cao năng suất và sức khỏe công nhân.
- Giảm chi phí vận hành lâu dài: Nhờ thiết kế thông minh, nhà máy sẽ giảm tiêu thụ điện, nước, và tăng tuổi thọ tài sản cố định.
- Tăng sức cạnh tranh quốc tế: Nhiều đối tác, đặc biệt từ Mỹ và EU, đang ưu tiên chuỗi cung ứng có chứng chỉ xanh (LEED, ISO 14001,...).

e. Kết luận và đề xuất

Việc di dời trụ sở về khu vực Sân golf Sông Bé là bước đi chiến lược, phù hợp với định hướng phát triển vùng, chiến lược tái cấu trúc doanh nghiệp, và xu thế hội nhập hiện đại. Tổng Công ty cần:

- Làm việc với Sân golf Sông Bé để thống nhất về mặt bằng, quy mô đầu tư, tiến độ triển khai dự án tòa nhà văn phòng.
- Xây dựng phương án đầu tư, phân kỳ vốn, và kế hoạch chuyển đổi tài sản sau di dời.
- Chủ động truyền thông nội bộ và xây dựng kế hoạch chuyển đổi phù hợp để đảm bảo hoạt động xuyên suốt, không gián đoạn.

Giai đoạn 1: Chuẩn bị hồ sơ, phê duyệt chiến lược

Trình bày chi tiết phương án di dời, định hướng phát triển theo tiêu chuẩn LEED.

Phối hợp với phòng đầu tư, phòng pháp lý và chính quyền địa phương.

Giai đoạn 2: Triển khai xây dựng cơ sở mới

Lựa chọn nhà thầu, tư vấn thiết kế xanh, phối hợp công nghệ thân thiện môi trường.

Chuẩn bị kế hoạch chuyển đổi hoạt động và đào tạo nguồn lực.

Giai đoạn 3: Đánh giá và vận hành chính thức

Vận hành thử nghiệm, giám sát hiệu quả đầu tư.

Tích hợp hệ thống báo cáo ESG, chuẩn bị tài liệu cho các đối tác quốc tế.

5.2. Tư vấn thoái vốn

5.2.1. Những khó khăn trong hoạt động đầu tư tại một số công ty liên kết:

a. Hiệu quả đầu tư vốn không đảm bảo:

Mặc dù đã thực hiện đầu tư trong thời gian dài, nhưng đến nay Tổng Công ty vẫn chưa nhận được cổ tức từ các khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc, Công ty Cổ phần Phát Triển Phú Mỹ, Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành. Thực tế này cho thấy hiệu quả đầu tư tại các đơn vị nêu trên là không có, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả sử dụng vốn và chiến lược đầu tư dài hạn của Tổng Công ty.

Thêm vào đó, giá trị khoản đầu tư tại 3 công ty: Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc, Phát triển Phú Mỹ và Tân Thành đang bị suy giảm nghiêm trọng. Điều này thể hiện rõ qua tỷ lệ trích lập dự phòng tổn thất đầu tư cao, lần lượt là 33%, 91% và 57%. Việc trích lập dự phòng ở mức cao đã trực tiếp làm bào mòn giá trị tài sản và ảnh hưởng đến năng lực tài chính của Tổng Công ty.

Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hưng Vượng, dù đã thu hồi được vốn và có được lợi nhuận, nhưng trong ba năm gần đây, công ty này liên tục ghi nhận kết quả kinh doanh thua lỗ và không có triển vọng phục hồi, làm giảm triển vọng sinh lời trong trung và dài hạn.

b. Một số đơn vị chưa được bố trí Kiểm soát viên đầy đủ nên khó tiếp cận dữ liệu khi kiểm tra, giám sát:

Trong quá trình hoạt động liên doanh, nhiều đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty đã chưa được bố trí Kiểm soát viên đầy đủ. Các công ty như Công ty TNHH FrieslandCampina VN, Công ty Cổ phần Phát Triển Phú Mỹ, Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành và Công ty TNHH YCH-Protrade là những đơn vị không có Kiểm soát viên. Việc không bố trí Kiểm soát viên xuất phát từ yếu tố kế thừa trong giai đoạn hình thành ban đầu.

c. Tỷ lệ vốn thấp không đủ khả năng chi phối các quyết định quan trọng trong vận hành, quản lý:

Một yếu tố rủi ro khác là tỷ lệ sở hữu vốn của Tổng Công ty tại các đơn vị này đều ở dưới mức tỷ lệ chi phối (thường dao động dưới 35%). Điều này khiến Tổng Công ty không có khả năng định hướng, dẫn dắt hoặc phủ quyết các quyết định quan trọng trong công tác điều hành, quản trị doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, tỷ lệ vốn thấp còn khiến cho các nhân sự được Tổng Công ty đề cử tham gia Ban điều hành tại các đơn vị này phần lớn không được tạo điều kiện tham gia một cách thực chất vào quá trình quản lý.

Trong bối cảnh đó, việc Tổng Công ty vẫn tiếp tục nắm giữ phần vốn góp tại các doanh nghiệp này có thể dẫn đến hệ lụy:

- Có thể ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của Tổng Công ty trong vai trò cổ đông nhà nước.
- Làm phát sinh rủi ro pháp lý, đặc biệt trong trường hợp các đơn vị bị cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra.
- Làm tăng chi phí và kéo dài công tác xử lý, ảnh hưởng đến nguồn lực quản trị chung của Tổng Công ty.

d. Những ngành nghề kinh doanh hiện tại không triển vọng, không có tiềm năng phát triển và không phù hợp với định hướng phát triển của Tổng Công ty:

Dịch vụ sức khỏe:

Dù có tiềm năng dài hạn, Bệnh viện Hạnh Phúc không tận dụng lợi thế thị trường do chỉ tập trung sản - nhi, chậm mở rộng chuyên khoa. Việc chuyển đổi sang mô hình đa khoa gặp khó khăn trong thu hút nhân lực, vị trí xa trung tâm và tỷ lệ sinh giảm khiến nhu cầu sản - nhi sụt giảm. Do đó, lĩnh vực này không còn phù hợp với định hướng đầu tư của Tổng Công ty.

Dịch vụ golf:

Lượt chơi golf giảm từ 1,8 triệu (2018-2022) xuống 1,1 triệu (2024), dự báo 2025-2026 không tăng. Sân mới xuất hiện nhiều làm cạnh tranh gay gắt, trong khi tỷ suất lợi nhuận thấp, chi phí đầu tư và vận hành cao. Nếu không phát triển bất động sản đi kèm, sân golf riêng lẻ không hiệu quả, nên không còn phù hợp với chiến lược của Tổng Công ty.

Sản xuất sản phẩm từ gỗ:

Kinh tế biến động, đồng Yên mất giá khiến xuất khẩu sang Nhật – thị trường chủ lực – suy giảm. Doanh nghiệp phải liên tục nâng chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn nguồn gốc hợp pháp trong khi chi phí tăng và cạnh tranh lớn. Ngoài ra, chủ trương di dời nhà máy ngoài Khu công nghiệp trước 2030 làm phát sinh chi phí. Ngành này không còn phù hợp chiến lược dài hạn của Tổng Công ty.

Logistics:

Ngành logistics tăng trưởng mạnh nhưng yêu cầu chuyên môn, công nghệ và vốn lớn. Tổng Công ty không có kinh nghiệm, thiếu lợi thế cạnh tranh, rủi ro vận hành cao, khó tham gia thị trường cạnh tranh khốc liệt. Vì vậy, đây không phải lĩnh vực ưu tiên trong giai đoạn hiện nay.

e. Thiếu hụt vốn để phát triển, mở rộng quy mô các lĩnh vực đầu tư hiệu quả cũng như đầu tư mới các lĩnh vực tiềm năng:

Hiện nay, Tổng Công ty đang triển khai một số dự án trọng điểm đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, với nhu cầu vốn lớn trong giai đoạn thực hiện. Trong bối cảnh đó, việc thực hiện thoái vốn hiệu quả tại các khoản đầu tư không còn phù hợp sẽ giúp tạo ra nguồn lực tài chính cần thiết, hỗ trợ Tổng Công ty chủ động bố trí vốn cho các dự án chiến lược, thay vì phải phụ thuộc vào các công cụ đòn bẩy tài chính như vay nợ hoặc phát hành thêm cổ phần. Đây là giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tối ưu hóa cấu trúc tài chính và đảm bảo tính bền vững trong tăng trưởng.

5.2.2. Kiến nghị, đề xuất

Việc chủ động tái cơ cấu, rút vốn khỏi các đơn vị như vậy không chỉ giúp cắt bỏ các khoản đầu tư không còn giá trị chiến lược, mà còn góp phần quan trọng vào việc giải phóng dòng vốn, tái đầu tư vào các lĩnh vực Tổng Công ty đang có lợi thế, có quyền chủ động, và có khả năng tạo giá trị gia tăng thực chất cho cổ đông trong 5 năm tới. Danh mục cần tập trung bao gồm các công ty con, công ty liên doanh, liên kết hoạt động hiệu quả như: Công ty TNHH Sân golf Palm - Sông Bé, Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade, Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào, Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương..., cũng như mở rộng đầu tư sang các lĩnh vực xanh, bền vững, thân thiện với môi trường.

Căn cứ tình hình thực tế hoạt động, tiến độ xử lý các vấn đề pháp lý, tài chính và nhu cầu thu hồi vốn trong từng giai đoạn, Tổng Công ty sẽ linh động xem xét, lựa chọn và quyết định thứ tự thực hiện thoái vốn tại các đơn vị thành viên trên cơ sở bảo đảm hiệu quả cao nhất và phù hợp với điều kiện thị trường tại thời điểm triển khai.

Trước mắt, lộ trình dự kiến được xác định như sau:

1. **Công ty Cổ phần Hưng Vượng:**

- Cơ sở đề xuất: doanh nghiệp đang trong tình trạng thua lỗ, tuy nhiên khả năng bán lại cổ phần cho cổ đông lớn là khả thi do nhu cầu tăng tỷ lệ sở hữu.
- Thời gian dự kiến thoái vốn: trong năm 2027.

2. **Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ:**

- Cơ sở đề xuất: lỗ lũy kế lớn, khó khăn trong việc tìm kiếm đối tác chuyển nhượng, làm giảm tính khả thi và hiệu quả thoái vốn.
- Giải pháp: tiếp tục theo dõi thị trường và triển khai tìm kiếm đối tác tiềm năng.
- Thời gian dự kiến thoái vốn: trong năm 2028.

3. **Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc:**

- Cơ sở đề xuất: tình hình tài chính ổn định, hoạt động kinh doanh có lợi nhuận đều đặn, dễ dàng chuyển nhượng do cổ đông lớn có nhu cầu mua lại. Tuy nhiên, thời gian lùi về sau giai đoạn Phú Mỹ và Hưng Vượng đã triển khai xong việc thoái vốn, Tổng Công ty có đủ nguồn lực để tiếp tục thực hiện thoái vốn tại Bệnh viện Hạnh Phúc.
- Thời gian dự kiến thoái vốn: trong năm 2029.

Đối với Công ty TNHH YCH-Protrade có các chỉ số hoạt động, thanh khoản tốt, tỷ trọng nợ giảm mạnh, và **có chia cổ tức,** do vậy giữ lại vẫn sẽ đảm bảo dòng tiền cho Công ty. **Vấn đề duy nhất**: Tổng Công ty không kiểm soát được chiến lược, nhưng khoản đầu tư vẫn sinh lời. Do vậy **chưa cần thoái ngay** vì đang tạo lợi nhuận và không gây áp lực tài chính; thoái vốn chỉ nên thực hiện khi có đối tác trả giá cao.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng hướng tới xem xét vấn đề thoái vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An nhằm tăng cường tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực, dự án có tiềm năng tăng trưởng cao hơn trong tương lai. Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng là khoản đầu tư có quy mô rất nhỏ, cũng cần được đưa vào diện xem xét thoái vốn nhằm tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng tinh gọn, hiệu quả. **Dự kiến thời gian thoái vốn các công ty nêu trên: Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng năm 2026, Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An năm 2029**.

Sau khi thực hiện thoái vốn tại một số khoản đầu tư không còn phù hợp với định hướng phát triển trung và dài hạn, dự kiến sử dụng dòng tiền thu về để tái đầu tư vào các dự án cốt lõi mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn, cụ thể:

- Phát triển khu thương mại - dịch vụ - đô thị tại Sân golf Sông Bé
- Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương – củng cố vị thế kiểm soát

Việc xem xét, quyết định thời điểm, phương thức thực hiện, thứ tự ưu tiên thoái vốn và phương án sử dụng nguồn vốn thu hồi được thực hiện đối với từng trường hợp cụ thể, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với cơ chế thị trường, đồng thời bảo đảm mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và hài hòa lợi ích của Tổng Công ty và các cổ đông.

Lộ trình thực hiện đối với từng doanh nghiệp nêu trên được xây dựng trên cơ sở các giả định, kế hoạch nguồn vốn và nhu cầu tái cơ cấu danh mục đầu tư của Tổng Công ty trong giai đoạn 2026–2030, mang tính chất định hướng và có thể được xem xét, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế

hoạt động của từng doanh nghiệp, tiến độ xử lý các vấn đề pháp lý, tài chính, nhu cầu sử dụng vốn và điều kiện thị trường tại thời điểm triển khai.

5.3. Tư vấn xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá chiến lược

Cần lập phòng ban riêng để kiểm soát, giám sát nguồn vốn và chiến lược tài chính là rất cần thiết, đặc biệt trong bối cảnh Tổng Công ty có quy mô lớn, có nhiều khoản đầu tư trên nhiều lĩnh vực. Phòng ban riêng tập trung vào giám sát, đánh giá và điều chỉnh chiến lược nguồn vốn, giúp đảm bảo các quyết định tài chính được thực hiện chuyên nghiệp và theo đúng quy định nội bộ. Các nhân sự chuyên môn về tài chính, quản trị rủi ro và phân tích dữ liệu sẽ đảm nhận nhiệm vụ này, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý.

Xây dựng hệ thống giám sát:

- Xác định các chỉ số trọng tâm (KPIs) như ROE, ROA, chi phí vay trung bình, tỷ lệ thanh toán nợ… để định hướng chiến lược.
- Tích hợp công nghệ: Sử dụng ERP, BI và các công cụ dự báo hiện đại.

Đánh giá hiệu quả và phân tích dữ liệu:

- Lập báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, hàng năm, so sánh thực tế với dự báo ban đầu.
- Phối hợp liên phòng ban: Giúp ban lãnh đạo có cái nhìn tổng thể để ra quyết định chiến lược.
- Minh bạch và chính xác: Thông tin tài chính được cập nhật theo thời gian thực.

Điều chỉnh chiến lược:

- Đưa ra kế hoạch hành động: Nếu chỉ số giám sát vượt ngưỡng cho phép, Tổng Công ty cần có biện pháp tái cấu trúc (ví dụ: điều chỉnh tỷ lệ nợ, chuyển đổi nguồn vốn vay, hay tăng cường vốn chủ sở hữu).
- Họp định kỳ giữa bộ phận tài chính và ban lãnh đạo để cập nhật tình hình và quyết định điều chỉnh chiến lược

5.4. Tư vấn tối ưu hiệu quả hoạt động

Trong bối cảnh Tổng Công ty có nhiều khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết, việc áp dụng các giải pháp quản trị tập trung, chia sẻ dịch vụ, chuẩn hóa quy trình và đào tạo nhân sự là những yếu tố then chốt giúp tăng cường hiệu quả và giảm chi phí vận hành trong dài hạn.

Xây dựng trung tâm dịch vụ chung:

- Thiết lập một bộ phận chung chuyên trách về kế toán, nhân sự, công nghệ thông tin, quản lý tài chính và hành chính nhằm phục vụ tất cả các Công ty con và Công ty liên kết.
- Đưa ra các quy trình, chuẩn mực và công nghệ thống nhất để đảm bảo tính nhất quán và hiệu quả trong hoạt động.

Tối ưu hóa quy trình quản lý:

- Xác định các quy trình quản trị chung cho toàn khối và hướng dẫn thực hiện cho các Công ty con, nhằm đảm bảo tính nhất quán, loại bỏ những bước thừa, trùng lặp
- Đánh giá định kỳ hiệu quả hoạt động.

Cải tiến quản lý nhân sự:

- Đầu tư vào chương trình đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho các cán bộ quản lý ở Công ty con và liên kết, giúp họ hiểu và áp dụng các tiêu chuẩn quản trị chung.
- Tổ chức các hội nghị, cuộc họp định kỳ giữa ban lãnh đạo của Tập đoàn và các Công ty con để trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin và đồng bộ chiến lược phát triển

6. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

6.1. Thực trạng hoạt động của Tổng Công ty

a. Phân tích tình hình hoạt động của Tổng Công ty

Cơ cấu hoạt động phân mảnh, đa ngành và thiếu tính bổ trợ

Tổng Công ty hiện đang vận hành theo mô hình Tập đoàn, với một số lượng lớn các Công ty con và Công ty liên kết hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: nông nghiệp (trồng và khai thác mủ cao su), công nghiệp nhẹ (sợi, vải, giấy, gỗ), thương mại, dịch vụ (logistics, y tế, golf) và sản xuất tiêu dùng (sữa, nước giải khát, may mặc). Tuy nhiên, các lĩnh vực này không có mối liên kết trực tiếp hay chuỗi giá trị bổ trợ rõ ràng, gây ra sự phân tán trong đầu tư và thiếu hiệu quả trong phối hợp chiến lược.

Việc đầu tư vào nhiều ngành nghề khác nhau làm tăng gánh nặng quản lý và chi phí vận hành. Công ty mẹ không thể khai thác được lợi ích cộng hưởng giữa các đơn vị, đồng thời gặp khó khăn trong việc giám sát, kiểm soát rủi ro và phân bổ nguồn lực hợp lý. Đây là một điểm yếu cốt lõi trong cấu trúc hoạt động hiện tại của Tổng Công ty.

Phụ thuộc vào một số ít Công ty con/liên kết có đóng góp tài chính

Mặc dù sở hữu danh mục đầu tư rộng, nhưng Tổng Công ty lại chỉ nhận được nguồn lợi tài chính rõ ràng từ Công ty con là Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade (Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) và hai Công ty liên kết là FrieslandCampina Việt Nam (kinh doanh sữa và nước giải khát) và Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương. Các đơn vị này có hoạt động tương đối hiệu quả và chia cổ tức đều đặn về Công ty mẹ.

Trong khi đó, các đơn vị được đánh giá có tiềm năng sinh lời cao như YCH-Protrade (logistics) và Bệnh viện Quốc tế Hạnh Phúc (Dịch vụ y tế) lại nằm ngoài quyền kiểm soát chiến lược. Điều này khiến Công ty mẹ không thể tác động tới hoạt động kinh doanh, định hướng phát triển hay khai thác triệt để lợi thế nội tại của các doanh nghiệp này.

Gánh nặng từ các Công ty hoạt động kém hiệu quả

Một số Công ty con như Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ, Công ty Cổ phần Tân Thành và Công ty Cổ phần Hưng Vượng đang hoạt động kém hiệu quả, liên tục thua lỗ. Các Công ty này hoạt động trong lĩnh vực bất động sản, dịch vụ golf và sản xuất gỗ - những ngành đang gặp nhiều rủi ro do biến động thị trường, chi phí duy trì cao và khó khăn trong thu hút khách hàng hoặc nhà đầu tư.

Không những không tạo ra dòng tiền, các Công ty này còn làm giảm giá trị hợp nhất và gây áp lực tài chính cho Công ty mẹ. Bên cạnh đó, việc Công ty mẹ không có quyền điều hành trực tiếp khiến việc xử lý tái cơ cấu, cắt lỗ hay điều chỉnh chiến lược gặp nhiều rào cản, dẫn đến tình trạng đầu tư bị "mắc kẹt".

b. Bối cảnh thị trường và tác động từ việc sáp nhập hành chính

Cơ hội từ việc sáp nhập hành chính tỉnh Bình Dương cũ vào TP. Hồ Chí Minh

Việc sáp nhập hành chính tỉnh Bình Dương cũ vào TP. Hồ Chí Minh mở ra nhiều cơ hội mới cho doanh nghiệp tại địa phương, bao gồm cả Tổng Công ty:

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông, logistics sẽ được đầu tư nâng cấp, giúp doanh nghiệp dễ dàng kết nối với trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước.
- Gia tăng cơ hội thu hút đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là các ngành công nghiệp phụ trợ, dịch vụ cao cấp như y tế, logistics, giáo dục.
- Giá trị bất động sản tại các khu vực công nghiệp, dịch vụ tại Bình Dương có thể gia tăng đáng kể nhờ được tích hợp vào quy hoạch phát triển TP. Hồ Chí Minh.

Thách thức kèm theo

Bên cạnh các cơ hội, việc sáp nhập này cũng kéo theo những thách thức lớn:

- Gia tăng mức độ kiểm soát hành chính, yêu cầu tuân thủ pháp lý, thuế, quy hoạch chặt chẽ hơn.
- Các mô hình dịch vụ đặc thù như sân golf, khai thác tài nguyên có thể bị rà soát, hạn chế cấp phép mới hoặc điều chỉnh quy hoạch.
- Các doanh nghiệp có mô hình hoạt động kém hiệu quả hoặc không rõ ràng về định hướng chiến lược dễ bị loại khỏi dòng chảy phát triển mới.

c. Nhận định tổng thể về thực trạng Tổng Công ty

Điểm mạnh:

- Có danh mục đầu tư đa dạng với sự hiện diện trong nhiều ngành có tiềm năng như y tế, logistics và bất động sản.
- Sở hữu các liên kết chiến lược với các đối tác lớn và có năng lực tài chính vững mạnh như FrieslandCampina, YCH, Ascendas.
- Có vị trí địa lý chiến lược, nằm trong vùng động lực phát triển công nghiệp phía Nam.

Điểm yếu và thách thức lớn nhất:

- Cấu trúc tổ chức phức tạp, thiếu liên kết ngành và khả năng điều hành tập trung.
- Phụ thuộc vào một số ít nguồn thu nhập trong khi các khoản đầu tư khác lại không sinh lợi hoặc khó kiểm soát.
- Khó tận dụng hiệu quả cơ hội thị trường do không có quyền quyết định trong các đơn vị quan trọng.
- Gánh nặng từ các khoản đầu tư thua lỗ kéo dài mà không có chiến lược xử lý triệt để.

Định hướng và giải pháp khuyến nghị

Xây dựng kế hoạch tái cấu trúc toàn diện danh mục đầu tư, tập trung rà soát các Công ty không hiệu quả, xem xét thoái vốn hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu.

Tái cơ cấu chiến lược đầu tư theo hướng hình thành cụm ngành có tính bổ trợ, ví dụ: logistics - công nghiệp phụ trợ - bất động sản khu công nghiệp.

Tăng cường đàm phán với các Công ty liên kết hiệu quả nhằm nâng cao quyền kiểm soát, hoặc đẩy mạnh hợp tác chiến lược theo chiều sâu.

Chuẩn bị lộ trình thích nghi với yêu cầu pháp lý và quy hoạch mới trong bối cảnh sáp nhập hành chính, chủ động tận dụng xu thế hội nhập vùng TP. Hồ Chí Minh.

6.2. Thực trạng nền kinh tế Việt Nam

Nền kinh tế Việt Nam năm 2025 duy trì đà tăng trưởng tích cực với GDP tăng 8,02% so với năm trước - vượt mục tiêu Quốc hội đề ra. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát (CPI tăng 3,31%), các cân đối lớn được đảm bảo và an sinh xã hội được duy trì, góp phần đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới.

Thành tựu:

- Các quý tăng trưởng liên tục: QI 7,05%, QII 8,16%, QIII 8,25%, QIV 8,%.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9,2%, với nhiều ngành trọng điểm như dệt may, da giày, sản phẩm cao su, điện tử có tốc độ phát triển mạnh.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 8,4% trong quý IV; các ngành vận tải và dịch vụ liên quan cũng đạt mức tăng trưởng ấn tượng.
- Du lịch là điểm sáng với khách quốc tế cả năm đạt gần 21,2 triệu lượt (tăng 20,4% so với năm trước).
- Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 12,1%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt mức cao nhất từ trước đến nay (27,62 tỷ USD).
- Kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 930,05 tỷ USD với xuất khẩu tăng 17,0% và cán cân thương mại xuất siêu 20,03 tỷ USD.

Hạn chế:

- Tiêu dùng nội địa hồi phục nhưng chưa đạt mức trước Covid-19.
- Hơn 100 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và gần 226 nghìn doanh nghiệp rút lui cho thấy khó khăn vẫn còn tồn tại.
- Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện thấp, ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư công.
- Chi phí sản xuất đầu vào cao gây áp lực cho doanh nghiệp.
- Du lịch quốc tế chưa đạt mục tiêu đề ra.

Tóm lại, dù đối mặt với một số hạn chế, nền kinh tế Việt Nam năm 2025 vẫn ghi nhận những thành tựu ấn tượng với đà tăng trưởng mạnh mẽ và sự ổn định của kinh tế vĩ mô, góp phần đưa đất nước tiến gần hơn tới vị thế của quốc gia tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Các cơ hội đầu tư chịu ảnh hưởng của 3 yếu tố: Xu hướng toàn cầu; Chính sách quốc gia; Đặc thù khu vực.

6.3. Xu hướng toàn cầu

Chuyển đổi số và đổi mới công nghệ:

- Các nền kinh tế trên thế giới đang trải qua quá trình **chuyển đổi số mạnh mẽ**, với việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và Internet vạn vật vào sản xuất và dịch vụ.
- Xu hướng này không chỉ giúp tăng cường năng suất mà còn tạo ra **cơ hội phát triển các ngành công nghệ cao**, mở ra thị trường mới cho các sản phẩm sáng tạo và dịch vụ số.

Đa dạng hóa chuỗi cung ứng và hội nhập kinh tế:

- Sau những gián đoạn do đại dịch và căng thẳng thương mại (như cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung), nhiều doanh nghiệp tìm cách **đa dạng hóa chuỗi cung ứng** để giảm thiểu rủi ro.
- Các quốc gia có môi trường đầu tư thuận lợi và chi phí sản xuất cạnh tranh, như Việt Nam, được hưởng lợi khi trở thành **điểm đến thay thế cho các chuỗi cung ứng truyền thống**.

Phát triển bền vững và chuyển đổi năng lượng:

- Áp lực về biến đổi khí hậu thúc đẩy các chính phủ và doanh nghiệp hướng tới **phát triển xanh**, năng lượng sạch và sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn.
- Điều này tạo ra nhu cầu đầu tư vào các **công nghệ xanh**, năng lượng tái tạo và cải thiện quản lý môi trường, góp phần định hình lại chiến lược phát triển kinh tế toàn cầu.

Chủ nghĩa bảo hộ và biến động thương mại:

- Căng thẳng thương mại giữa các cường quốc kinh tế đã dẫn đến việc một số quốc gia áp dụng các biện pháp bảo hộ, gây ra sự không ổn định trên thị trường quốc tế.
- Sự thay đổi trong các chính sách thương mại có thể ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư, giá cả hàng hóa và mức độ hội nhập kinh tế của các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

6.4. Chính sách quốc gia

Chính sách hội nhập và mở cửa thị trường:

- Việt Nam đã tham gia và ký kết **nhiều hiệp định thương mại tự do** (FTA) với các đối tác khu vực và toàn cầu.
- Chính sách mở cửa đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc **thu hút FDI** và thúc đẩy xuất khẩu, đặc biệt trong bối cảnh các doanh nghiệp thế giới tìm kiếm địa điểm thay thế cho Trung Quốc.

Đổi mới, chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh:

- Chính phủ đẩy mạnh các chính sách nhằm **chuyển đổi số** trong quản lý nhà nước và doanh nghiệp, tạo nền tảng cho sản xuất công nghệ cao.
- Các **chính sách hỗ trợ nghiên cứu - phát triển - đào tạo** được tăng cường, góp phần hình thành nguồn nhân lực chất lượng, đáp ứng nhu cầu sản xuất và hệ sinh thái sáng tạo mạnh mẽ.

Đầu tư cơ sở hạ tầng và cải cách hành chính:

- Đầu tư vào giao thông, cảng biển, sân bay và **hệ thống logistics** nhằm nâng cao khả năng kết nối nội địa và quốc tế, là mục tiêu trọng điểm trong các chương trình phát triển kinh tế.
- **Cải cách hành chính**, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cải thiện môi trường đầu tư được thực hiện đồng bộ, tạo ra niềm tin cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Chính sách phát triển bền vững

- Các chính sách bảo vệ môi trường, phát triển **năng lượng sạch** và ứng phó với biến đổi khí hậu đang được ưu tiên, nhằm đảm bảo phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ tài nguyên và môi trường.

6.5. Đặc thù khu vực

Vị trí chiến lược và hệ thống giao thông hiện đại:

- Miền Nam, đặc biệt là TP. Hồ Chí Minh và các khu vực lân cận, được xem là cửa ngõ giao thương của cả nước với hệ thống cảng biển, sân bay và đường bộ phát triển.
- Điều này giúp khu vực nhanh chóng tiếp cận các thị trường quốc tế và thu hút dòng vốn FDI.

Nền kinh tế đa dạng và năng động:

- Miền Nam có sự đa dạng về ngành nghề từ sản xuất công nghiệp, chế biến - chế tạo, thương mại, dịch vụ, đến công nghệ thông tin và du lịch.

- Sự linh hoạt và năng động của các doanh nghiệp ở đây giúp khu vực dễ dàng thích ứng với biến động từ thị trường toàn cầu.

Hệ sinh thái doanh nghiệp và khởi nghiệp phát triển:

- TP. Hồ Chí Minh và các đô thị lân cận là trung tâm của các hoạt động kinh doanh sáng tạo, có nhiều trung tâm đổi mới sáng tạo và chương trình hỗ trợ khởi nghiệp.
- Nguồn nhân lực trẻ, trình độ chuyên môn cao và mối liên kết chặt chẽ với các trường đại học, viện nghiên cứu tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các ngành công nghệ và dịch vụ.

Chính sách hỗ trợ và ưu đãi địa phương:

- Các xã, phường, thành phố ở Miền Nam đang tích cực triển khai các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường kinh doanh.
- Sự hỗ trợ từ cấp địa phương kết hợp với các chính sách quốc gia tạo nên một hệ thống ưu đãi cạnh tranh, thu hút vốn đầu tư và chuyển giao công nghệ.

6.6. Các lĩnh vực đầu tư triển vọng

Các lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao phản ánh sự kết hợp giữa **xu hướng toàn cầu** (chuyển đổi số, đa dạng hóa), **chính sách quốc gia** (ưu tiên năng lượng sạch, đào tạo nghề), và **lợi thế địa phương** (vị trí địa lý, nguồn lao động). Để tối ưu hóa cơ hội, doanh nghiệp cần kết hợp đầu tư công nghệ, hợp tác đa ngành, và tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững.

Công nghệ cao và chuyển đổi số:

- **Toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0**: Xu hướng tự động hóa, AI, và IoT đang định hình lại nền sản xuất toàn cầu. Việt Nam, đặc biệt là Miền Nam, trở thành trung tâm sản xuất công nghệ cao nhờ lao động trẻ và chi phí cạnh tranh.
- **Chính sách hỗ trợ**: Chính phủ thúc đẩy chương trình "Chuyển đổi số quốc gia đến 2025" và "Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp 4.0", tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư công nghệ.
- **Nhu cầu nội địa**: Sự bùng nổ của thương mại điện tử (Shopee, Lazada) và dịch vụ số (VNG, MoMo) thúc đẩy hạ tầng CNTT.

Logistics và chuỗi cung ứng:

- **Vị trí địa lý chiến lược**: Miền Nam là cửa ngõ kết nối Biển Đông với Campuchia, Thái Lan, và Lào. Các cảng biển lớn (Cái Mép - Thị Vải) và sân bay quốc tế (Long Thành) đang được mở rộng.
- **Bùng nổ thương mại điện tử**: Theo Bộ Công Thương, thị trường TMĐT Việt Nam tăng trưởng 20–25%/năm, đòi hỏi hệ thống logistics hiện đại.
- **Hiệp định thương mại tự do (FTA):** EVFTA, CPTPP mở rộng thị trường xuất khẩu, yêu cầu chuỗi cung ứng hiệu quả.

Bất động sản công nghiệp và đô thị:

- **Dòng vốn FDI**: Miền Nam thu hút 60–70% tổng FDI cả nước (theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tập trung vào sản xuất và công nghệ, kéo theo nhu cầu nhà xưởng, văn phòng.
- **Đô thị hóa nhanh**: Dân số đô thị Miền Nam dự kiến tăng 3–4%/năm (Tổng cục Thống kê), thúc đẩy phát triển đô thị thông minh và căn hộ cao cấp.

Giáo dục và đào tạo nghề:

- **Chênh lệch cung - cầu lao động**: Theo World Bank, 70% lao động Việt Nam thiếu kỹ năng công nghệ cao. Các khu công nghiệp Miền Nam cần nhân lực lành nghề.
- **Chính sách quốc gia**: Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến 2030" và hợp tác với doanh nghiệp (MOU giữa Bosch và ĐH Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh).

Du lịch và dịch vụ:

- **Phục hồi sau đại dịch**: Lượng khách quốc tế đến Việt Nam năm 2025 tăng 20,4% so với 2024 (Tổng cục Du lịch), tập trung vào du lịch sinh thái và di sản.
- **Chính sách mở cửa**: Visa điện tử và mở rộng đường bay quốc tế (Vietjet, Vietnam Airlines) thu hút khách châu Âu và ASEAN.

Năng lượng tái tạo:

- **Áp lực giảm phát thải**: Cam kết Net Zero của Việt Nam tại COP26 (2050) buộc chuyển dịch từ nhiên liệu hóa thạch sang năng lượng sạch.
- **Nhu cầu điện tăng**: Theo Bộ Công Thương, nhu cầu điện tăng 8–10%/năm, đặc biệt tại các khu công nghiệp Miền Nam. Điện mặt trời và gió là giải pháp bền vững.
- **Ưu đãi đầu tư**: Cơ chế giá FIT (Feed-in Tariff) và ưu đãi thuế cho dự án năng lượng tái tạo.

Tóm lại, các lĩnh vực đầu tư triển vọng được thúc đẩy bởi xu hướng toàn cầu, chính sách quốc gia và lợi thế địa phương. Doanh nghiệp cần tập trung đầu tư công nghệ, hợp tác đa ngành và tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững để tận dụng tối đa cơ hội phát triển.

6.7. Định hướng chiến lược ngành phù hợp với Tổng Công ty

Tổng quan tình hình nội tại:

Hoạt động của Tổng Công ty hiện phụ thuộc vào các Công ty con và liên kết, nhưng thiếu tính bổ trợ lẫn nhau, dẫn đến dàn trải, không tạo ra sức mạnh tổng hợp ngành. Một số mảng có hiệu quả thấp hoặc thua lỗ kéo dài như gỗ, giấy, sân golf. Tình trạng thiếu quyền kiểm soát ở nhiều Công ty con, kể cả khi có tỷ lệ sở hữu lớn, gây khó khăn trong điều hành và hợp nhất lợi nhuận.

Tuy nhiên, tài sản đất đai, quỹ đất khu công nghiệp và vị trí địa lý là lợi thế chiến lược lớn của Tổng Công ty. Bối cảnh sáp nhập hành chính Bình Dương - TP. Hồ Chí Minh là cơ hội "vàng" để tái cấu trúc, định vị lại vai trò Tổng Công ty trong hệ sinh thái đô thị - công nghiệp vùng TP. Hồ Chí Minh mở rộng.

Đề xuất ngành chiến lược nên tập trung

1. Bất động sản đô thị tích hợp

Vì sao phù hợp?

- Bình Dương đang đô thị hóa mạnh - khi nhập vào TP. Hồ Chí Minh sẽ kích hoạt nhu cầu nhà ở, thương mại - dịch vụ cao cấp.
- Có thể tận dụng quỹ đất hiện hữu tại sân golf, các dự án BĐS đang "nằm yên" để tái quy hoạch thành khu đô thị thông minh, đô thị vệ tinh theo quy hoạch vùng TP. Hồ Chí Minh.

Định hướng triển khai:

- Tái cấu trúc các dự án bất động sản hiện tại, tìm đối tác chiến lược đầu tư (joint venture) hoặc chuyển mục đích sử dụng.
- Kết nối phát triển với quy hoạch giao thông vùng: cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Chơn Thành, đường Vành Đai 3, tuyến metro Bình Dương.

2. Phát triển kho/xưởng đa tầng (multi-storey) & kho thông minh

Hướng đi này tập trung chuyển dịch mô hình hoạt động của Công ty từ việc cho thuê đất thuần tuý sang khai thác giá trị gia tăng trên mỗi mét vuông tài sản, thông qua phát triển dịch vụ hạ tầng – kho bãi. Đây là chiến lược giúp tăng biên lợi nhuận, ổn định dòng tiền và giảm phụ thuộc vào quỹ đất mới.

Vì sao phù hợp?

- Tối ưu hoá hiệu suất sử dụng đất: Tăng hệ số sử dụng đất bằng cách mở rộng diện tích sàn gia tăng doanh thu/m^2 đất trên quỹ đất hữu hạn của KCN.
- Tạo danh mục tài sản sinh lợi lâu dài: Chuyển từ thu nhập 1 lần (bán đất/cho thuê dài hạn) sang thu nhập định kỳ từ tài sản xây dựng và dịch vụ.

Định hướng triển khai:

- Kết cấu xưởng/kho đa tầng, tích hợp:
- Thang nâng công nghiệp tải trọng lớn, đường dốc lên tầng cho xe tải nhẹ.
- Sàn chịu tải cao (2–3 tấn/m^2), phù hợp thiết bị điện tử, logistics, phụ trợ công nghiệp.
- Kho thông minh ứng dụng công nghệ:
- Hệ thống quản lý kho (WMS) kết nối thời gian thực.
- Cảm biến IoT theo dõi nhiệt độ – độ ẩm – rung – an ninh.
- Tự động hoá các quy trình nhập – xuất – lưu trữ, giúp khách thuê giảm chi phí logistics và lao động.

Khách thuê mục tiêu / thị trường trọng tâm:

- Logistics đô thị và thương mại điện tử: nhu cầu tăng mạnh, đặc biệt tại Bình Dương – TP.HCM với mật độ tiêu dùng cao.
- Doanh nghiệp sản xuất giá trị cao: thiết bị điện tử, phụ tùng chính xác, dược phẩm – các ngành yêu cầu môi trường kiểm soát tốt.
- Doanh nghiệp muốn mở rộng nhanh nhưng không đầu tư CAPEX lớn → kho/xưởng đa tầng là giải pháp hiệu quả.

3. Phát triển dự án nhà ở thương mại trên quỹ đất sạch quy mô nhỏ (2–3 ha)

Lợi thế chiến lược

- Không vướng giải phóng mặt bằng: đất đã hoàn tất bồi thường, có giấy tờ pháp lý đầy đủ → rút ngắn 50–70% thời gian chuẩn bị dự án.
- Quy mô nhỏ nhưng hiệu quả: phù hợp năng lực tài chính hiện tại; dễ huy động vốn, dễ xoay vòng dòng tiền.
- Thị trường hấp thụ nhanh: dự án 1–2 block ~ 500–1.000 căn hộ dễ bán, không rủi ro tồn kho.

Tiêu chí lựa chọn

- Gần đường trục chính của Bình Dương – TP.HCM hoặc sát các KCN lớn.
- Quy hoạch cho phép phát triển đất ở đô thị / hỗn hợp / thương mại.
- Chủ đất đã có hồ sơ pháp lý rõ ràng, hạn chế tranh chấp.

Mô hình triển khai "nhẹ tài sản" – không đòi hỏi năng lực xây dựng nội bộ

- Công ty không cần phát triển đội ngũ xây dựng mà tập trung vào vai trò chủ đầu tư – pháp lý – quản lý vốn:
- Thuê tư vấn thiết kế
- Thuê tổng thầu xây dựng
- Bán hàng qua đại lý phân phối (không cần đội bán hàng lớn).
- Công ty tập trung vào 3 mảng chính: Sở hữu đất sạch; Kiểm soát pháp lý dự án; Quản trị tài chính & phương án kinh doanh

Kết luận:

Ba định hướng chiến lược được đề xuất – (1) bất động sản đô thị tích hợp, (2) kho/xưởng đa tầng & kho thông minh, và (3) phát triển dự án nhà ở thương mại trên quỹ đất sạch – đều xuất phát từ việc nhận diện đúng nội lực, hạn chế và thời cơ mang tính bước ngoặt của Tổng Công ty.

Trong bối cảnh hệ sinh thái các công ty con hiện nay phân tán, thiếu liên kết và hiệu quả chưa cao, việc tái tập trung vào những lĩnh vực **gắn với tài sản cốt lõi là đất đai – công nghiệp – đô thị** sẽ giúp Tổng Công ty hình thành một trục tăng trưởng mới có tính đồng bộ và bền vững hơn. Các ngành này không chỉ tận dụng tối đa lợi thế về vị trí địa lý, quỹ đất và kinh nghiệm vận hành KCN, mà còn phù hợp với xu thế phát triển vùng sau khi Bình Dương sáp nhập vào TP. Hồ Chí Minh – nơi nhu cầu về công nghiệp công nghệ cao, logistics, đô thị thông minh và nhà ở thương mại đều đang tăng mạnh.

Việc lựa chọn ba hướng chiến lược trên sẽ giúp Tổng Công ty:

- **Tập trung nguồn lực**, tránh dàn trải và loại bỏ các ngành không còn hiệu quả;
- **Tạo chuỗi giá trị thống nhất**, kết nối giữa đất công nghiệp – logistics – đô thị;
- **Tăng biên lợi nhuận và dòng tiền ổn định**, thay thế mô hình phụ thuộc vào cho thuê đất truyền thống;
- **Nâng tầm vai trò của Tổng Công ty** trong hệ sinh thái công nghiệp – đô thị vùng TP. Hồ Chí Minh mở rộng.

Nhờ vậy, Tổng Công ty không chỉ tái cấu trúc được các hoạt động hiện tại mà còn xây dựng được nền tảng chiến lược vững chắc, hướng tới mô hình tập đoàn phát triển bất động sản công nghiệp – đô thị – logistics hiện đại, phù hợp tầm nhìn dài hạn và xu thế khu vực.

7. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CHO CÔNG TY CON

Danh sách các Công ty con:

STT	Tên Công ty con	Ngành nghề chính	Vốn đầu tư (VNĐ)	Quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Trồng, khai thác, chế biến mủ cao su	392.565.574.329	51%	Trình bày
2	Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	511.397.354.195	100%	Trình bày
3	Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé	Kinh doanh dịch vụ golf	915.047.144.712	100%	Trình bày

4	Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	Kinh doanh thương mại	17.597.456.293	62,68%	Trình bày
5	KP Apparell Manufacturing Co., Ltd	Sản xuất hàng sợi, vải, may mặc	62.138.569.749	100%	Không trình bày do sắp giải thể
6	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ giấy	84.522.691.475	100%	Không trình bày do sắp giải thể

7.1. Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào

Tỷ giá:

Tài sản dài hạn trong quá khứ giảm mạnh chủ yếu do ảnh hưởng của chuyển đổi báo cáo từ đơn vị tiền tệ Lào sang VND. Trong 1 năm gần đây tỷ giá Lào tương đối ổn định do đó giả định bỏ qua ảnh hưởng của biến động tỷ giá, dẫn đến tài sản dài hạn sẽ giảm tương ứng chi phí khấu hao. Giả định không đổi từ 2025.

Tài sản, nguồn vốn:

Tổng tài sản dự kiến biến động tăng mỗi năm tương ứng lợi nhuận giữ lại.

Vốn chủ sở hữu xác định tăng tương ứng phần lợi nhuận của năm trước giữ lại.

Nợ phải trả năm đầu tiên giảm tương ứng phần gốc vay chưa trả, các năm sau xác định bằng tổng tài sản - vốn chủ sở hữu.

Giả định khác:

Từ năm 2025, không phát sinh chi phí lãi vay.

Phần tài sản ngắn hạn tăng thêm so với năm 2023 giả định gửi ngân hàng với lãi suất 6%/năm.

Mức cổ tức chi trả cho Tổng Công ty từ năm 2026 đến 2030 là **17,7 tỷ đồng (tương ứng 5% vốn điều lệ)**.

7.2. Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade

Tài sản, nguồn vốn:

Tài sản ngắn hạn chủ yếu là tài sản cố định và bất động sản đầu tư giả định tăng trưởng 2,5% mỗi năm. Tài sản dài hạn dự báo giảm 5% mỗi năm tương ứng chi phí khấu hao.

Vốn chủ sở hữu xác định bằng số dư năm trước cộng với phần lợi nhuận giữ lại sau khi đã chia cổ tức.

Doanh thu, lợi nhuận:

Theo kế hoạch, từ 2026 - 2030 mỗi năm cho thuê 3ha. Cơ bản là đã hết quỹ đất cho thuê. Dự án mới cho thuê từ năm 2029 với tổng diện tích cho thuê là 54ha. Giả định diện tích đất cho thuê của dự án mới này không có các vướng mắc về pháp lý.

Doanh thu năm 2030 ước tính đạt **369,4 tỷ đồng**. Lợi nhuận sau thuế đạt **190,3 tỷ đồng**. Lợi nhuận nộp về Tổng Công ty đạt **177,7 tỷ đồng**.

Giả định khác:

Chi phí tài chính phát sinh các năm không đáng kể nên giả định bằng 0.

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ 2007 và thuế suất 20% cho thời gian còn lại.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm từ năm 2015 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade hầu như không trích Quỹ đầu tư phát triển. Toàn bộ lợi nhuận giả định nộp về Công ty mẹ (Tổng Công ty)

7.3. Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé

Tài sản, nguồn vốn:

Do Sông Bé hoạt động chủ yếu từ khai thác sân Golf do đó cơ cấu tổng tài sản dự kiến ít có biến động, giả định tỷ lệ tăng trưởng tổng tài sản là 1%/năm.

Đối với tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định, dự kiến mỗi năm giảm tương ứng với chi phí khấu hao, giả định đều từ năm 2025.

Vốn chủ sở hữu xác định bằng số dư năm trước cộng với phần lợi nhuận giữ lại sau khi đã chia cổ tức.

Giai đoạn 2027-2029 dự kiến sẽ giải ngân **1.000 tỷ** cho dự án phát triển khu thương mại - dịch vụ - đô thị tại Sân golf Sông Bé. Nguồn vốn dự kiến bao gồm: **230 tỷ** từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, **70 tỷ** từ các khoản phải thu cho vay, **250 tỷ** từ góp vốn công ty mẹ, **450 tỷ** từ vốn vay với lãi suất 12%/năm. Chi phí lãi vay phát sinh trong giai đoạn đầu tư sẽ vốn hóa vào giá trị tài sản dài hạn.

Tài sản ngắn hạn và dài hạn tăng thêm từ đầu tư dự án giả định theo tỷ lệ 20:80.

Doanh thu, lợi nhuận:

Tổng doanh thu ước tính năm 2030 đạt **251,7 tỷ đồng**. Lợi nhuận sau thuế đạt **18,6 tỷ đồng.**

Giả định khác:

Tỷ lệ trích quỹ Khen thưởng phúc lợi dự kiến là 20% lợi nhuận.

Tỷ lệ trích quỹ Đầu tư phát triển dự kiến là 30% lợi nhuận, phần còn lại chia cổ tức.

7.4. Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An

Tổng Công ty dự kiến thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An vào cuối năm 2029.

Tài sản, nguồn vốn:

Tài sản ngắn hạn dự báo ổn định và tăng trưởng 1%/năm.

Tài sản dài hạn chủ yếu là chi phí sửa chữa, giả định phân bổ 2 năm, tăng trưởng 40% tại năm phát sinh và phân bổ 20% trong 2 năm tiếp theo.

Vốn chủ sở hữu biến động tương ứng lợi nhuận sau thuế và tình hình phân chia lợi nhuận của năm.

Doanh thu, lợi nhuận:

Doanh thu bán hàng giai đoạn 2020-2025 biến động bất thường. Giả định sẽ tăng trưởng trở lại trong các năm tiếp theo 5-10%. Doanh thu cho thuê ước tính tăng trưởng đều 5%/năm.

Tổng doanh thu ước tính năm 2029 đạt **298 tỷ đồng**. Lợi nhuận sau thuế đạt **2,3 tỷ đồng**, Chia cổ tức cho Tổng Công ty đạt **1,2 tỷ đồng**.

Giả định khác:

Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi 20%.

Giả định không trích quỹ đầu tư phát triển.

8. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CHO CÔNG TY LIÊN KẾT

Dựa vào tình hình tài chính và các giả định hiện tại, chỉ có 2 Công ty liên kết đủ khả năng tạo ra thặng dư lợi nhuận và chi trả cổ tức về cho Tổng Công ty là Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam và Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương. Do vậy chỉ trình bày định hướng tăng trưởng của 2 Công ty này.

8.1. Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam:

Doanh số giả định tăng trưởng 10% hằng năm. Doanh thu năm 2030 ước tính đạt **5.269 tỷ đồng**.

Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu ước tính là 2,7%. Lợi nhuận ước tính 2030 đạt **143,7 tỷ đồng**.

Tỷ lệ cổ tức trên lợi nhuận năm trước giả định là toàn bộ lợi nhuận. Theo đó mức chia cho Tổng tông ty (sở hữu 30%) năm 2030 ước tính là **39,2 tỷ đồng**.

8.2. Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương:

Doanh số giả định tăng trưởng 5% hằng năm. Doanh thu năm 2030 ước tính đạt **2.153,9 tỷ đồng**.

Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu giả định là 6,4%. Lợi nhuận ước tính 2030 đạt **137,6 tỷ đồng**.

Tỷ lệ chia cổ tức giả định là 30%. Theo đó mức chia cho Tổng công ty năm 2030 ước tính là **35,5 tỷ đồng**.

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 17/TTr-HĐQT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026.

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CTCP.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("Tổng Công ty") được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/10/2018 và được bổ sung lần thứ 2 ngày 29/4/2024;

- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 05/6/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP;

- Căn cứ nhu cầu sắp xếp, thay đổi trụ sở hoạt động của Tổng Công ty.

Trên cơ sở nhu cầu sắp xếp, hoàn trả địa điểm trụ sở hiện hữu cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương **("Công ty IMPCo")** theo định hướng quản lý, sử dụng tài sản trong hệ thống, đồng thời chủ động bố trí, ổn định địa điểm trụ sở mới phù hợp với nhu cầu hoạt động và định hướng phát triển trong giai đoạn tới, Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP **("Tổng Công ty")** nhận thấy việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính là cần thiết.

Đồng thời, để bảo đảm tính thống nhất giữa hồ sơ pháp lý và thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định hiện hành, việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính cần được thực hiện đồng bộ với việc sửa đổi nội dung tương ứng trong Điều lệ Công ty.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, cụ thể:

Địa chỉ hiện tại: A.128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa chỉ sau khi thay đổi: 77 Đại lộ Bình Dương, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính làm phát sinh nhu cầu sửa đổi nội dung tương ứng tại Điều lệ Tổng Công ty. Nội dung sửa đổi Điều lệ được thực hiện đồng bộ theo Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, cập nhật hồ sơ pháp lý và thực hiện các công việc liên quan theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN AN ĐỊNH

TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----------	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 18./TTr-HĐQT	----------
	Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**
TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 ("Luật Doanh nghiệp");

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 ("Luật Chứng khoán");

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

*- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("**Tổng Công ty**") được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/10/2018 và được bổ sung lần thứ 2 ngày 29/4/2024;*

- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 05/06/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty;

- Căn cứ Đơn đề nghị về việc xin thôi tham gia thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP đề ngày 20/5/2026 của Ông Nguyễn Văn Thiền – Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP;

- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm vị trí Trưởng Ban kiểm soát Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP đề ngày 26/5/2026 của Ông Nguyễn Ngọc Trường Long – Trưởng Ban kiểm soát Tổng Công ty;

- Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024–2029 với các nội dung như sau:

I. MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 26/5/2026, Tổng Công ty nhận được Đơn đề nghị xin thôi tham gia Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Văn Thiền – Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty nhiệm

kỳ 2024–2029.

Theo nội dung đơn đề nghị, vì lý do cá nhân, Ông Nguyễn Văn Thiền đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận việc thôi tham gia Hội đồng quản trị Tổng Công ty theo quy định.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp năm 2020, thành viên Hội đồng quản trị được miễn nhiệm trong trường hợp có đơn từ chức và được chấp thuận.

Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024–2029 đối với Ông Nguyễn Văn Thiền kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông thông qua.

II. MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày 27/5/2026, Tổng Công ty nhận được Đơn xin từ nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát của Ông Nguyễn Ngọc Trường Long – Trưởng Ban kiểm soát Tổng Công ty nhiệm kỳ 2024–2029.

Theo nội dung đơn từ nhiệm, sau khi rà soát quy định pháp luật hiện hành, Ông Nguyễn Ngọc Trường Long không còn đáp ứng điều kiện tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và đề nghị được từ nhiệm sau khi hoàn thành báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 174 Luật Doanh nghiệp năm 2020, thành viên Ban kiểm soát được miễn nhiệm trong trường hợp có đơn từ chức và được chấp thuận.

Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024–2029 đối với Ông Nguyễn Ngọc Trường Long kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông thông qua.

III. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Nhằm bảo đảm cơ cấu tổ chức, số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và bảo đảm tính ổn định, liên tục trong công tác quản trị, kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu bổ sung:

1. Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024–2029

Số lượng bầu bổ sung: 01 thành viên.

Thông tin nhân sự ứng cử/đề cử sẽ được công bố theo đúng quy định pháp luật và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên được bầu bổ sung sẽ kế thừa phần thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024–2029 của Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024–2029

Số lượng bầu bổ sung: 01 thành viên.

Thông tin nhân sự ứng cử/đề cử sẽ được công bố theo đúng quy định pháp luật và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên được bầu bổ sung sẽ kế thừa phần thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024–2029 của Ban Kiểm soát.

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức thực hiện các thủ tục liên quan đến việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và thực hiện công bố thông tin theo quy định áp dụng đối với công ty đại chúng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban TGĐ;
- Lưu: TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3700148166-C.T.C.P * TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT-XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG CÔNG TY CỔ PHẦN * TP. THUẬN AN-T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN AN ĐỊNH

TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG – CTCP ----------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------
Số: 83/CV-TCTY	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 06 năm 2026*

DANH SÁCH ỨNG VIÊN BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CTCP
NHIỆM KỲ 2024-2029

- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về quy định chi tiết thi hành một số điều luật của chứng khoán.

Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP công bố thông tin ứng cử viên bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029 như sau:

1. Danh sách Ứng cử viên Thành viên Hội đồng Quản trị:

STT	Họ và tên / Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác	Các chức danh quản lý khác	Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty
01	Trần Chiến Công 06/12/1978	Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân Luật	- Từ tháng 03/2004 đến tháng 05/2015: Xí nghiệp cấp nước Dĩ An. - Từ tháng 05/2015 đến nay: Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương. - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước Biwase – Long An.	Số cổ phiếu PRT cá nhân đang nắm giữ: 0 CP.

STT	Họ và tên / Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác	Các chức danh quản lý khác	Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty
				- TV HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng Chánh Phú Hòa. - TV HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2.	

2. Danh sách Ứng cử viên Thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên / Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác	Các chức danh quản lý khác	Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty
01	Trần Ánh Ngọc 26/05/1983	Cử nhân Luật	- Từ tháng 07/2005 đến tháng 04/2021: Bưu điện Tỉnh Bình Dương (cũ). - Từ tháng 04/2021 đến nay: Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương.	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	Số cổ phiếu PRT cá nhân đang nắm giữ: 0 CP.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:
- Công bố thông tin;
- Lưu văn thư

CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT-XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG CÔNG TY CỔ PHẦN

Nguyễn An Định

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 19./TTr-HĐQT	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026.*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua nội dung của Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty

---

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**
TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 ("Luật Doanh nghiệp");

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 ("Luật Chứng khoán");

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP được Chính phủ ban hành và chính thức có hiệu lực từ ngày 11 tháng 09 năm 2025;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("Tổng Công ty") thông qua ngày 29/04/2024;

- Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành của Tổng Công ty;

- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 05/06/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua nội dung của Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty *(Dự thảo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được đính kèm theo Tờ trình này)* cho phù hợp theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và các yêu cầu quản trị, điều hành Tổng Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban TGĐ;
- Lưu: TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3700148166 C.T.C.P TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT-XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG CÔNG TY CỔ PHẦN TP. THUẬN AN T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN AN ĐỊNH

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2026.

QUY CHẾ
Đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ 2024-2029

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 ***("Luật Doanh nghiệp");***

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 ***("Luật Chứng khoán");***

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ***("Tổng Công ty")*** *được thông qua ngày 29/04/2024;*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc, phương thức đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và 01 thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2024-2029 của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

2. Quy chế được áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP *(theo danh sách chốt ngày 19 tháng 05 năm 2026).*

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

1. Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền khi đến tham dự Đại hội đều được nhận một phiếu bầu cử Hội đồng quản trị và một phiếu bầu cử Ban kiểm soát, trên số phiếu ghi rõ số lượng cổ phần mà cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó nắm giữ và số phiếu biểu quyết tương ứng được sử dụng để bầu cử.

2. Cổ đông phải tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Quy chế này, sự hướng dẫn của Ban Bầu cử và Chủ tọa Đại hội.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2024-2029

Điều 3. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung là 01 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị 2024–2029.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT).

Thành viên Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế này, cụ thể:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.

c) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

d) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

e) Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 4. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu bổ sung là 01 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên được bầu bổ sung: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát 2024–2029.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát (BKS).

Thành viên Ban kiểm soát phải thỏa mãn các tiêu chuẩn làm thành viên BKS theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế này, cụ thể:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

c) Các kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

d) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

đ) Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng Công ty; không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty;

e) Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc

chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và phải làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty.

Điều 5. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để ứng cử, đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ (tính đến ngày chốt danh sách cổ đông, ngày 19 tháng 05 năm 2026): từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty cho đến khi đủ số lượng ứng cử viên theo quy định. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.

Điều 6. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên Ban Kiểm soát

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để ứng cử, đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát.

2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ (tính đến ngày chốt danh sách cổ đông, ngày 19 tháng 05 năm 2026): từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty cho đến khi đủ số lượng ứng cử viên theo quy định. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định pháp luật.

Điều 7. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bao gồm:

a) Đơn ứng cử hoặc đơn đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (mẫu số 1, mẫu số 2);

b) Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai có dán ảnh;

c) Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/ Hộ chiếu;

d) Bản sao hợp lệ Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn);

e) Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ học vấn, trình độ chuyên môn;

g) Giấy ủy quyền và/ hoặc biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).

2. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP chậm nhất trước 17 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 06 năm 2026, theo địa chỉ: A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: 0274.3755 243, email: info@protrade.com.vn.

Trường hợp hồ sơ gửi là bản scan thì phải gửi lại bản gốc trước khi đại hội bắt đầu.

Chương III
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2024-2029

Điều 8. Lựa chọn các ứng viên

Chỉ những hồ sơ đề cử, ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện của thành viên HĐQT, BKS thì mới được đưa vào danh sách ứng cử viên tham gia bầu vào HĐQT, BKS công bố tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Dựa trên các đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024-2029 lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu thành viên HĐQT và BKS.

Điều 9. Nguyên tắc bầu cử

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

- Tuân thủ pháp luật hiện hành về doanh nghiệp tại Việt Nam.

- Bảo đảm tính công khai, dân chủ và quyền hợp pháp của tất cả các cổ đông.

Điều 10. Người có quyền bầu cử

Người có quyền bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông là các cổ đông sở hữu cổ phần hoặc người được cổ đông sở hữu cổ phần ủy quyền dự họp (*theo danh sách chốt cổ đông tại ngày 19 tháng 05 năm 2026*) có mặt tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu (quy định tại khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14).

2. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các ứng cử viên thành viên HĐQT, BKS và thông qua các thủ tục bầu cử, mỗi cổ đông tham dự đại hội sẽ được Ban tổ chức phát 02 phiếu bầu: một phiếu bầu thành viên HĐQT, một phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông có trách nhiệm kiểm tra thông tin trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải báo cáo ngay cho Ban tổ chức.

3. Trên phiếu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự A, B, C; mã cổ đông, số cổ phần sở hữu/hoặc đại diện, số cổ phiếu biểu quyết, có đóng dấu treo của Tổng Công ty.

4. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cổ phần do chính mình sở hữu và cổ phần được ủy quyền sở hữu) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, cụ thể theo công thức sau:

a) Bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Tổng số phiếu biểu quyết	=	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	x	Số thành viên được bầu của HĐQT

b) Bầu thành viên Ban kiểm soát.

Tổng số phiếu biểu quyết	=	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	x	Số thành viên được bầu của BKS

5. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên với điều kiện tổng số phiếu bầu cho (các) ứng viên đó không được cao hơn tổng số phiếu bầu mà mình có.

(Chi tiết quy định cụ thể tại Hướng dẫn ghi phiếu bầu cử)

Điều 12. Ban Bầu cử

1. Ban Bầu cử.

a) Ban Bầu cử có 05 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 04 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Đại hội.

b) Thành viên Ban Bầu cử không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS.

2. Ban Bầu cử phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.

3. Ban Bầu cử có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên HĐQT, BKS.

b) Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế bầu cử, thể lệ bầu cử.

c) Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu và tổ chức bầu cử cho cổ đông.

d) Phân phát và thu phiếu bầu cử.

e) Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông.

f) Cùng Chủ tọa đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định.

g) Ban Bầu cử chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 13. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

2. Ban Bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

3. Việc kiểm phiếu phải được Ban Bầu cử tiến hành tại phòng kiểm phiếu và ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

Điều 14. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT và BKS quy định.

2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 15. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử phải lập biên bản kiểm phiếu.

2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu);

- Số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống;

- Số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

- Danh sách thành viên HĐQT, BKS trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp.

- Chữ ký của thành viên Ban Bầu cử.

3. Biên bản kiểm phiếu phải được Trưởng ban Bầu cử công bố trước Đại hội.

Điều 16. Quyền chất vấn

Các cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Chủ tọa đại hội, Ban Bầu cử có trách nhiệm giải trình, làm rõ các vấn đề chất vấn của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông và được ghi vào biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc ứng cử, đề cử và bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2024-2029 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

NGUYỄN AN ĐỊNH

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN
Ghi phiếu bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP nhiệm kỳ 2024-2029
(Phương thức bầu dồn phiếu)

1. Loại phiếu bầu cử

- Phiếu bầu HĐQT, BKS

2. Bỏ phiếu

- Bỏ phiếu bầu cử HĐQT, BKS vào thùng phiếu.

3. Ghi Phiếu bầu cử

- Mỗi cổ đông có Tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông đã được ghi trên Phiếu bầu cử.

- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng đảm bảo tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu ghi trên Phiếu bầu cử.

Ví dụ: *Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 09 thành viên vào Hội đồng quản trị trong tổng số 10 ứng viên. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó Tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:*

1.000 x 9 = ***9.000 Phiếu bầu để bầu thành viên Hội đồng quản trị.***

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều Tổng số phiếu bầu của mình cho 9 ứng viên vào Hội đồng quản trị *(tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 1.000 phiếu bầu)*

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng viên 1	1.000
2. Ứng viên 2	1.000
3. Ứng viên 3	1.000
4. Ứng viên 4	1.000
5. Ứng viên 5	1.000
6. Ứng viên 6	1.000
7. Ứng viên 7	1.000
8. Ứng viên 8	0
9. Ứng viên 9	1.000
10. Ứng viên 10	1.000

Tổng số phiếu bầu	**9.000**

Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết Tổng số phiếu bầu của mình cho 1 ứng viên

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng viên 1	0
2. Ứng viên 2	0
3. Ứng viên 3	0
4. Ứng viên 4	9.000
5. Ứng viên 5	0
6. Ứng viên 6	0
7. Ứng viên 7	0
8. Ứng viên 8	0
9. Ứng viên 9	0
10. Ứng viên 10	0
Tổng số phiếu bầu	**9.000**

Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 10 ứng viên nhưng không đều nhau

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng viên 1	500
2. Ứng viên 2	1.000
3. Ứng viên 3	1.000
4. Ứng viên 4	3.000
5. Ứng viên 5	500
6. Ứng viên 6	500
7. Ứng viên 7	500
8. Ứng viên 8	500
9. Ứng viên 9	500
10. Ứng viên 10	1.000
Tổng số phiếu bầu	**9.000**

Trường hợp 4: Cổ đông Nguyễn Văn A không dồn hết phiếu bầu của mình cho các ứng viên

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng viên 1	1.500
2. Ứng viên 2	2.000

3. Ứng viên 3	3.000
4. Ứng viên 4	0
5. Ứng viên 5	0
6. Ứng viên 6	0
7. Ứng viên 7	0
8. Ứng viên 8	0
9. Ứng viên 9	500
10. Ứng viên 10	0
Tổng số phiếu bầu	**7.000**

**** Việc bầu thành viên BKS cũng được thực hiện tương tự như bầu thành viên HĐQT, chỉ khác về số lượng ứng viên và số thành viên chọn vào BKS.***

4. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát hành, không có dấu mộc của Tổng Công ty;

- Phiếu bầu cử bôi xoá, sửa chữa, ghi thêm ứng viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Phiên họp ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu ghi trên phiếu;

- Các trường hợp khác quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử.

TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 20/TTr-HĐQT	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**
TỔNG CÔNG TY SX-XNK BÌNH DƯƠNG - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 ("Luật Doanh nghiệp");

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 ("Luật Chứng khoán");

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

*- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP ("**Tổng Công ty**") được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/10/2018 và được bổ sung lần thứ 2 ngày 29/4/2024;*

- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 05/06/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP;

- Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP.

Nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa Điều lệ Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP **("Tổng Công ty")** với các nội dung được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định tại các Tờ trình thuộc chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, đồng thời cập nhật, hoàn thiện cơ sở pháp lý phục vụ công tác quản trị, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Tổng Công ty.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ bao gồm:

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung phát sinh từ việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty theo Tờ trình số 17/TTr-HĐQT ngày 08/6/2026 về việc thông qua chủ trương thay đổi địa chỉ trụ sở chính;

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung phát sinh từ việc điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh nhằm xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty, đồng thời thực hiện mã hóa ngành, nghề kinh doanh theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác nhằm hoàn thiện cơ chế quản trị, điều hành và bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung được thể hiện tại Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung và Phụ lục các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và giao Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời chủ động rà soát, hoàn thiện câu chữ, đánh số điều khoản, viện dẫn điều luật, cập nhật các thông tin hành chính và thực hiện các thủ tục đăng ký, công bố thông tin theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa Điều lệ Tổng Công ty và các Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban TGĐ;
- Lưu: TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3700148166 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT-XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN AN ĐỊNH

ĐIỀU LỆ

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tp.Hồ Chí Minh, ngày … tháng … năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. NHẬN THỨC TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Cơ quan thường trực Hội đồng quản trị

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 33. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 35. Người điều hành Tổng Công ty

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

Điều 37. Thư ký Tổng Công ty

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

Điều 39. Thành phần Ban kiểm soát

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

Điều 50. Năm tài chính

Điều 51. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 53. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 55. Dấu của doanh nghiệp

XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 56. Giải thể Tổng Công ty

Điều 57. Gia hạn hoạt động

Điều 58. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Điều lệ Tổng Công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 26 tháng 10 năm 2018 và được sửa đổi lần thứ ba theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 29 tháng 06 năm 2026.

I. NHẬN THỨC TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Người đại diện theo pháp luật* là cá nhân đại diện cho Tổng Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng Công ty, đại diện cho Tổng Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Tổng Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công ty;

l) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thông qua;

n) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

o) *Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách* là thành viên Hội đồng quản trị không nắm giữ các chức vụ trong Ban Tổng Giám đốc, làm việc toàn thời gian tại Tổng Công ty;

p) Tổng Công ty là Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP;

q) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty

1. Tên Tổng Công ty :

- Tên tiếng Việt: **Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần**

- Tên tiếng Anh: **Binh Duong Producing and Trading Corporation**

- Tên Công ty viết tắt: **PROTRADE CORP**

2. Tổng Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty là:

Trụ sở chính: 77 Đại lộ Bình Dương, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0274.3755243 – 0274.3755700

Fax: 0274.3755040

Website: www.protrade.com.vn

4. Chi nhánh, văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty. Địa điểm kinh doanh là nơi Tổng Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể. Trên cơ sở mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty trong từng giai đoạn, Tổng Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55, thời hạn hoạt động của Tổng Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

2. Tổng giám đốc;

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho Tổng Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng Công ty, đại diện cho Tổng Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty phải cư trú ở Việt Nam; Và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Tổng Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diiện theo pháp luật của Tổng Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: Ngoài việc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, thì người đại diện theo pháp luật có quyền hạn và nghĩa vụ sau:

+ Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 29 của Điều lệ này;

+ Đối với Tổng giám đốc thực hiện theo khoản 4, Điều 36 của Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty được chia thành 17 nhóm ngành nghề, bao gồm 58 ngành nghề kinh doanh, thể hiện như sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành
A.	**Nhóm ngành nghề hoạt động kinh doanh bất động sản**	**68 (chính)**
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
2.	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản *(trừ dịch vụ đấu giá bất động sản)*	6821
3.	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. Chi tiết: Hoạt động tư vấn và quản lý nhà ở và quyền sử dụng đất ở ; Hoạt động tư vấn và quản lý nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng bất động sản. *(trừ dịch vụ đấu giá bất động sản)*	6829

TT	Tên ngành	Mã ngành
B.	**Nhóm ngành nghề hoạt động xây dựng (Khu công nghiệp)**	**41;42; 43**
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
3.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
4.	Chuẩn bị mặt bằng *(trừ dịch vụ nổ mìn)*	4312
5.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
C.	**Nhóm ngành nghề hoạt động y tế, hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung**	**86; 87**
1.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
2.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
3.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu *(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với NĐTNN).*	8699
4.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
5.	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người khuyết tật trí tuệ, thần kinh, tâm thần và người nghiện	8720
D.	**Nhóm ngành nghề hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí (sân golf)**	**93**
1.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
2.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
E.	**Nhóm ngành nghề sản xuất, chế biến thực phẩm**	**10**
1.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050

TT	Tên ngành	Mã ngành
F.	**Nhóm ngành nghề vận tải, kho bãi**	**49;50;52**
1.	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
2.	Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa (trừ hoạt động bến thuỷ nội địa)	5022
3.	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
G.	**Nhóm ngành nghề sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy**	**17**
1.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
2.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	1702
3.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
H.	**Nhóm ngành nghề sản xuất trang phục**	**13;14**
1.	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
2	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
3.	Sản xuất trang phục đan móc	1430
I.	**Nhóm ngành nghề lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế**	**02;16; 31**
1.	Khai thác gỗ *(trừ Dịch vụ điều tra, đánh giá và khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và săn bắn, đánh bẫy động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).*	0220
2	Khai thác, thu nhặt lâm sản trừ gỗ *(trừ Dịch vụ điều tra, đánh giá và khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và săn bắn, đánh bẫy động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).*	0230

TT	Tên ngành	Mã ngành
3.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
4.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
5.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
6.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ	3101
J.	**Nhóm ngành nghề bán buôn**	**46**
1.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống *(trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải".)*	4620
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình *(trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải".)*	4649
3.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *(trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối: Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải".)*	4679
K.	**Nhóm ngành nghề sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất; sản xuất**	**20; 22**

TT	Tên ngành	Mã ngành
	sản phẩm từ cao su và plastic	
1.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
2.	Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su	2219
L.	**Nhóm ngành nghề nông nghiệp và các hoạt động dịch vụ có liên quan**	**01**
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2.	Trồng cây ăn quả	0121
3.	Trồng cây cao su	0125
4.	Trồng cây lâu năm khác	0129
5.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
M.	**Nhóm ngành nghề khai thác khoáng; sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn**	**08;23; 25**
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
3.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
4.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
5.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
6.	Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
7.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
8.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
9.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
10.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

TT	Tên ngành	Mã ngành
11.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
12.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
N.	**Nhóm ngành nghề sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí**	**35**
1.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	3530
O.	**Nhóm ngành nghề dịch vụ lưu trú**	**55**
1.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
P.	**Nhóm ngành nghề quảng cáo, nghiên cứu thị trường**	**73**
1.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận *(trừ Dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận)).*	7320
Q.	**Nhóm cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình, cho thuê tài sản vô hình phi tài chính**	**77**
1.	Cho thuê xe có động cơ	7710
2.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty là không ngừng đầu tư, phát triển các hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng, sản xuất, thương mại, dịch vụ và các ngành nghề khác như nêu tại khoản 1 Điều 4 ở trên nhằm tối đa hóa lợi ích và nâng cao giá trị của Tổng Công ty trong sự hài hòa lợi ích của các cổ đông; không ngừng nâng cao đời sống, thu nhập và môi trường làm việc của người lao động; đồng thời đảm bảo lợi ích của các bên liên quan khác nhằm hướng đến việc phát triển bền vững và có trách nhiệm.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công ty

Tổng Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Tổng Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba ngàn tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty được chia thành 300.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Tổng Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng Công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Tổng Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Tổng Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng Công ty;

h) Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

n) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 38 Điều lệ này;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Tổng Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Tổng Công ty;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng Công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu

tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng Công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải

bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức trực tiếp hay theo hình thức trực tuyến, hoặc kết hợp cả hai. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có);

Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 03 đến 11 người. Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định số lượng cụ thể cho mỗi nhiệm kỳ sau đó.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành không vượt quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị tại cùng một thời điểm, nhằm đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng Công ty sẽ có một hoặc một vài thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Khi niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Tổng Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư đối với số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty.

f) Quyết định bán tài sản có giá trị từ 3 tỷ đồng trở lên nhưng nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty.

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Thông qua hợp đồng vay, cho vay của Tổng Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc căn cứ đề xuất của Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm,

bãi nhiệm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng căn cứ đề xuất của Tổng Giám đốc; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Tổng Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi bởi khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện những công việc khác mà

theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, tiền lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Trong các trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách được trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc.

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách phải quản lý hoạt động Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú,

bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ

ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm b khoản 6 Điều 44 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

đ) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

16. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Điều 27 của Điều lệ này.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

17. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung được quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Cơ quan thường trực Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thống nhất cử 03 (ba) thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị và 01 (một) Thành viên Hội đồng quản trị khác, để thành lập Cơ quan Thường trực Hội đồng quản trị.

2. Cơ quan Thường trực Hội đồng quản trị có chức năng, nhiệm vụ như sau:

a) Các chủ trương phải được đa số các thành viên trong Thường trực Hội đồng quản trị thống nhất và phê duyệt đối với các hợp đồng mua, bán, và hợp đồng, giao dịch khác có

giá trị từ 03 tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch (i) thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty hoặc Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại (i) Điều lệ Tổng Công ty, (ii) thuộc điểm d khoản 2 Điều 138 và (iii) khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có từ 2/3 tổng số thành viên Thường trực Hội đồng quản trị đồng thuận, trong đó bao gồm ý kiến thống nhất của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thì nội dung được xem là đủ điều kiện thông qua.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hợp đồng, giao dịch, Thường trực Hội đồng quản trị phải có ý kiến. Quá thời hạn nêu trên mà không có ý kiến phản hồi thì được xem là đã thống nhất thông qua nội dung hợp đồng, giao dịch.

b) Quản lý, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác để hoạt động của Tổng Công ty phù hợp pháp luật; phát hiện, cảnh báo sớm các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động tại Tổng Công ty và báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

c) Trong thẩm quyền của Hội đồng quản trị, theo dõi hoạt động tài chính của Công ty để phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tài chính, các Quy chế, văn bản khác trong nội bộ Công ty và báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty nếu phát hiện rủi ro.

Cơ quan Thường trực Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng Quy chế làm việc nhằm xác định rõ phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên, đồng thời quy định cụ thể cơ chế chịu trách nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời là người đại diện theo pháp luật khi tham gia xem xét, cho ý kiến và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Cơ quan Thường trực Hội đồng quản trị.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị khi cần thiết có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chiến lược và quản lý nguồn vốn, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Trưởng tiểu ban phải là thành viên Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty. Tổng Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành Tổng Công ty

1. Người điều hành Tổng Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định..

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 37. Thư ký Tổng Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm 01 (một) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Tổng Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng Công ty;

d) Hỗ trợ Tổng Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty từ 03 người đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định số lượng cụ thể cho mỗi nhiệm kỳ sau đó.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty.

2. Tổng Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Tổng Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công ty.

3. Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng Công ty.

3. Tổng Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các cổ đông của Tổng Công ty đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo bán niên được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Tổng Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Tổng Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 55. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 56. Giải thể công ty

1. Tổng Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Tổng Công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 57. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 58. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Tổng Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Tổng Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Tổng Giám đốc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Điều lệ Tổng Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần nhất trí thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2018 và được sửa đổi lần thứ ba theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại đại

hội tổ chức vào ngày 29 tháng 06 năm 2026 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.